



Picasso, chân dung lập thể (1908)

Khủng hoảng ngân hàng & bất trắc chính trị

Hải Vân

Các doanh nghiệp năng động nhất của Việt Nam đang nối tiếp nhau lâm vào tình trạng vỡ nợ : Minh Phụng và EPCO là những trường hợp mới nhất nhưng chưa phải là cuối cùng (tiếp theo sau có thể là Huy Hoàng, doanh nghiệp tư bản tư nhân đầu đàn của Việt Nam). Tiềm tàng từ một, hai năm nay, cuộc khủng hoảng của hệ thống ngân hàng đã bắt đầu xuất hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh : một vài ngân hàng thương mại đã mất khả năng chi trả tín dụng thư (lettre de crédit), trong đó VP Bank, ngân hàng tư doanh hàng đầu của thành phố, đã không chi trả nổi 3 triệu đô la tín dụng thư trong tháng hai vừa qua.

Đến nay, thái độ của chính quyền là giảm nhẹ tính nghiêm trọng của tình hình, thậm chí phủ nhận có khủng hoảng trong hệ thống ngân hàng. Theo bí thư Thành uỷ đảng cộng sản TP HCM Trương Tấn Sang : “ Không có vấn đề gì nghiêm trọng cả. Những vụ việc đã xảy ra không làm mất đi lòng tin vào ngân hàng. Hoạt động của các ngân hàng vẫn bình thường ”. Những lời tuyên bố nhằm trấn an dư luận và tránh một sự hoảng hốt trong giớiithân chủ của ngân hàng. Và dù biết người ta không tin, thống đốc Ngân hàng nhà nước Cao Sĩ Kiêm vẫn cam đoan không kiểm duyệt các thông tin trên báo chí Việt Nam về thực trạng ngành ngân hàng : “ Đưa tin hay không đưa tin là quyền của các nhà báo đúng như luật báo chí Việt Nam qui định ”. Thật ra, một thông tư do Ngân hàng nhà nước và bộ văn hóa thông tin cùng ký qui định rằng, bắt đầu từ ngày 16.3, mọi thông tin liên quan đến một ngân hàng phải được ngân hàng đó xác nhận trước khi cho đăng lên báo ! Cũng phải nói rằng, chính một cơ quan ngôn luận thuộc bộ tài chính – tạp

(xem tiếp trang 9)

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

Thời sự & những vấn đề

- | | |
|-------------------------------|--------------|
| 1 Khủng hoảng ngân hàng và... | Hải Vân |
| 4 Tin tức | |
| 10 Trở lại thời kỳ đồ đá ? | Phong Quang |
| 12 Vụ án Boudarel | Phan Đức |
| 14 Ba Lan : Hiến pháp mới | Minh Triết |
| 17 Điểm sách của Adam Fforde | Lê Văn Cường |

Văn hoá & khoa học & nghệ thuật

- | | |
|-----------------------------------|---------------|
| 18 Đọc thơ Đặng Văn Long | Nguyễn Thắng |
| 19 Triển lãm Lê Bá Đảng | Kiến Văn |
| 20 Prion(s) là cái quái gì ? | Bùi Mộng Hùng |
| 22 Thơ | Thu Lâm |
| 23 Suy nghĩ tản mạn về Sài Gòn | Nguyễn Đạt |
| 25 Hiện thực và hội hoạ hiện thực | Văn Ngọc |
| 29 Lá thư từ Quý Sửu | Bảo Ninh |

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Lê Văn Cường,
Nguyễn Ngọc Giao, Trần Hải Hạc, Bùi Mộng Hùng.

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ,
Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc,
Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,
Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ,
Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn,
Hải Vân, Hoà Văn

Compagnie EA SOLA

création mondiale

au **Théâtre de la Ville**, place du Châtelet, PARIS 4

il a été une fois

spectacle de la *Compagnie Ea Sola*, en co-production avec
Le Théâtre de la Ville (Paris), Le Kunsten Festival des Arts
(Bruxelles), Het Muziektheater (Amsterdam)

les 21, 23, 24, 25 et 26 mai 1997

Réservation : THÉÂTRE DE LA VILLE (Paris)

Tél : 01 48 87 54 42, Fax : 01 48 87 81 15

La compagnie EA SOLA participera au
17^e Festival international MONTPELLIER DANSE
(22 juin - 7 juillet). Renseignements : 04 67 60 20 44.

MAISON DES ARTS EUROPE ASIE

20 rue Greneta 75002 PARIS Tel/fax 01 42 33 40 30
ouvert du mardi au samedi de 10h30 à 19h30
le dimanche et le lundi de 15h30 à 19h00
Métro : Réaumur-Sébastopol

PROGRAMME DE MAI 97

EXPOSITION

ARTS PLASTIQUES

exposition de peinture de

TSAY Jaang-Jing

du 12 au 31 mai 97

vernissage le 15 mai à 18 h 30

ARTS ARTISANAUX :

« Objets d'art ou objets du quotidien ? »,

exposition permanente (céramique, bois laqué, bambou...)

CINÉMA

Sam. 24 mai à 17h : *Les murmures de la guerre*

Lời thì thầm của chiến tranh, film de Nguyễn Quang et
Dang Tu Anh, suivi d'une rencontre avec le premier.

COURS

Cours de langues et de civilisation : chinois, vietnamien,
indonésien, thaïlandais, japonais, plusieurs niveaux.

Cours de dessin et de peinture.

Cours de musique traditionnelle (monocorde, cithare, chant
populaire, déclamation de poésie...)

Bạn đọc viết cho chúng tôi

Mong thư Hà Nội

Xin cảm ơn anh chị đã tiếp tục gửi báo tặng. Trong điều kiện tài chính eo hẹp của *Diễn Đàn*, điều này thật quý. Tôi cũng muốn đóng góp bài vở (thay vì tài chính) để đáp lại thịnh tình của anh chị, nhưng tiếc rằng trình độ không cho phép. Phải thừa nhận, báo *Diễn Đàn* có trình độ cao, không những về nội dung bài vở, mà cả về trình bày. Đạo trước tôi đã định viết thư góp ý theo đề nghị của quý báo, nhưng quả thực tôi thấy với điều kiện hiện có, làm được như *Diễn Đàn* hiện nay là “tối ưu” rồi.

Tin tức Việt Nam của *Diễn Đàn* được biên tập rất chu đáo. Đây có lẽ là một điểm mạnh. Trình bày giản dị nhưng trang nhã và vẫn bật lên nét mỹ thuật. Tôi rất thích chữ *Diễn Đàn* viết kiểu “chữ thảo” trên tựa báo. Tóm lại là tuyệt. Tôi phải vắt óc mỗi nghĩ ra 2 ý để góp sau đây :

– Nên chỉnh các tựa đề bài ở kiểu chữ không chân, vì chữ trong bài đã là chữ có chân rồi.

– Nên duy trì mục *Thư Hà Nội*. Đạo trước thấy *Diễn Đàn* có mục này khá thường xuyên, viết gọn nhưng rất hay. Đạo này không thấy có nữa. Bạn đọc chắc vẫn mong đấy.

Kết cấu cân xứng cho các mảng văn nghệ, chính trị, tin tức, khảo luận nên duy trì.

V. L.H. (Prahá, CH Séc)

☞ *Nhu anh, chúng tôi cũng rất muốn nhận được đều đặn (và đăng) những Lá thư Hà Nội. Việt Nam đã sang xuân, nhưng thời tiết chính trị vẫn còn gió bắc thổi mạnh, sớm nắng chiều mưa, nên tác giả phải giữ gìn sức khoẻ. Có lẽ lời nhắc của anh sẽ làm tác giả hắt hơi hàng tràng dài, và biết đâu lại bớt... cảm hàn !*

rao vặt Bán lại với giá 1 000 F một máy điện toán PC 386 SX20 couleur (Marque Zenith), 6M RAM, 80M DD, Carte son Sound Blaster 16 Values, Modem Kortex (1200 bauds).

Tél : 01 30 80 73 55

E-mail : diendan_forum@compuserve.com

N.Q.T. OPTIQUE

Melle NGUYEN QUANG

opticien diplômé

SPECIALISTE VARILUX

Remise 20 % : verres Essilor, lentilles jetables, montures & solaires de grandes marques, loupes jumelles thermomètres
Montures en promotion jusqu'à 50 % et autres remises non cumulables.

Heures d'ouverture : matin 9 h 30 à 13 h
après-midi 14 h 30 à 19 h 00

(fermé samedi après-midi & lundi matin)

137 Boulevard de Grenelle, 75015 PARIS, Tél : 01 45 66 93 27
Métro : Cambonne ou La Motte Picquet Grenelle ; Bus : 49, 80.

Trung thực ?

Tôi đã đọc những trang *Trại quân pháp Bất Bạt* trích từ hồi ký *Đêm giữa ban ngày* của ông Vũ Thu Hiền, đăng trên *Diễn Đàn* số 61 (tháng 3.97) và mong rằng cuốn sách này sớm được xuất bản.

Tuy nhiên tôi có một ý kiến muốn nói với ban biên tập : trong *Lời toà soạn* có đánh giá “ đây là một chứng từ chính trị trung thực ”. Theo thiện ý, nói hồi ký tức là nói *chủ quan*, khó có thể *trung thực* được. Vả lại, đánh giá một tác phẩm là công việc của từng cá nhân, không phải là công việc của ban biên tập. Do đó, bài giới thiệu nên ký tên cá nhân người viết.

T.V.D. (Paris, Pháp)

Đúng như anh nói, hồi ký tất nhiên là *chủ quan*, không thể nào khách quan được. *Chủ quan*, vì nó kể lại sự việc từ trải nghiệm của một cá nhân, không có sự đối sánh với trải nghiệm của các cá nhân khác. Và so với sự trải nghiệm cá nhân, lời kể theo hồi ức có thể sai lệch do sự sàng lọc của bộ nhớ, hoặc do người kể cố trình bày sự việc để bảo vệ một quan điểm nào đó. Vì vậy mà hồi ký hay chứng từ có thể là trung thực hay không trung thực, tùy theo tác giả có bộ nhớ tốt hay không, có trình bày đúng như mình nhớ hay không, có cố gắng kiểm chứng điều mình nhớ với các sử liệu hay không. Chúng tôi đã được đọc kỹ toàn văn bản thảo hồi ký, gặp tác giả nhiều lần từ hai năm nay, và đã tìm hiểu vụ “ xét lại ” từ 10 năm nay nên mới mạnh dạn đánh giá đây là một chứng từ chính trị trung thực. Có thể nói thêm : hiếm có.

Sự đánh giá một tác phẩm, chúng tôi hoàn toàn đồng ý với anh, là công việc và trách nhiệm cá thể. Còn việc giới thiệu dưới ba chữ LTS (lời toà soạn) là một tập tục báo chí phổ biến. Khác với những bài xã luận hay xã luận ký tên tờ báo, nó không phản ánh một “ lập trường ” của ban biên tập. Như anh biết, *Diễn Đàn* khá dị ứng với xã luận : hơn 60 số báo, những bài bình luận ký tên ĐĐ không quá số ngón trên một bàn tay.

Hồi ký *ĐÊM GIỮA BAN NGÀY* của Vũ Thu Hiền đã được nhà xuất bản Văn Nghệ ở California phát hành từ cuối tháng 4-1997. Bạn đọc tại Hoa Kỳ có thể tìm mua tại khu Tiểu Sài Gòn ngay từ bây giờ. Bạn đọc ở Pháp chắc phải kiên nhẫn thêm một, hai tháng.

CONCERT en TRIO

Vinh Phạm, violon
Pierre Etcheverry, piano
Igor Kiritchenko, violoncelle

HAYDN : Trio n°44 en mi majeur
MENDELSSOHN : Trio N°1 en ré mineur
BEETHOVEN : Trio Archiduc

ngày 15.5.1997, hồi 20g30

tại Auditorium de l'Ecole Nationale de Musique de Fresnes,
Ferme de Cottinville, 41, rue Maurice Ténine, 94260 Fresnes
Vé vào cửa : tại chỗ (50 F, sinh viên hay dưới 18 tuổi : 30 F)

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo :

1/8 trang : 180 F

1/4 trang : 300 F

1/2 trang : 550 F

1 trang : 1000 F

(giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %)

Đăng liên tiếp nhiều số báo

lần thứ hai : bớt 10 %

từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên

Địa chỉ

.....Điện thoại :

mua một năm báo *Diễn Đàn* kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếuFF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250 FF, châu

Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc money order) về địa chỉ : DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 65 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (xem trên).

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi money order 65 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (xem trên).

Bạn đọc ở **Úc** : money order 65 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (xem trên).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương với 15 USD / năm, séc đề tên Anna Le Duc, tài khoản XO/PBP Warszawa,

1603-179360-170-4 Warszawa (for Forum), hoặc chuyển tiền qua bưu điện đến địa chỉ : Anna Le Duc, 03-914 WARSZAWA, ul. Saska 44/19.

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (bull. de versement virement).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung)

DIEN DAN - FORUM (Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto : N° 380 48 94 76 : BLZ 752 500 00)

Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức

Thương lượng Việt - Trung : không ngõ ngách

Gần một tháng sau khi đưa chiếc tàu khoan dầu Kantan-03 vào hoạt động trong một địa bàn thuộc lãnh hải Việt Nam, và trước phản ứng e ngại của các nước trong vùng (xem ĐĐ số 62), Trung Quốc đã chấp thuận tiến hành thương lượng với Việt Nam về cuộc tranh chấp lãnh thổ này. Sau khi rút chiếc tàu Kantan-03 ra khỏi vùng tranh chấp ngày 1.4, cuộc thương thuyết đã được tiến hành ở cấp chuyên viên (trưởng phái đoàn mỗi bên là một quan chức lãnh đạo vụ Luật và Hiệp ước quốc tế của bộ ngoại giao), trong hai ngày 9 và 10.4 tại Bắc Kinh. Tuy tuyên bố của cả hai bên đều nói lên không khí “hữu nghị và thẳng thắn” của hai ngày thảo luận, cuộc tranh chấp rõ ràng không được giải quyết và lập trường mỗi bên không suy chuyển gì. Người phát ngôn bộ ngoại giao Việt Nam đã tỏ ý “tiếc” rằng cuộc thương lượng không đạt kết quả. Trong khi đó, người phát ngôn bộ ngoại giao Trung Quốc nhấn mạnh thỏa thuận đạt được là “không để cho những khác biệt này ảnh hưởng tới các mối quan hệ hợp tác của hai bên”. Cùng ngày 9.4, bộ trưởng quốc phòng Trung Quốc Trì Hào Điền (Chi Haotian) cũng đã nhấn mạnh rằng “Trung Quốc và Việt Nam cần nhìn xa trông rộng về toàn bộ các mối quan hệ song phương, để thúc đẩy hợp tác và hữu nghị”, vì “cả hai đều phải đối phó với những thách thức về bảo vệ an ninh và phát triển”. Theo Tân Hoa xã, ông Chi Haotian đã phát biểu như trên trong cuộc tiếp kiến tướng Đào Trọng Lịch, cầm đầu một phái đoàn quân sự cao cấp của Việt Nam tới thăm Bắc Kinh.

Cuộc gặp riêng giữa hai thứ trưởng ngoại giao Vũ Khoan và Tang Jiaxuan một tuần sau đó, bên lề hội thảo thường niên ASEAN - Trung Quốc được tổ chức năm nay tại một nơi nghỉ mát vùng núi phía đông Trung Quốc, không mang lại gì thêm ngoài việc nhắc lại ý chí của cả hai bên “tiến hành thương thảo để giải quyết các tranh chấp về biên giới trên đất liền cũng như trên biển”. Ông Vũ Khoan cho biết hai thứ trưởng không bàn trở lại các vấn đề đã được nêu ở cấp chuyên viên hai nước, và tuyên bố “hài lòng vì chiếc tàu (Kantan-03) đã được rút đi”. Theo ông, “quan hệ giữa hai nước tiến triển tốt trên nhiều lĩnh vực khác nhau”. (tin AFP, Reuter 9-16, 20.4.1997)

Việt - Mỹ : trao đổi đại sứ

Hai ngày sau khi thượng nghị viện Mỹ thông qua việc bổ nhiệm cựu nghị sĩ Douglas “Pete” Peterson làm đại sứ ở Việt Nam, ngày 12.4.1997 bộ ngoại giao Việt Nam đã chính thức hoá tin ông Lê Văn Bằng được cử làm đại sứ Việt Nam tại Hoa Thịnh Đốn. Người ta chờ đợi ông Peterson sẽ bay sang Hà Nội ngay sau lễ tuyên thệ được dự trù vào ngày 29.4, và ông Lê Văn Bằng có thể sẽ trở sang Hoa Thịnh Đốn trước đó.

Ông Peterson, 61 tuổi, cựu quân nhân của không lực Hoa Kỳ, đã bị giam giữ ở Việt Nam hơn 6 năm trong chiến tranh, khi chiếc oanh tạc cơ ông lái bị bắn rơi năm 1966. Ông đã có dịp trở lại Hà Nội vào năm 1991, và đã thúc đẩy tổng thống Bill Clinton nối lại quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Ông Lê Văn Bằng, 50 tuổi, từng du học tại Cuba, là một nhà ngoại giao có nhiều kinh nghiệm của Việt Nam, nói thông thạo tiếng Anh và tiếng Tây Ban Nha, đã từng là đại biện của Việt Nam tại Hoa Thịnh Đốn.

Quan hệ Việt - Mỹ trước cuộc trao đổi đại sứ cũng đã được đánh dấu bằng việc bộ trưởng ngân khố Mỹ Robert Rubin sang thăm Hà Nội đầu tháng 4, thúc đẩy cuộc thương lượng về hiệp ước thương mại giữa hai nước và dự lễ ký kết thỏa thuận về việc Việt Nam nhận trả Mỹ món nợ 145 triệu đôla của chính phủ Sài Gòn trước 1975 (xem ĐĐ số trước). Ngoài các cuộc làm việc với bộ trưởng tài chính Nguyễn Sinh Hùng, thống đốc ngân hàng quốc gia Cao Sỹ Kiêm, và hội đàm với thủ tướng Võ Văn Kiệt, báo chí cũng đã đặc biệt chú ý tới cuộc gặp giữa ông Rubin và tổng bí thư Đỗ Mười. Theo ông Rubin, thỏa thuận về món nợ nói trên là một dấu hiệu nói lên thiện chí tôn trọng những cam kết đối với quốc tế của Việt Nam, song còn quá nhiều vấn đề phải giải quyết để có thể nói tới một lịch trình ký kết hiệp ước thương mại giữa hai nước. Một trong những khó khăn lớn, theo ông, là việc Việt Nam chưa chấp nhận khái niệm “bình đẳng” giữa các xí nghiệp quốc doanh và các xí nghiệp khác, trong đó có các xí nghiệp nước ngoài đầu tư vào Việt Nam. Tuy nhiên, ông cho biết cuộc hội đàm với thủ tướng Võ Văn Kiệt đã để lại cho ông ấn tượng sâu sắc về quyết tâm hướng tới một nền kinh tế thị trường của Việt Nam.

Mặt khác, theo ông Joseph Damond, một quan chức bộ thương mại Hoa Kỳ, cuộc thương lượng giữa hai nước về vấn đề bảo vệ tác quyền đã đạt kết quả tốt, “từ nay, các tác phẩm Mỹ sẽ được luật pháp bảo vệ ở Việt Nam, như những tác phẩm Việt Nam”. Cuộc thương lượng đã kéo dài ba ngày 14-16.4, tại Hà Nội. Theo ông Damond, thỏa thuận sẽ được ký kết trong một tương lai gần, và sẽ có hiệu lực 6 tháng sau đó. Về chuyện bảo vệ tác quyền, các luật gia quốc tế tại Hà Nội cũng đã đặc biệt chú ý tới bản án của tòa án TP HCM, buộc công ty Saigon Video phải bồi thường cho nhạc sĩ Trần Tiến 1 200 đôla vì đã sử dụng 10 bài hát của nhạc sĩ mà không xin phép. Phiên tòa kéo dài một tuần lễ, là vụ xử án đầu tiên ở Việt Nam về vấn đề tác quyền. (AFP 7, 8, 12, 14 và 16.4.1997)

Pháp hài lòng về sự chuẩn bị hội nghị thượng đỉnh Francophonie

Sau hai ngày làm việc ở Hà Nội (8-9.4), bà Margie Sudre, thứ trưởng ngoại giao Pháp phụ trách “cộng đồng pháp ngôn” (francophonie), tuyên bố “hài lòng” về các công tác chuẩn bị hội nghị thượng đỉnh francophonie, sẽ họp tại Hà Nội vào giữa tháng 11 tới. Đây là lần đầu tiên Việt Nam tổ chức một hội nghị quốc tế lớn cỡ này (với sự tham dự của 49 vị nguyên thủ các nước thuộc cộng đồng, có dân số tổng cộng 450 triệu người trong đó khoảng một nửa dùng tiếng Pháp). Pháp đã giúp Hà Nội 75 triệu quan cho việc

chuẩn bị hội nghị, trong đó 30 triệu được dành cho xây dựng một hội trường quốc tế. Canada (Quebec) góp thêm khoảng 18 triệu quan Pháp. Phía Việt Nam nhận phần tân trang nhà hát lớn Hà Nội (do Pháp xây thời trước) và lâu đài hữu nghị (Liên Xô giúp xây trong những năm 80) và những tiện nghi cho nơi ở của các phái đoàn. Các công tác xây dựng này, cũng như phần đào tạo tiếng Pháp cho khoảng 2000 cán bộ Việt Nam phục vụ cho hội nghị, theo bà Sudre, được thực hiện theo đúng tiến độ dự trù. Cũng theo bà Sudre, chủ đề chính của hội nghị do Việt Nam đề nghị, sẽ là “Tiếng Pháp và kinh tế”. Những đề tài khác có thể được đưa vào là “Giữ gìn sự ổn định trên thế giới”, “Phát triển bền vững”... Hội nghị cũng sẽ đề cử một “tổng thư ký cộng đồng francophonie” và Paris cho biết sẽ ủng hộ ông Boutros-Boutros Ghali, cựu tổng thư ký Liên hiệp quốc, ứng cử vào chức vụ này. (AFP 2, 8-9.4.1997)

Giáo dục : bỏ bộ đề thi

Theo nhà báo Bích Hà, báo **Lao Động** số đề ngày 6.4.1997, để triển khai “ng nghị quyết trung ương 2”, bộ giáo dục và đào tạo đã trình chính phủ một “kế hoạch hành động” gồm 28 đề án lớn và 11 vấn đề cụ thể cần làm ngay, nhằm chấn hưng nền giáo dục Việt Nam. Trong đó, nhiều công việc muốn giải quyết phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành và địa phương. Tuy nhiên, theo Bích Hà, “một số vấn đề nóng bỏng mà xã hội đang chờ đợi phụ thuộc phần lớn vào năng lực quyết định của bộ giáo dục và đào tạo”. Nhà báo kể ra : nạn học thêm, dạy thêm tràn lan, chế độ thi cử và chi phí học đường.

Về vấn đề đầu, BH cho biết “bộ GD và ĐT dự định sẽ cấm việc dạy thêm hoàn toàn ở cấp tiểu học hoặc quy định cụ thể những hình thức dạy thêm được phép”. Ngoài ra, trong cuộc họp của bộ với phó chủ tịch các tỉnh và thành phố cả nước, ngày 29.3, phó thủ tướng Nguyễn Khánh cũng đã “yêu cầu bộ GD và ĐT phải có quyết định ngay trong tháng 4, làm sao trước niên học 1997-98 phải có một sự chuyển biến rõ rệt, nạn dạy thêm học thêm tràn lan phải chấm dứt, bộ GD và ĐT không nên do dự”. Hiển nhiên, lương giáo viên không đủ sống là nguyên nhân chính dẫn đến nạn “80 % - 90 % học sinh phải học thêm thường xuyên. Học thêm từ rất sớm, thậm chí từ lớp một cho đến khi vào đại học”. Song người ta không thấy nhà báo nêu lên những biện pháp nào khác của bộ, ngoài dự định “cấm” mà chắc hẳn chính những quan chức trên bộ cũng “băn khoăn” không biết có thực hiện được không, vì “sẽ động chạm đến thu nhập thêm của giáo viên”. Sự băn khoăn hình như vẫn bóng ở cấp cao hơn ?

Về chế độ thi cử, bộ “đã có một thay đổi tích cực là bỏ bộ đề thi trong việc ra đề thi vào các trường đại học”, và dự định sẽ thực hiện một loạt các cải cách chế độ thi tốt nghiệp, thi chuyển cấp. Đáng kể là dự kiến “sẽ kết hợp hai kỳ thi tuyển sinh và thi tốt nghiệp làm một”, và tăng dần số môn thi bắt buộc ở các kỳ thi tốt nghiệp phổ thông lên 8 môn. Trước mắt, năm 1997 sẽ thi 5 môn, năm tới 6 hoặc 7 môn... Để chống nạn tiêu cực trong thi cử, bộ đề ra những chủ trương như “tổ chức hội đồng thi liên trường, đổi 100 % giám thị coi thi...”. Dĩ nhiên, bài báo không đề cập tới vai trò độc

hại của các “lãnh đạo tỉnh” khi họ có quyền can thiệp vào thi cử.

Về các chi phí học đường, người ta được biết phó thủ tướng Nguyễn Khánh đã đề nghị bộ GD và ĐT “ngay trong niên học này phải có các biện pháp thực hiện nghiêm túc chế độ thu tiền ở các trường học. Các trường phổ thông chỉ được thu 3 khoản của học sinh là : tiền học phí, lệ phí tuyển sinh, lệ phí thi ; tiền đóng góp xây dựng trường học và tiền tạp dịch (phục vụ chính người học như trông xe đạp, vệ sinh, đun nước uống, tiền điện nước...)”. Các khoản khác như tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể, tiền tham quan, tiền may đồng phục... không được phép.

Hội toán học Việt Nam 30 tuổi

Hội nghị toán học toàn Việt Nam lần thứ 5 sẽ được tổ chức tại Hà Nội vào những ngày 17-20.9.1997, trùng với dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Hội toán học Việt Nam. Trưởng thành ngay trong chiến tranh, được sự tiếp sức của nhiều nhà toán học lớn trên thế giới (các giáo sư Laurent Schwartz, Alexandre Grothendieck, giải Fields – tương đương với giải Nobel –, và nhiều nhà toán học quốc tế khác từng giảng xê-mi-na toán ở Việt Nam dưới bom đạn Mỹ), toán học là ngành khoa học có tầm cỡ nhất của Việt Nam. Tuy nhiên, hiện nay việc thu hút lực lượng trẻ vào ngành gặp rất nhiều trở ngại, vì sự cạnh tranh (kinh tế thị trường !) của nhiều ngành như tin học, quản lý, mang lại thu nhập khá hơn nhiều so với lương bổng ở đại học.

Theo thông báo số 1 của hội nghị, “Hội nghị cũng rất hoan nghênh sự tham gia của các nhà toán học Việt Nam ở nước ngoài và các nhà toán học quốc tế”. Địa chỉ liên hệ : G.s. Đinh Dũng, Viện công nghệ thông tin, Nghĩa Đô, Từ Liêm, Hà Nội. Điện thoại : 84 4 8361770 ; Fax : 84 4 8345217 ; E-mail : ddung@math-ioit.ac.vn. Hạn đăng ký : trước ngày 31.5.1997.

Đường Trường Sơn

Một uỷ ban cấp chính phủ đã được thành lập để theo dõi dự án thực hiện con đường xuyên Việt mới, đường Trường Sơn (xem ĐĐ số 62) mà thủ tướng Võ Văn Kiệt là người khởi xướng và bảo vệ triệt để, mặc dù theo một số nguồn tin nhiều đại biểu quốc hội nêu lên nhiều câu hỏi chưa được trả lời chung quanh các vấn đề khả năng thực hiện, bảo quản và ảnh hưởng lên môi trường. Uỷ ban do chính thủ tướng làm chủ nhiệm, gồm 12 uỷ viên trong đó có nhiều bộ trưởng hoặc thủ trưởng các bộ Giao thông vận tải, quốc phòng, tài chính, kế hoạch và đầu tư. Nghiên cứu khả thi của dự án sẽ bắt đầu vào tháng 6 này, và cuộc khởi công dự trù vào đầu năm tới. Theo dự án, con đường ban đầu sẽ chỉ gồm hai làn xe, song sẽ được nâng lên 4 làn sau một thời gian ngắn, và một số đoạn 6 làn. Ý định động viên lao động cho các công trình công ích trước hết là nhằm cho công trình này.

Mặt khác, việc nâng cấp quốc lộ số 1 tiếp tục được sự hỗ trợ của nhiều tổ chức quốc tế như Ngân hàng thế giới (WB) và Ngân hàng phát triển châu Á. Mới đây, WB đã cho Việt Nam vay thêm 196,6 triệu đôla dành cho công tác xây dựng cơ sở hạ tầng này. Ngoài ra, chính phủ đã thông qua dự án

mở đường hầm dưới đèo Hải Vân, trên lộ trình của quốc lộ 1 hiện nay. Toàn dự án bao gồm việc xây dựng 14 km đường, trong đó có 5 km hầm, trị giá 163 triệu đôla, trong đó 59 triệu được Quỹ hợp tác kinh tế với nước ngoài của Nhật trợ cấp. (AFP 30.3, 4 và 5.4.1997)

Tamexco : “ Những người liên can ”

Toà phúc thẩm xét xử vụ án Tamexco cuối tháng ba vừa qua đã bác đơn kháng cáo của tất cả bị cáo, và đã y án sơ thẩm (xem ĐĐ số 61) : tử hình đối với bốn ông Phạm Huy Phước (giám đốc công ty Tamexco), Trần Quang Vinh (giám đốc công ty Bình Giã), Lê Minh Hải (giám đốc công ty Dolphin) và Lê Đức Cảnh (trưởng phòng công chứng tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu) ; cũng như án tù 3 đến 15 năm tù đối với quan chức ngân hàng Nguyễn Mạnh Thúy (tổng giám đốc Vietcombank), Nguyễn Văn Dể (tổng giám đốc Vietcombank sau ông Thúy), Nguyễn Duy Lộ (phó tổng giám đốc Vietcombank), và Trần Linh (phó tổng giám đốc First Vinabank) ; án chung thân đối với Lê Văn Phúc, giám đốc công ty Minh Hưng v.v...

Ngoài 20 bị cáo, phiên toà phúc thẩm đã triệu tập 35 người có liên quan, trong đó có : bà Phạm Ngọc Sương, phó ban tài chính quản trị thành uỷ Đảng cộng sản Thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan chủ quản Tamexco ; ông Phạm Văn Hoà, phó bí thư quận uỷ Tân Bình của Đảng cộng sản là cơ quan trực tiếp quản lý Tamexco ; bà Lê Thị Vân, nguyên phó chủ tịch uỷ ban nhân dân TPHCM, chủ tịch uỷ ban nhân dân quận Tân Bình và theo lời khai của ông Phước, đã nhận mười ngàn đôla quà biếu và một xe ô tô trị giá 31 000 đôla ; ông Chu Văn Nguyễn, phó thống đốc Ngân hàng nhà nước, là người đã cho phép Vietcombank và First Vinabank bảo lãnh Tamexco vay vượt mức và đáo hạn trái phép ; ông Nguyễn Nhật Hồng, giám đốc Ngân hàng công thương TPHCM và, theo lời khai của ông Phước, đã nhận hối lộ 19 500 đôla ; ông Đinh Ngọc Niết, chuyên viên bộ thương mại, đã cấp quota nhập hàng ưu tiên cho Tamexco ; ông Mai Văn Hoà, cán bộ truyền hình và, theo lời khai của ông Phước, đã nhận hối lộ 80 000 đôla ; ông Nguyễn Minh Ninh chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, đã chuẩn y việc chuyển giao đất của tỉnh cho Tamexco. Phản ánh một dư luận khá phổ biến, báo Lao Động, “ tiếc “ rằng, thay vì khởi tố tại toà theo luật định, phiên xử sơ thẩm cũng như phúc thẩm chỉ “ kiến nghị ” viện kiểm sát tiếp tục điều tra làm rõ trách nhiệm của “ những người liên can ”. Người ta cũng có thể tiếc rằng “ dưới phần nổi của tảng băng ”, trong danh sách của những người liên can đó vẫn vắng mặt một số nhân vật hàng đầu (như ông Nguyễn Hà Phan, nguyên uỷ viên bộ chính trị, trưởng ban kinh tế trung ương của đảng, đã bị cách chức về tội cung khai phản bội khi bị dịch bắt trong thời chiến tranh. Theo một lời khai của ông Phước, ông Phan đã nhận 100 000 đôla hối lộ.).

Sau phiên toà phúc thẩm, Tamexco đã nộp đơn tại toà án kinh tế xin tuyên bố phá sản. Theo số liệu điều tra, tổng số nợ mà Tamexco phải trả lên tới gần 400 tỷ đồng trong khi tổng số nợ mà Tamexco phải thu chỉ là một phần năm, nghĩa là các chủ nợ mất trắng khoảng 320 tỷ đồng. Trong những chủ

nợ lớn nhất có First Vinabank (131 tỷ đồng), Vietcombank TPHCM (116 tỷ đồng), Vietcombank trung ương (20 tỷ đồng), Ngân hàng công thương TPHCM (12 tỷ đồng) và bộ tài chính với các khoản bộ nội địa (11 tỷ đồng), thuế xuất nhập khẩu (10 tỷ đồng). Một số chủ nợ cho rằng cần phải buộc ban tài chính quản lý thành uỷ và quận uỷ Tân Bình liên đới bồi thường số nợ của Tamexco. Về vấn đề này, theo lời một quan chức ngành toà án, được báo Tuổi Trẻ trích dẫn, vẫn còn hai loại ý kiến khác nhau : một ý kiến cho rằng cơ quan chủ quản phải thay doanh nghiệp trả nợ đến khi hết nợ ; một ý kiến khác cho rằng nợ chỉ được trả trong giới hạn của số tài sản mà cơ quan chủ quản đã giao chính thức cho doanh nghiệp (trong trường hợp Tamexco là số 0 !). “ Và loại ý kiến thứ hai này hiện đang chiếm ưu thế ”. (Tuổi Trẻ 25,27, 29.3 và 5.4; Lao Động 3.4 ; Người Lao Động 7.4.97)

Ngân hàng : luật và lệ

Bình luận về vụ án Tamexco, Thời Báo Kinh tế Sài Gòn nhận xét trong cả hai phiên xử sơ thẩm và phúc thẩm “ chưa hề thấy vang lên tiếng nói nào đề cập tới trách nhiệm quản lý của Ngân hàng nhà nước ”. Theo pháp lệnh về ngân hàng ban hành năm 1990, Ngân hàng nhà nước là cơ quan có chức năng quản lý của ngân hàng thương mại. “ *Lẽ nào chỉ ngân hàng thương mại chịu trách nhiệm về hoạt động của mình ?* ”

Câu hỏi càng đặt ra khi người ta được biết rằng tín dụng khổng lồ mà Vietcombank và First Vinabank cấp cho Tamexco vi phạm những quy định của pháp định ngân hàng về nguyên tắc tránh rủi ro và định mức ngân hàng được phép cho vay với vốn tự có. Thực ra, chính một thông tư của Ngân hàng nhà nước (thông tư số 8 do phó thống đốc Chu Văn Nguyễn ký) đã cho phép các ngân hàng thương mại cấp tín dụng vượt mức. Và trên cơ sở văn bản này, bốn quan chức ngân hàng bị cáo trong vụ Tamexco đã có lý khi họ không nhận đã vi phạm luật lệ ngân hàng như lời buộc tội của viện kiểm sát. Cũng như luật sư của các bị cáo đã hoàn toàn có lý khi cho rằng thông báo số 8 có giá trị pháp lý bởi vì cho đến nay vẫn chưa có kháng nghị nào của viện kiểm sát về tính hợp pháp của nó. Hơn thế nữa trưởng đại diện Hiệp hội ngân hàng tại Thành Phố Hồ Chí Minh, ông Nguyễn Thanh Châu, cho biết không chỉ có Vietcombank hay First Vinabank cho vay vượt mức quy định mà hầu hết các ngân hàng cho vay ngoại tệ đều làm như vậy. “ *Song toà án chỉ xử việc cho vay vượt không trả được nợ, còn thu được thì không xử* ” ! Giám đốc sở tư pháp TPHCM Võ Văn Thôn thừa nhận “ *việc ra văn bản không đúng quy định của nhà nước là phổ biến* ”.

Theo các chuyên gia kinh tế Lâm Võ Hoàng và Trần Tố Tự, các vụ Tamexco cũng như EPCO hay Minh Phụng là “ *thuộc hiện hình một thực trạng ngân hàng* ” trong đó từ Ngân hàng nhà nước đến các ngân hàng thương mại tự đặt mình ở ngoài khung pháp luật và hoạt động bất chấp những quy tắc tín dụng sơ đẳng nhất. Không những thế, Ngân hàng nhà nước còn “ *muốn điều chỉnh cái đúng để hợp pháp hoá những việc làm sai* ”. Trong dự thảo sửa đổi pháp lệnh để nâng lên thành luật ngân hàng, các quan chức ngân hàng đã đề nghị bỏ các quy định cho vay có định mức và có bảo đảm. Họ cho rằng những quy định này không phù hợp với tính

“ đặc thù của Việt Nam là một nền kinh tế đang chuyển đổi : cần bãi bỏ các quy định hạn chế đó để cho hệ thống ngân hàng đáp ứng được nhu cầu vốn của nền kinh tế ”. Song, sau khi cuộc khủng hoảng ngân hàng được xuất hiện tại Thành Phố Hồ Chí Minh, chính phủ đã phải rút lại ngay bản dự luật về ngân hàng dự kiến đưa ra thảo luận trong kỳ họp quốc hội tháng 4. (Thời Báo Kinh Tế Sài Gòn 20.3 và 3.4 ; Tuổi Trẻ 29 và 30.4.97)

Minh Phụng, EPCO : hàng ngàn tỷ đồng nợ....

Cuối tháng ba vừa qua viện kiểm sát Thành Phố Hồ Chí Minh đã có quyết định khởi tố và bắt tạm giam giám đốc của hai công ty Minh Phụng (ông Tăng Minh Phụng) và EPCO (ông Khui Liên Thìn) về tội “ lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa và tài sản công dân ”. Theo hồ sơ khởi tố, ông Tăng Minh Phụng có mượn của công ty EPCO một lô hàng hoá để Minh Phụng làm tài sản thế chấp với Vietcombank vay hơn 200 tỷ đồng. Tuy chưa có giải chấp của ngân hàng, ông Khui Liên Thìn đã cho bán ra lô hàng hoá nói trên để EPCO trả một khoản nợ cho Vietcombank. Trong khi đó tới ngày đáo hạn, công ty Minh Phụng không trả được nợ cho Vietcombank.

Ngay khi hai ông Phụng và Thìn bị bắt giam, uỷ ban nhân dân thành phố đã thành lập một ban chỉ đạo nhằm ổn định hoạt động sản xuất và kinh doanh tại hai công ty. Ông Nguyễn Văn Chí, trưởng ban chỉ đạo, cho biết uỷ ban nhân dân không muốn hai công ty Minh Phụng và EPCO sụp đổ mà muốn buộc Minh Phụng và EPCO trả dần công nợ bằng cách giúp hai công ty tiếp tục sản xuất và kinh doanh. Các biện pháp đưa ra gồm có : giải toả sớm các hồ sơ niêm phong và những tài khoản của các công ty ; đề nghị các ngân hàng khoan đòi nợ và cấp thêm tín dụng cho các công ty ; kiến nghị bộ thương mại cấp thêm quota xuất nhập khẩu cho hai công ty hoạt động.

Cũng như EPCO, hoạt động chính của Minh Phụng tập trung ở hai khu vực kinh doanh bất động sản và nhập hàng trả chậm. Là một công ty thuộc uỷ ban nhân dân quận ba Thành Phố Hồ Chí Minh, EPCO có một món nợ ngân hàng lên đến hơn 300 tỷ đồng. Còn công ty tư nhân Minh Phụng, với một số vốn điều lệ 17 tỷ đồng, đã có thể vay, chủ yếu từ các ngân hàng, một số vốn hoạt động gấp 200 lần : khoảng 3400 tỷ đồng ! (Tuổi Trẻ 25, 27, 29. 3 và 8. 4 ; Người Lao Động 28. 3. 97)

Hà Nội từ chối cứu trợ Bắc Triều Tiên ?

Theo nhiều nguồn tin quốc tế, một nạn đói đang đe dọa số mạng của hàng triệu dân bắc Triều Tiên. Đầu tháng 4, Liên hiệp quốc đã tung ra một đợt quyên góp 126 triệu đôla viện trợ lương thực khẩn cấp cho họ. Nhân chuyến đi thăm Việt Nam một tuần, từ ngày 7.4, phó thủ tướng Bắc Triều Tiên Kong Chin The đã yêu cầu Việt Nam trợ giúp cuộc chống đói bằng cách bán chịu (trong 5 năm) 50 000 tấn gạo gửi ngay sang nước ông. Tuy nhiên, theo một nguồn tin Việt Nam mà phóng viên AFP tại Hà Nội thu được, yêu cầu này, được đặt ra trong cuộc hội đàm giữa ông Kong Chin The với phó thủ tướng Trần Đức Lương, chưa được phía Việt Nam đồng tình

giải quyết. Nguồn tin nói trên cho biết Hà Nội đòi Bình Nhưỡng thực hiện trước đã lời hứa bắt đầu trả món nợ 5 triệu đôla, trị giá của 20 000 tấn gạo mua của Việt Nam năm 1996, hoặc nhận đổi món nợ đó với món nợ vũ khí mà Triều Tiên đã cho Việt Nam vay trong chiến tranh. (AFP 8, 10.4.1997)

Việt Nam và Phi Luật Tân phối hợp nghiên cứu biển Đông

Các nhà khoa học Việt Nam và Phi Luật Tân đã phối hợp nghiên cứu vùng biển phía nam biển Đông đặc biệt tập trung vào các phạm vi thiên nhiên, hải dương học, hệ động vật và hệ thực vật. Đợt nghiên cứu vừa qua đã gặt được nhiều kết quả cho nền khoa học hai nước.

Phía nam biển Đông (còn được gọi biển Trung Hoa) chứa nhiều tài nguyên thiên nhiên, hiện là vùng tranh chấp về chủ quyền giữa các nước Brunei, Đài Loan, Mã Lai, Phi Luật Tân, Trung Quốc và Việt Nam.

Phối hợp nghiên cứu khoa học giữa Việt Nam và Phi Luật Tân về biển là một cách giải quyết mối bất đồng giữa hai bên. Đợt nghiên cứu này do phía Phi Luật Tân chủ trì đã kết thúc sau một buổi họp hai ngày (22 và 23 tháng tư) ở Hà Nội. Trong chuyến đi thăm Việt Nam của ngoại trưởng Phi Luật Tân Domingo Siazon, hai bên đã thoả thuận thực hiện một đợt nghiên cứu thứ hai do phía Việt Nam chủ trì.

Một sách bị bắt !

Một người Việt Nam ở München, 44 tuổi, chuyên viên tin học đang thất nghiệp, đã bị cảnh sát Đức bắt về tội ăn trộm sách. Hơn 5 000 cuốn sách chuyên môn, nặng khoảng 5 tấn, trộm của các thư viện vùng München không biết từ bao giờ, chất đầy trong một căn hộ khoảng 20 mét vuông, làm cho trần và tường nhà căn hộ tầng dưới bắt đầu rạn nứt. Một người thợ sơn tình cờ nhìn qua cửa sổ, thấy sách chất đầy tới tận trần, đã báo cảnh sát. Những điều tra viên đã phải tốn rất nhiều công phu sắp xếp mới tìm ra được sở hữu chủ của khoảng 2/5 số sách nói trên, trị giá ước tính là 150 000 Đức mã ! Cảnh sát không cho biết tên người một sách đó là ai. (AFP 26.3.1997)

Một đợt quảng cáo của Coca cola bị ngăn chặn

Một đợt quảng cáo của hãng Coca Cola bị cấm vì lý do “ xâm phạm luật pháp Việt Nam ”. Theo ông Nguyễn Cương, phó giám đốc phòng thương mại thành phố Hồ Chí Minh thì Coca Cola “ tiến hành đợt này trong khi không được cho phép ”. Đợt quảng cáo bắt đầu ở miền Bắc, Coca-cola đưa ra giải thưởng một chiếc xe đạp đi núi (mountain bike) cho những ai góp được sáu mảnh của mẫu hình chiếc xe đạp in dưới nắp chai coca.

“ T.P. Hồ Chí Minh không cho phép những đợt quảng cáo có tính chất cờ bạc ”, ông Cương tuyên bố. Ông cho biết nhiều cha mẹ than phiền con em bỏ học để đi kiếm nắp chai coca. Theo ông, cho phép Coca quảng cáo kiểu này sẽ gây tai hại cho các hãng sản xuất nước giải khát quốc nội.

Theo tuần báo Vietnam Investment Review thì Coca

Cola chiếm 52% thị trường nước giải khát trong nước. Chỉ vài giờ đồng hồ sau khi Mỹ bỏ cấm vận năm 1994 là Coca Cola đã cho bán khắp đường phố Việt Nam, và đẩy mạnh quảng cáo, dựng một bức tượng cao tám thước hình một chai Coca ngay trước nhà hát lớn Hà Nội. (AFP 23.04.1997)

Tiếng Việt thương mại và các đại biểu

Theo tờ nhật báo tiếng Anh **Vietnam News** ngày 22.4, cuộc thảo luận về bộ luật thương mại ở quốc hội đang làm đau đầu các đại biểu vì những thuật ngữ chuyên môn dùng trong đó. Theo nhiều đại biểu, các tác giả dự án luật đã thoải mái vay mượn các văn bản luật pháp của nhiều nước, và đã “dịch từng chữ nhiều đoạn văn nước ngoài”. Nhiều đại biểu khác cho rằng dự án không đếm xỉa đến các điều kiện cụ thể của Việt Nam, không đáp ứng các yêu cầu phát triển thương mại ở các vùng quê hẻo lánh.

Dự án luật này có 352 điều khoản, chia trong 7 chương, bao gồm những điều khoản về thuế má, về các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp nhà nước, về phá sản... Theo dự tính, luật sẽ được thông qua trong kỳ họp quốc hội này. (AFP 22.4.1997)

Tin ngắn

- Tân thủ tướng Thái Chaowalit Yonchaiyudh đã tới thăm Việt Nam trong hai ngày 30 và 31.3, nhằm đẩy mạnh hơn hợp tác kinh tế giữa hai nước, và thảo luận với thủ tướng Võ Văn Kiệt về các phương án giải quyết tranh chấp giữa hai nước về đánh cá trong vịnh Thái Lan. Thái cũng sẽ đề nghị cho Việt Nam vay nhẹ lãi vốn xây dựng lại con đường 9 nối trung bộ Việt Nam với Lào và Thái.

- “Just do it !”. Đó là khẩu hiệu nổi tiếng của hãng giày thể thao Nike. “Cứ làm đi !”. Vì thế mà bà cai một dây chuyền sản xuất của một chi nhánh của Nike ở Sài Gòn đã chẳng quản ngại phạt nữ công nhân của mình chạy bộ dưới nắng gắt tới tít xiu. ĐĐ số trước đưa tin này đã quên một chi tiết mấu chốt : hãng Pouchen chính là của Nike. Nên chi phải nhắc lại để bà con ta mỗi lần mua Nike thì nhớ cho.

- Để ngăn chặn nguy cơ sụp đổ của các ngân hàng trong nước (xem ĐĐ số 62), nhà nước ta trước mắt đã nghĩ ngay tới một mưu kế cao siêu : cấm báo chí đưa tin ! Chính xác hơn, chỉ được phép đưa những tin từ chính ngân hàng phát ra. Chỉ thị lịch sử này mang chữ ký của bộ trưởng “văn hoá - thông tin” Nguyễn Khoa Đăng và Thống đốc ngân hàng quốc gia Cao Sỹ Kiêm.

- Theo báo **Lao Động** ngày 28.3, thủ tướng Võ Văn Kiệt chủ trương cấm xuất khẩu các loại gỗ trong 10-15 năm tới, kể từ năm nay. Thủ tướng cho biết chính phủ đã có kế hoạch nhập khẩu gỗ để đáp ứng nhu cầu trong nước, đồng thời với kế hoạch trồng lại khoảng 6 triệu hecta rừng từ đây tới năm 2005, để tăng diện tích rừng phủ từ 28 % hiện nay lên khoảng 40 - 50 %.

- Theo hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, từ 1991 tới nay đã có ít nhất 12 000 phụ nữ ở các tỉnh Lạng Sơn, Hà Bắc, Hải Phòng và một vài tỉnh miền núi phía bắc, phần lớn là nông dân, đã bị bán sang Trung Quốc, làm vợ những nông dân

Trung Quốc ở vùng biên giới, hoặc xấu số hơn, mại dâm ở các nhà chứa trong vùng.

- Thống kê chính thức của bộ Lao động cho biết trong năm qua đã có 1545 tai nạn lao động được ghi nhận, trong đó có 285 người bị chết và 467 người bị thương nặng. Tuy nhiên, thống kê này không tính tới các tai nạn trong những xí nghiệp tư doanh.

- Bảy trẻ em từ 9 tới 15 tuổi đã thiệt mạng vì một quả bom bi nổ ngày 9.4.1997 tại sân trường ở huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, 33 em khác và thầy giáo bị thương. Bom bi là một “sáng tạo” lớn của công nghệ chiến tranh Hoa Kỳ, khi nổ bắn ra hàng trăm mảnh đạn ghăm vào mình các nạn nhân. Hiện nay, ở nhiều tỉnh miền Trung, thỉnh thoảng vẫn xảy ra một vụ bom cũ vùi dưới đất nổ ra bất ngờ.

- Trong một bài trả lời phỏng vấn báo Nhân Bản (của Tổng hội sinh viên Việt Nam tại Paris), số tháng 4.1997, cựu tổng thống Dương Văn Minh đã xác nhận tin ông chuẩn bị về nước “*sống những ngày cuối cùng trên đất nước với dân tộc của mình*”. Ông Dương Văn Minh năm nay 82 tuổi, sang Pháp định cư từ năm 1981.

- Trung quốc và Việt Nam đã cho mở lại đường xe lửa Côn Minh (Kunming, tỉnh Vân Nam) – Hà Nội. Hôm 18 tháng tư, hai toa xe khách đã khởi hành để nối tỉnh này với tỉnh kia sau 30 giờ trên đoạn đường sắt cỡ hẹp. Đây là đường xe lửa thứ hai nối hai nước. Đường thứ nhất nối hai thủ đô Hà Nội - Bắc Kinh đã được mở lại từ tháng 2.1996.

- Ngoại trưởng Hung Laszlo Kovacs đã tới thăm Việt Nam 3 ngày 23-25.4, nhằm đẩy lại các quan hệ hợp tác và trao đổi thương mại giữa hai nước. Cho tới cuối những năm 80, Hung là một trong những bạn hàng chính của Việt Nam.

- Cùng ngày, tổng thống Bêlarút Alexandre Loukachenko cùng một đoàn 10 bộ trưởng và doanh nhân cũng tới Hà Nội, trong một chuyến Đông du nhằm thúc đẩy các trao đổi thương mại với các nước châu Á.

- Việt Nam và Na Uy đã ký kết một hiệp ước khung cho các quan hệ thương mại giữa hai nước ngày 22.4. Hiệp ước được ký tại Hà Nội nhân chuyến đi thăm Việt Nam của bà Nordheim-Larson, bộ trưởng hợp tác của Na Uy.

- Tiếp theo Quy chế tạm thời về sử dụng mạng Internet ở Việt Nam (xem ĐĐ số 62), bộ chính trị đảng CSVN đã ra một chỉ thị nhằm ngăn chặn những tiết lộ bí mật trên Internet. Chỉ thị yêu cầu các chi bộ và cơ quan phải kiểm soát chặt chẽ Internet, và làm thế nào để tránh sự nổi vào mạng một cách hàng loạt và tự phát !

- Huấn luyện viên bóng đá Karl H. Weigang, người Đức, đã chấm dứt hợp đồng với Liên đoàn bóng đá Việt Nam ngày 29.3.1997, sau hơn hai năm tham gia huấn luyện đội tuyển quốc gia, góp phần mang lại huy chương bạc cho bóng đá Việt Nam tại giải Seagames năm 1995 tại Thái Lan. Ông Weigang cũng đã từng làm huấn luyện viên của đội bóng đá miền Nam trước năm 1975. Tuy được sự tín nhiệm của các cầu thủ và người hâm mộ bóng đá, công việc của ông Weigang luôn luôn bị trở ngại vì những tranh chấp trong liên đoàn bóng đá cũng như trong tổng cục thể dục thể thao VN nói chung.

Khủng hoảng...

(tiếp theo trang 1)

chí Tài chính và thị trường, số đầu tháng ba – đã đầu tiên đưa tin về khả năng “ sụp đổ dây chuyền của toàn bộ hệ thống ngân hàng ” nếu nhà nước không cứu vớt.

Một hậu quả của việc bùng phát thông tin về thực trạng hệ thống ngân hàng là đưa đẩy dư luận thêm dấy lên những kịch bản tai biến. Như là liên hệ hiện tình Việt Nam với những gì đã xảy ra ở Anbani : một sự sụp đổ dây chuyền của hệ thống các quỹ tín dụng kim tự tháp đưa tới một sự tan rã của cả bộ máy chính quyền. Trên thực tế, sự phá sản của hệ thống tín dụng loại kim tự tháp đã xảy ở Việt Nam vào năm 1990 (hơn 300 hợp tác xã tín dụng – nổi danh nhất là Thanh Hương – với tổng số tiền gửi khoảng 100 triệu đô la) song không gây tác động gì đáng kể đối với trật tự công cộng (ngoại trừ một vài cuộc tập hợp, biểu tình nhỏ trước trụ sở uỷ ban nhân dân). Trái lại, sự phá sản của tổ chức tín dụng phi chính qui này bắt buộc nhà nước Việt Nam khẩn trương củng cố những định chế tín dụng với pháp lệnh năm 1990 thiết lập hệ thống ngân hàng hai cấp (các ngân hàng thương mại và Ngân hàng nhà nước). Cuộc khủng hoảng ngân hàng ngày hôm nay do đó càng nghiêm trọng vì không thể nói rằng hoạt động tín dụng những năm qua thiếu khung luật pháp như thời kỳ các hợp tác xã tín dụng năm 1990. Nguyên do chính của nó ở chỗ hệ thống ngân hàng tự đặt mình ngoài khuôn khổ pháp luật, vi phạm các qui tắc sơ đẳng về ngân hàng trong hoạt động tín dụng, với sự làm ngơ thông cảm của nhà nước (xem tin “ Ngân hàng : luật và lệ ” trong mục Tin tức).

Xét từ góc độ chính trị, thực trạng nói trên đặt ra hai loại câu hỏi : Hệ thống ngân hàng Việt Nam có khả năng sụp đổ chăng ? Cuộc khủng hoảng ngân hàng sẽ có tác động gì đối với đảng cầm quyền ?

Trước hết, cuộc khủng hoảng hiện nay không phải là một điều bất ngờ. Nó đã được báo trước chỉ ít từ năm 1995 khi giá cả trên thị trường nhà đất bắt đầu giảm sau năm năm liên tục tăng, khiến cho phần đông những doanh nghiệp đã vay vốn ngân hàng để đầu cơ bất động sản không còn khả năng trả nợ. Mặt khác, lợi dụng sự ổn định từ năm 1992 của tỷ giá hối đoái, một số lớn doanh nghiệp đã vay ngân hàng để nhập hàng trả chậm, bán rẻ hơn giá mua, nhằm quay vòng vốn kiếm lời. Cho đến đầu năm nay, khi tỷ giá đồng đô la tăng đáng kể (một quyết định của Ngân hàng nhà nước, mở rộng phạm vi biên độ của tỷ giá từ 0,5 % lên 5 %, thực chất phá giá đồng bạc Việt Nam gần 5 %) biến lời dự kiến của những doanh nghiệp thành lỗ thực thụ, và khiến các ngân hàng đã bảo lãnh tín dụng thư không thể thu hồi nợ ở trong nước mà vẫn phải đứng ra chi trả nợ cho nước ngoài. Theo hãng tin AFP, giới ngân hàng ước tính tổng dư số không đòi được hoặc khó đòi vào khoảng 1,5 tỷ đô la. Trong khi đó, những dự trữ của Ngân hàng nhà nước không vượt quá 1,6 tỷ đô la.

Tuy nhiên, các quan sát viên không tin rằng một sự sụp đổ dây chuyền của toàn bộ hệ thống ngân hàng có thể xảy ra ở Việt Nam. Một mặt, vì có một thực tế khác là hơn hai phần

ba khối lượng ngoại tệ và vàng của Việt Nam hiện lưu hành ở ngoài hệ thống ngân hàng. Mặt khác, Ngân hàng nhà nước Việt Nam đã tuyên bố sẵn sàng bảo đảm rủi ro cho những ngân hàng thương mại : ông Cao Sĩ Kiêm cho biết ngân hàng trung ương không loại trừ khả năng sử dụng dự trữ ngoại tệ vào việc trợ giúp những ngân hàng thương mại quốc doanh gặp khó khăn (như Vietcombank), và những ngân hàng thương mại quốc doanh có thể góp vốn vào củng cố một số ngân hàng thương mại tư doanh mất khả năng chi trả (như VP Bank) . Đồng thời, một số đồng quan sát viên cũng không tin rằng hệ thống ngân hàng Việt Nam có thể tự cứu lấy mình : Việt Nam khó lòng thoát nạn nếu không có một sự hỗ trợ từ các định chế tài chính quốc tế (Quỹ tiền tệ quốc tế IMF và Ngân hàng thế giới WB) mà quyết định cuối cùng thuộc về Washington. Trong chuyến viếng thăm Việt Nam của bộ trưởng tài chính Mỹ Robert Rubin tháng tư vừa qua, người ta được biết Hà Nội có yêu cầu Washington ủng hộ Việt Nam vượt qua cuộc khủng hoảng hiện nay. Song, có một số ý kiến cho rằng Hoa Kỳ sẽ không làm gì để cứu đảng cộng sản Việt Nam. Nhiều ý kiến ngược lại cho rằng Washington không có lợi gì để cho chính quyền Hà Nội sụp đổ khi mà người Mỹ không có giải pháp thay thế : lợi ích của Hoa Kỳ chính là trở thành ân nhân của đảng cộng sản Việt Nam đồng thời buộc Hà Nội phải trả giá đắt ...

Đối với đảng cộng sản Việt Nam, cuộc khủng hoảng ngân hàng rơi vào lúc nội tình ban lãnh đạo đảng bấp bênh. Gần một năm sau đại hội VIII, nội tình đảng cầm quyền có vẻ còn nhiều bất trắc hơn thời gian tiền đại hội : việc sắp xếp nhân sự lãnh đạo vẫn chưa ổn định, những quyết định tiền hậu bất nhất vẫn tiếp diễn và người ta không chờ đợi những tranh chấp giữa các phe phái để chiếm giữ các địa vị chóp bu – tổng bí thư đảng, thủ tướng chính phủ và chủ tịch nước – ngã ngũ trước mùa thu năm nay. Trong những điều kiện đó, thái độ của chính quyền sẽ là tiếp tục che đậy cuộc khủng hoảng ngân hàng bằng những biện pháp tình thế, chần chờ không tiến hành cuộc cải cách cấp thiết về hệ thống ngân hàng, đẩy lùi nó chỉ ít cho đến tháng mười. Lúc đó, đảng cầm quyền sẽ bị dồn vào chân tường : bởi vì những số liệu thống kê của sáu tháng đầu năm sẽ cho thấy rõ tác động của cuộc khủng hoảng ngân hàng trên tốc độ tăng trưởng kinh tế, và nguy cơ không còn thể chối cãi được của một cuộc khủng hoảng toàn diện.

Thật vậy cuộc khủng hoảng hiện nay báo hiệu điều gì, nếu không phải là một giai đoạn tăng trưởng kinh tế, khởi động năm 1989, đang kết thúc ? Là động thái “ đổi mới ”, do công cuộc cải cách sau đại hội VI tạo nên, đang lụi dần trong xã hội Việt Nam ? Chỉ ít, cuộc khủng hoảng ngân hàng biểu hiện sự phá sản một mô hình làm ăn để dãi với một bên là những doanh nghiệp kiếm lời bằng vay vốn ngân hàng nhằm hoạt động đầu cơ (bất động sản, nhập hàng trả chậm ...) và bên kia là những cơ quan chính quyền mua bán quyền lực (cấp nhà đất, cấp tín dụng, cấp quota ...). Để giữ vững nhịp độ tăng trưởng những năm qua – như Đảng CSVN đề ra mục tiêu –, cần một công cuộc cải cách mới, trước hết trong lĩnh vực doanh nghiệp và lĩnh vực nhà nước : chế định một số

(xem tiếp trang 13)

Phong Quang

trở về thời kỳ đồ đá ?

Gần một năm sau Đại hội VIII của Đảng cộng sản Việt Nam, chính sách siết chặt về tư tưởng vẫn tiếp tục được thi hành. Từ mấy tháng nay, nó có phần nặng nề hơn. Bên cạnh những biện pháp thông dụng từ nhiều năm, bộ máy cầm quyền còn dùng thêm cả những phương pháp thô bạo, thô lỗ. Điển hình của chính sách này là thái độ của bộ máy công an và tư tưởng đối với những trí thức như các nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự, Bùi Minh Quốc, các nhà khoa học Nguyễn Xuân Tú tức Hà Sĩ Phu (ba người ở Đà Lạt) và Nguyễn Thanh Giang (ở Hà Nội).

Từ ông “bạn đọc” báo Sài Gòn Giải Phóng...

Trước hết, hãy nói về một bài báo đăng trên Sài Gòn Giải Phóng (SGGP) số ra ngày chủ nhật 2-2-1997. Dưới đầu đề *Tiếng vọng lẻ loi...*, cơ quan của Đảng bộ ĐCSVN Thành phố Hồ Chí Minh đăng một bài “bạn đọc viết” ký tên Nguyễn Minh (dài khoảng 2 trang A4, như trang báo Diễn Đàn này), tập trung đả kích đích danh nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự. Không những thế, ông “bạn đọc” của báo SGGP còn đề rõ địa chỉ nhà riêng của Bảo Cự, giống như tuần báo *National Hebdo* cực hữu ở Pháp đã nêu rõ địa chỉ của giáo sư Boudarel vài ngày trước phiên tòa 4-4-1997 để kích động quần chúng (xem bài *Vụ án Boudarel...* trang 12, số này).

Đó không phải là điều duy nhất không bình thường trong bài báo. Tác giả đã trích dẫn một số câu gọi là của nhà văn Bảo Cự trả lời các đài phát thanh Australia, SBS ở Úc, VNCR ở Hoa Kỳ, CMT không biết ở đâu... (hy vọng báo SGGP sẽ không cung cấp địa chỉ của ông Nguyễn Minh cho công an, biết đâu công an sẽ mời ông đến “làm việc” và hỏi ông tại sao nghe đài “dịch” suốt ngày thế). Những câu trích và những sự việc nêu ra trong bài của ông ta, nhà văn Bảo Cự đã nêu ra 10 dẫn chứng là “không đúng sự thật, không phải của tôi hay không đầy đủ, cố tình bóp méo để xuyên tạc” (thư ngày 9-2-97 gửi báo SGGP). Thí dụ :

– Bài báo SGGP nói Bảo Cự trả lời phỏng vấn của đài Australia ngày 6-10-96. Ông Bảo Cự khẳng định : “ Tôi không hề trả lời phỏng vấn đài Australia vào ngày đó với nội dung trên”.

– “ Vào lúc 19g thứ ba 10-9-96, TDBC đã đọc cho đài SBS tại Australia một bức thư ngỏ gửi đồng bào Việt Nam ở hải ngoại...”. Bảo Cự : “ Tôi không hề viết thư ngỏ này”.

– “ Rồi trong bài Thiên tai, Đảng và nhân dân... của TDBC do đài CMT phát ngày 19-10-96, TDBC lại tập trung chỉ trích nhà cầm quyền Việt Nam...”. Bảo Cự : “ Tôi chưa bao giờ viết bài nào có tựa đề như trên và không biết đài CMT là đài gì”.

Thí dụ về trích dẫn sai lệch : bài báo nói tới một cuộc tung hứng “khả ngoạn mục” giữa phóng viên đài Australia và TDBC như sau :

« Phóng viên hỏi và TDBC đáp, xem ra có vẻ chính khách lắm. Đến câu hỏi : “ Thưa anh, hiện nay công an có thể cho anh được yên thân hay không ”. TDBC trả lời : “ Tôi chỉ sợ là công an theo dõi tôi... tuy nhiên họ chưa có hành động nào trực tiếp ” ».

Độc giả Diễn Đàn theo dõi kỹ tờ báo này, đọc đến đây có thể ngỡ ngàng. Nhà văn Bảo Cự cũng vậy : đọc tới đây ông mới nhớ lại cuộc trả lời phỏng vấn mà ông đã dành cho Đoàn Giao Thủy mà chúng tôi đã đăng toàn văn trên số 55 (tháng 9-96). Nhận được số này, Ban Việt ngữ Đài phát thanh Úc ABC đã gửi điện cho Diễn Đàn xin phép trích đọc bài phỏng vấn và nêu rõ xuất xứ. Đó là nguồn gốc cái mà ông “bạn đọc” của SGGP gọi là *Tiêu Dao Bảo Cự trả lời phỏng vấn đài Australia*. Có điều, Bảo Cự nói khác : “ Tôi biết rõ công an theo dõi, giám sát tôi chặt chẽ mọi việc đi lại, quan hệ viết lách, kể cả thư từ, điện thoại của tôi và dùng nhiều cách để cô lập tôi với bạn bè và xã hội. Tuy nhiên họ chưa có hành động đàn áp trực tiếp ” (ĐĐ, số đã dẫn). Đúng như Bảo Cự nhận xét : “ Tại sao Nguyễn Minh lại cố ý sửa đổi câu nói của tôi về công an, điều này có thể hiểu được, mặc dù đáng lẽ ra Nguyễn Minh phải trích đúng nguyên văn để có thể quy chụp, phê phán tôi nặng nề hơn ” (thư gửi báo SGGP, 9-2).

Tại sao ? Câu hỏi ấy được trả lời ở ngay đoạn sau của bài báo SGGP : ông “bạn đọc” Nguyễn Minh kể ra vanh vách một bản “tự kiểm điểm” mà Tiêu Dao Bảo Cự được công an Đà Lạt mời ký vì ngày 3-5-1996, lúc 21 giờ, nhà văn đã “có hành vi sai phạm điều 15 Quyết định 202/QĐUB ngày 24-3-1984 của UBND tỉnh Lâm Đồng” (quyết định này cấm tiếp xúc với người nước ngoài, ký cách đây 13 năm, và 2 năm trước thời “đổi mới”, “mở cửa”). Suốt ngày nghe đài “dịch”, ông Nguyễn Minh lại có trong tay các thứ biên bản công an : hoá ra ông “bạn đọc” này là người mà dưới thời ông Thiệu, dân Sài Gòn vẫn quen gọi đùa là “bạn dân” (nôm na là... công an).

Người ta không khỏi nhớ tới vụ cũng chính báo SGGP (rồi Nhân Dân) cách đây mấy năm đã đăng bài của ông Lê Quang Vịnh phê phán ông Phan Đình Diệu nhân một bài phỏng vấn mà Diễn Đàn đã dịch và đăng lại. Lần này, rút kinh nghiệm, SGGP dùng hình thức “bạn đọc viết”. Song, cũng như lần trước, SGGP không chịu đăng bài trả lời của ông Bảo Cự.

... Đến buổi “làm việc” ở sở công an Đà Lạt

Ngày 31-3-1997, ở Thành phố Hồ Chí Minh trở về Đà Lạt, Tiêu Dao Bảo Cự được công an Đà Lạt mời tới “làm việc”. Trước đó 3 ngày, nhà văn Bùi Minh Quốc và nhà sinh học Nguyễn Xuân Tú (Hà Sĩ Phu) cũng được “mời” tương tự. Trong lá thư cùng ký ngày 10-4-97 gửi Quốc hội, ba ông cho biết :

“ Sau gần ba tiếng đồng hồ căn vặn đủ điều về các bài viết, về các cuộc trả lời phỏng vấn của chúng tôi công bố trên các báo đài nước ngoài, và sau khi cho chúng tôi đọc một đoạn trong Quyết định số 893 ngày 20-7-1992 của Bộ Văn hoá Thông tin, các chiến sĩ công an đã yêu cầu chúng tôi ký

vào một văn bản mang tên Biên bản về việc đình chỉ hành vi vi phạm pháp luật. **Tại biên bản, chúng tôi đã khẳng định nội dung các bài viết, bài nói của chúng tôi không liên quan gì đến việc vi phạm pháp luật**”.

Quyết định nói trên (mà “ lần đầu tiên [ba ông] được đọc ”) quy định là “ các loại tài liệu, văn bản, bài viết (...) được ấn loát hoặc đánh máy, chép tay, in ronéo (...) nội dung thuộc mọi lãnh vực, gửi hoặc mang theo người ra nước ngoài để in, để đăng báo, tạp chí, để phục vụ học tập nghiên cứu, giảng dạy, báo cáo khoa học, tham luận trong hội nghị quốc tế, hội thảo quốc tế...” trước khi gửi ra nước ngoài, đều “ phải có văn bản xét duyệt của thủ trưởng cơ quan (...)”.

Ba nhà văn đề nghị Quốc hội thành lập ngay một Toà án Hiến pháp để xét xử những quyết định vi phạm quyền tự do ngôn luận, tự do ngôn luận đã được ghi trong Hiến pháp như quyết định nói trên của Bộ văn hoá. Lá thư đặt câu hỏi :

« Đất nước đã mở cửa, đang hàng ngày hàng giờ cố gắng hội nhập vào thế giới của thời đại thông tin, tại sao chúng ta còn duy trì những quy định quá lỗi thời, đẩy người cầm bút vào một “ cái rọ ” quản lý cả đến bản thảo viết tay, cả những tham luận hội nghị, hội thảo quốc tế ? »

Phòng họp cho phường

“ Làm việc ” ở sở Công an Đà Lạt ngày 28-3, sáng hôm sau ông Tụ và vợ là bà Đặng Thị Thanh Biên được mời tới Ủy ban nhân dân phường 2 để nghe đọc một văn bản của Công ty Kinh doanh & phát triển nhà quyết định “ cho Ủy ban nhân dân phường 2 mượn tạm ” một chỗ đất garage để làm nơi hội họp. Có điều chỗ đất ấy là nhà ở của ông bà Tụ (ở chung với hai gia đình cháu họ, đều là bộ đội phục viên, tổng cộng 9 người). Phường 2 yêu cầu vợ chồng Hà Sĩ Phu “ trong vòng một tháng ” phải dọn sạch người và đồ đạc ra khỏi nơi này để phường có phòng họp.

[Lời bàn của người đánh máy : phường đại diện cho lợi ích tập thể, gia đình ông Tụ lợi ích cá nhân ; lợi ích cá nhân phải nhường bước lợi ích tập thể. Cách đây mấy ngày, chủ tịch Lê Đức Anh đã chẳng kêu gọi quét sạch chủ nghĩa cá nhân đó sao ? Vả lại, biết đâu phường 2 sẽ họp để tìm cho ông bà Tụ một chỗ ở khang trang hơn, nếu như...].

... và cuộc gặp ở Ban Văn hoá Tư tưởng

Cũng trong tháng 3, ở Hà Nội, ông Nguyễn Thanh Giang, uỷ viên thường vụ Hội Địa Vật lý (Géophysique) Việt Nam đã có những cuộc tiếp xúc trực diện từ trung ương tới cơ sở.

Số là đầu tháng 1-97, nhân đại hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật (có tổng bí thư Đỗ Mười tới dự, kêu gọi phát huy chức năng chính trị của LHHKHKT : phản biện, giám định xã hội...), ông Nguyễn Thanh Giang đã gửi tới Hội đồng trung ương LH bài tham luận 14 trang, tựa đề *Nhân quyền — Khát vọng ngàn đời*.

Hai tháng sau, 16 giờ ngày 4-3, ông Giang được mời tới trụ sở Ban Văn hoá Tư tưởng Trung ương ĐCS gặp ông Đào Duy Quát, phó trưởng ban. Theo lời ông Giang kể, ông Quát (con trai của ông Đào Duy Tùng) đã được trang bị đầy đủ bằng một xấp tài liệu dày, tập trung các ý kiến phản bác bài viết kể trên, đặc biệt là tài liệu do các nhà lý luận của Ban VHTT và của Học viện Nguyễn Ái Quốc viết ra. Cuộc tranh

luận kéo dài gần 2 giờ. Ông Giang phản biện những luận điểm của các cơ quan lý luận chính thức. Ông Quát dùng chiến thuật củ cà rốt và cây gậy. Cà rốt : « Sắp tới, ta sẽ mở rộng hợp tác với Mỹ, anh có thể được gửi sang Mỹ tham quan hay nghiên cứu... ». Cây gậy : « Nhân quyền — Khát vọng ngàn đời là một tài liệu hết sức nguy hiểm, đề nghị không được tán phát... ».

Ba tuần sau, củ cà rốt nhường hẳn chỗ cho cây gậy. Ngày 25-3, Mặt trận Tổ quốc xã Trung Hoà, huyện Từ Liêm (nơi ở của ông Giang) lập diễn đàn mời ông Giang ra làm việc. Buổi họp có khoảng 20 người tham gia, gồm 2 tướng, khoảng 10 đại tá, đại diện ban VHTT và cán bộ công an. Cuộc đấu tố kéo dài gần 3 tiếng đồng hồ, xem ra không có kết quả mong đợi vì ông chủ tọa kết luận bằng cách đe dọa sẽ mời vợ con ông Giang tới làm việc. Ông Giang phản ứng mạnh mẽ : « Đừng áp dụng lại phương kế đấu tố cũ rích đối với vợ con tôi. Nếu cần tôi sẽ tuyệt thực hoặc tự thiêu trước khi các anh hạ nhục tôi ».

Cà rốt, cây gậy và những hòn đá...

Cây gậy đấu tố ở cơ sở coi như không hiệu quả, mấy ngày sau, nhà ở của ông Nguyễn Thanh Giang bị ném đá. Ông Giang phản đối với chính quyền, thì được trả lời lủng lơ con cá vàng : không biết đây là du đảng phá phách hay là nhân dân có người phản nộ...

Cách đây vài năm, nhìn cung cách của Ban văn hoá tư tưởng đối với văn nghệ sĩ, một nhà văn đã đề nghị Ủy ban Thể vận hội ghi thêm bộ môn *ném đá giấu tay* vào các cuộc thi, chắc chắn Việt Nam sẽ đoạt cả ba huy chương vàng, bạc và đồng...

Tháng 5 này, ông Pete Peterson, đại sứ đầu tiên của nước Mỹ sẽ tới Hà Nội trình quốc thư. Cách đây đúng 30 năm, ông đã từng ở Hà Nội, trong toà nhà mà phi công Mỹ vẫn gọi là *Khách sạn Hilton Hà Nội*, tức nhà giam Hoả Lò. Lần này, những viên đá ông cuối cùng của bốn bức tường Hoả Lò đã được gỡ đi, người ta đang xây một Trung tâm thương mại và Khách sạn lớn (vốn đầu tư Singapore). *Việt Nam không phải là tên gọi của một cuộc chiến tranh, mà là tên gọi của một đất nước*, như lời nói chí lý của ông Lê Văn Bàng, đại sứ đầu tiên của nước ta ở Washington. Một đất nước đã chiến thắng cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ và nay làm bạn với Mỹ và mọi người.

Những người chưa tiêu hoá được chiến bại lịch sử ấy, trong mấy năm qua, đã cố gắng chứng minh rằng ngày nay vị trí người thắng kẻ bại đã bị lật ngược. Không rõ họ có thuyết phục được ai khác, nhưng người viết bài này không tin rằng họ đã thuyết phục được chính họ.

Tuy nhiên, có một điều họ không hoàn toàn sai. Đó là trên lãnh vực tư tưởng. Khi ông Peterson còn bị giam ở Hoả Lò, trung tướng không quân Mỹ Curtiss LeMay đã có một câu tuyên bố nổi tiếng : « Chúng ta sẽ đưa họ trở về thời kỳ đồ đá ». Nếu đổi chủ từ *chúng ta* thành *họ* và thêm vào cụm từ *thời kỳ đồ đá* hai chữ *tư tưởng*, thì câu nói khẩu khí cao bồi ấy trở thành linh nghiệm.

Khi người ta phải thay lý luận bằng những hòn đá...

30.4.1997

Phong Quang

Phan Đức

Vụ án Boudarel và những âm ảnh của nền thuộc địa Pháp

Ngày 4-4, Toà án tiểu hình Paris đã xử vụ kiện giáo sư Georges Boudarel sau mấy lần bị hoãn lại vì lý do thủ tục. Lần này, bên nguyên khởi tố ông Boudarel về tội tố cáo bằng vu khống (*dénonciation calomnieuse*). Kể cũng nên nhắc lại những điểm chính và bối cảnh lịch sử của vụ án này.

Năm 1948 ông Boudarel bước chân tới Sài Gòn sau khi dự định đi Madagascar không thành. Trong giai đoạn này ông ta chỉ muốn qua một nước thuộc địa Pháp để thoả chí tang bồng¹. Tới Sài Gòn, ông mới phát hiện ra thực chất của xã hội thuộc địa là cái hố sâu ngăn cách người Pháp thuộc địa và những người bị đặt dưới quyền cai trị của họ là người Việt. Chán ngấy với tình trạng đó nên ông ta đã liên lạc với *Nhóm Văn hoá mác-xít Pháp* qua sự giới thiệu của Đảng cộng sản Pháp. Chiến tranh Đông Dương đang đi vào giai đoạn quyết liệt. Boudarel từ bỏ chức vụ giáo sư trường trung học Marie Curie (Sài Gòn) ra xung tham gia kháng chiến do Việt Minh lãnh đạo, rồi năm 1951 đi bộ từ Nam Bộ lên chiến khu Việt Bắc. Vì sự chọn lựa ấy, Boudarel đã bị toà án quân đội Viễn chinh xử tử hình vắng mặt vì tội “phản bội tổ quốc”. Điều khó ngờ, là bốn mươi năm sau, quyết định này sẽ còn làm ông phải điêu đứng.

Ở vùng biên Nam Bộ, Boudarel hoạt động tại đài phát thanh kháng chiến; lên Việt Bắc, ông chuyển qua lãnh vực dịch vận với phận sự tuyên truyền và cải tạo các tù binh Pháp tại trại 113 dưới quyền chỉ huy của trại trưởng là đại tá Nguyễn Văn Phương². Dĩ nhiên là trong bối cảnh của trại tù binh ngày đó thì có nhiều binh lính Pháp đã phải bỏ mình. Vì nhiều lý do, mà lý do chính là điều kiện vật chất quá thiếu kém và quá đơn sơ không đủ thuốc men để phục vụ các con bệnh sống trong một môi trường thiên nhiên độc hại như miền ngược.

Sau khi chiến tranh Đông Dương kết thúc và nước Angiêri giành lại được độc lập thì tất cả những ai dính dáng đến hai cuộc chiến này đều được chính phủ Pháp ân xá theo một sắc luật ban hành năm 1966. Được tin đó, ông Boudarel yên chí trở lại Pháp năm 1967, và từ năm 1970 được bổ

nhệm làm giáo sư sử học tại trường đại học Paris 7.

Tháng 2-1991, cái gọi là vụ Boudarel nổ ra nhân một cuộc hội thảo về Việt Nam tổ chức tại Thượng viện (vườn Luxembourg). Kịch bản *tìm ra tên tội phạm chiến tranh* được dàn dựng ngoạn mục như một cuộc hành quân do bàn tay đạo diễn của ông Jean Jacques Beucier, nguyên thủ trưởng bộ Cựu chiến binh Pháp đồng thời cũng là cựu tù binh của Việt Minh tại trại số 1 dành cho sĩ quan³. Ngoạn mục nhưng hơi khó tin, vì tên tuổi của Boudarel đã trở thành quen thuộc trong giới đại học Pháp và phong trào chống chiến tranh Việt Nam từ 25 năm trước, ông sống công khai và không hề giấu giếm quá khứ tham gia kháng chiến Việt Nam của mình. Song báo chí và media đã dành cho Beucier một diễn đàn lý tưởng để đấu tố Boudarel. Sau đó, ông Beucier rút vào hậu trường để cho một cựu tù binh của trại 113 là Wladislav Sobanski và Hội cựu tù binh ở Đông Dương ANAPII (*Association nationale des anciens prisonniers internés d'Indochine*) làm đơn kiện Boudarel về tội *chống nhân loại* (*crime contre l'humanité*). Song song với chiến dịch báo chí, đội biệt kích của những nhóm cực hữu đột nhập khoa sử khuôn viên đại học Jussieu để phá giờ giảng của giáo sư Boudarel. Hội đồng khoa Sử, rồi Hội đồng Trường đại học Paris 7 đồng thanh ra quyết nghị lên án việc này và bảo vệ đồng nghiệp của mình. Một chính khách phái hữu, ông Léotard cũng đã gọi chiến dịch đấu tố Boudarel là *một vụ lynchage bằng phương tiện media*. Tháng 12.92, giáo sư Boudarel đến tuổi về hưu. Theo tập tục đại học Pháp, khi sinh nhật 65 tuổi của một giáo sư rời trướng giữa năm học, bộ giáo dục bao giờ cũng gia hạn thời gian giảng dạy của đương sự tới cuối niên học (trong trường hợp này, tới tháng 6-93). Vậy mà ông L. Jospin, bộ trưởng giáo dục, đã dùng cấm vượt qua tập tục đại học, ký sắc lệnh cho ông Boudarel về hưu đúng ngày đúng tháng.

Trở lại vụ kiện: năm 1992 toà án Versailles đã bác bỏ đơn kiện vì hai lý do chính:

– Tội chống nhân loại cho đến nay chỉ được áp dụng cho Đức Quốc Xã phát xít và các nước như Nhật Bản và Ý theo quyết định của toà án Nuremberg xử những phạm nhân chiến tranh (*criminels de guerre*) những năm 1945-1949;

– Boudarel, cũng như mọi người Pháp đã tham gia chiến tranh Đông Dương và Angiêri, đã được ân xá năm 1966.

Toà Pháp án (*Cour de Cassation*) cũng đã xác nhận ngày 1 tháng tư năm 1993 sự quyết định này của toà sơ thẩm. Nhưng trong thời gian phe đối thủ còn đang chống án thì ông Boudarel đã kiện lại họ với tội tố cáo vu khống (*dénonciation calomnieuse*). Hai năm sau, theo lời khuyên của luật sư Serge Lewish, Boudarel rút đơn kiện vì không muốn làm cản trở mối quan hệ Pháp-Việt mà ông ta coi là điều quan trọng hơn vấn đề cá nhân. Đến đầu năm 1996 thì toà án tuyên bố là miễn tố (*non lieu*)⁴ với lý do là Boudarel không vì vụ kiện do đối phương tấn công lần đầu mà bị thiệt hại về mặt luật pháp (tức là bị kết án) cũng như về mặt nghề nghiệp vì ông ta đã được ân xá từ trước rồi.

Vài tháng sau thì đối phương kiện lại Boudarel là đã tố cáo vu khống họ vì thế ông lại phải ra hầu toà ngày 4 tháng tư vừa qua. Kỳ này đối phương chỉ đòi 1 F danh dự. Trong phiên toà này đã diễn ra một cuộc tranh luận giữa hai bên qua trung gian của luật sư: Serge Lewish biện hộ cho

(1) Xem G. Boudarel, *Autobiographie*, Ed. Bertoin, Paris 1992.

(2) Cách đây mấy tháng, thân hữu của Boudarel ở Việt Nam có tìm lại và được gặp đại tá Phương để phỏng vấn về điều kiện sống trong trại 113. Bài phỏng vấn này đáng lẽ được công bố nhưng vì lý do ngoại giao Việt-Pháp nên cuối cùng không được đăng.

(3) Xem Kỳ Thu, *Khép lại quá khứ đau thương. Hồi ký về trại tù binh sĩ quan Pháp số 1*, Nxb Văn hoá-Thông tin, Hà Nội, 1994.

(4) Mặc dầu Boudarel đã rút đơn kiện nhưng toà án vẫn có quyền tiếp tục vụ án.

Boudarel và Varaut cho đối phương. Trước khi đi vào cụ thể thì ông chánh án nhường lời cho Biện lý thay mặt bộ Tư pháp. Ông biện lý trình bày lại bối cảnh, diễn biến và trình tự của vụ này và đặt vấn đề : không biết vụ án này có đủ điều kiện để toà án chấp nhận xử hay không (*éventuelle irrecevabilité de la plainte*). Đây là vấn đề thủ tục tố tụng. Ông chánh án hỏi Boudarel một vài câu rất ngắn gọn và cụ thể như : “ Nguyên nhân nào đã khiến ông rút đơn kiện ? ” và “ Ông có biết là khi đã được ân xá thì ông sẽ không bị kết án lại hay không ? ”. Về câu hỏi thứ nhất thì Boudarel trả lời như trên đã trình bày, còn về câu hỏi thứ hai thì Boudarel trả lời là có biết. Chủ tịch hội ANAPII có mặt trong phiên toà là đại tướng Bruneau, tuyên bố : “ Chúng tôi không cần gì nhiều chỉ cần Boudarel có lời sám hối về những hành động của ông ta là đủ. Nếu không thì chúng tôi sẽ đi tới cùng... với sự giúp đỡ của toà án ”. Rồi tướng Bruneau chất vấn trực tiếp Boudarel là có “ hối hận ” hay không. Ông chánh án cũng hỏi lại Boudarel câu hỏi này và nhấn mạnh là Boudarel phải trả lời là “ có ” hay “ không ”. Boudarel trả lời : “ Nếu câu hỏi đặt ra như thế thì tôi trả lời là không ”, như ông đã từng giải thích : độc lập với ý kiến ngày nay của ông về chủ nghĩa cộng sản và chế độ Việt Nam, ông không có gì phải hối tiếc về quyết định là đứng về phía dân tộc Việt Nam chống lại chủ nghĩa thực dân Pháp. Luật sư Serge Lewish đã lưu ý toà án về tình trạng an ninh của Boudarel không được bảo đảm từ khi vụ kiện xảy ra lần đầu năm 1991 vì các phần tử của khối cực hữu thường viết lên tường nhà khu ông Boudarel ở những lời đe dọa và nhục mạ ông ta, thậm chí đã nã đạn vào khu nhà này. Vài ngày trước phiên toà 04.04, có người tới phát cho hàng xóm của Boudarel bài báo đăng trên *National Hebdo* nói về vụ này một cách xuyên tạc và phỉ báng, và có ghi rõ địa chỉ của ông. Còn phía luật sư Varaut thì coi Boudarel như là một thủ phạm của khối cộng sản và đại khái tự hỏi là “ tại sao những thủ phạm của khối Nazi bị kết án trong khi đó thì những người cộng sản có tội lại được che chở. Tại sao lại có sự bất công minh như thế ? ”. Đây là lời lên án ngầm thúc đẩy toà án coi Boudarel ngang hàng với những tội phạm đã tiếp tay cho Nazi như Paul Touvier, Maurice Papon, thậm chí ngang hàng với Klaus Barbie. Sau hơn hai tiếng đồng hồ biện luận, chánh án quyết định ngày 9 tháng 5 tới sẽ có phiên toà để xử và trong phiên toà này có thể toà án sẽ nêu vấn đề là vụ kiện này có được chấp nhận hay không (*éventuelle irrecevabilité de la plainte*).

Nếu trong phiên toà 9-5 toà án bác bỏ không chấp nhận vụ kiện thì rất có thể là đối phương của ông Boudarel sẽ chống án, nghĩa là vụ kiện còn tiếp tục. Đây là một vụ án rắc rối vì liên quan đến một giai đoạn lịch sử cận đại của hai nước Pháp và Việt Nam về vấn đề tù binh, nhưng người ta cũng có thể thấy dư luận Pháp không còn quan tâm tới vụ án trong mấy năm gần đây (trừ *Figaro* và một vài tờ báo của phái cực hữu), khác hẳn năm 1991 khi (hầu như) tất cả làng báo Pháp biến Boudarel thành kẻ phạm nhân, kẻ tấy nã và tra tấn tù binh Pháp đến chết. Người ta cũng có thể nghĩ rằng nếu vụ kiện Boudarel được thành hình và gây tiếng vang một thời gian là nhờ vào sự hậu thuẫn của các đảng phái cực hữu và sự đầu hàng của các phe tả về vấn đề này. Boudarel từ ngày rời bỏ hàng ngũ cộng sản thì không còn là người của đảng phái nào cả nên phe đối phương dễ dàng vung kiếm tấn công.

Họ đã khéo lợi dụng thời cơ sụp đổ của phe xã hội chủ nghĩa và ý thức hệ cộng sản, biến Georges Boudarel thành vật tế thần. Đây là *cơ hội ngàn vàng* của giới cựu tù binh Pháp : những ai theo dõi sinh hoạt hội đoàn của họ đều biết rằng trong 40 năm qua, họ xâu xé, trách cứ nhau về thái độ trong thời gian bị giam cầm, người không ký *kiến nghị hoà bình* thì trách người đã ký (trung uý Beuclet ở trong số này), người nhân nhượng ít thì tố người khác là *phản bội*. Nay bỗng nhiên có vật tế thần để họ tấn công một sự *trình bạch* chính trị, cùng nhau hát bài kết đoàn.

Trong khi đó, ngoài một uỷ ban tận tụy ủng hộ giáo sư Boudarel tập trung chung quanh nhà toán học Laurent Schwartz, phái tả đã lặng im, thậm chí năm 1991, vài người còn xỉ xào trách cứ Boudarel không chịu có một lời “ sám hối ”, thể như họ cũng muốn ông nhận làm *vật tế thần* cho quá khứ mao-ít của chính họ. Về phía chính quyền Việt Nam, sự im lặng cũng không kém nặng nề. Không những thế, báo *Lao động Chủ nhật* dự định đăng một loạt 2 bài nói về vụ án, thì sau khi đăng được một bài, đã nhận được lệnh gác lại bài thứ nhì.

Vụ án Boudarel rắc rối, như đã nói trên, vì nó không thể tách rời vụ án lớn hơn là vụ án *cuộc chiến tranh thuộc địa và chế độ thực dân*. Chiến tranh Đông Dương đã chấm dứt cách đây 43 năm, chiến tranh Angiêri 35 năm... cuộc tàn sát đẫm máu ở Mã đảo xảy ra đã đúng nửa thế kỷ. Nước Pháp chưa sẵn sàng mở ra vụ án lịch sử đó. Chưa có một chính khách nào viết được một cuốn sách tương tự như cuốn *Nhìn lại : thám kích Việt Nam và những bài học* của Robert McNamara. Chưa làm sáng những vùng tối của lịch sử, thì bóng ma của các cuộc chiến tranh thuộc địa sẽ lần quất, ám ảnh dài dài.

Phan Đức

Khủng hoảng ngân hàng...

(tiếp theo trang 9)

“ luật chơi ” trong suốt và công bằng giữa các doanh nghiệp, bỏ những độc quyền và đặc ân mà một số doanh nghiệp quốc doanh đang hưởng ; thiết chế một nhà nước pháp quyền, hoạt động độc lập với bộ máy đảng.

Đảng cầm quyền có khả năng tiến hành công cuộc cải cách đó hay không ? Nghiên cứu những quá trình “ đổi mới ” của Đảng cộng sản Việt Nam, những người phân tích độc lập ở trong nước (Lữ Phương – xem *Việt Nam “ đổi mới ” : 1979-1986*) cũng như ở nước ngoài (Adam Fforde – xem bài điểm sách trong số báo này) vạch rõ rằng năm 1979 (Hội nghị trung ương 9) và năm 1986 (Đại hội VI) đều là những thời điểm khủng hoảng toàn diện và hiểm nghèo, đảng cầm quyền bị dồn vào chân tường, cải cách trở nên vấn đề sống còn. Nếu nhận định này có thể khái quát thành “ quy luật ” thì cuộc khủng hoảng năm 1997 này, mặc dù những mất mát mà nó đang và sẽ còn gây ra, có thể sẽ không hoàn toàn là tiêu cực. Chí ít, đó là kịch bản lạc quan nhất mà người ta có thể hình dung.

Hải Vân

BA LAN : HIẾN PHÁP của đa nguyên chính trị, ổn định và phát triển

1. Ngày 23.3.1997, Quốc hội Balan thông qua hiến pháp mới với 461 phiếu thuận, 31 phiếu chống và 5 phiếu trắng (1). Nó sẽ thay thế Hiến pháp nhỏ, vốn là Hiến pháp năm 1952 của Cộng hoà Nhân dân Balan được thay đổi và bổ sung những điều cơ bản về chế độ chính trị... sau 1989.

Hiến pháp mới là kết quả của đồng thuận trong Quốc hội giữa hai phe dân chủ gốc cộng sản và Công đoàn Đoàn Kết cũ. Đó là các đảng SLD (Liên minh Cánh tả dân chủ gốc là đảng Công nhân Thống nhất), PSL (Nông dân) và UW (Liên minh Tự do), UP (Liên minh Lao động). Chính xác mà nói thì ngoài bốn đảng trên, các nghị sĩ đảng Xã hội chủ nghĩa (PPS) và thiểu số Đức cũng bỏ phiếu thuận trong khi toàn bộ các nghị sĩ Công đoàn Đoàn Kết (2) và một số thuộc đảng Nông dân (PSL) bỏ phiếu chống.

Sự kiện các đảng phái “không cùng chiến hào” vượt qua những mâu thuẫn quá khứ và ý thức hệ để thông qua đạo luật cơ bản cho nhà nước Balan dân chủ là một điểm son trong lịch sử chính trị Balan hiện đại. Nó đánh dấu sự trưởng thành trong dân chủ của các lực lượng chính trị lớn nhất Balan hiện nay. Nhưng cần nhớ rằng công việc soạn thảo hiến pháp bắt đầu từ năm 1989 và đến nay mới đạt kết quả. Điều này chứng tỏ ngay cả trong môi trường sinh hoạt chính trị đa nguyên và dân chủ thì việc tìm đồng thuận không phải là đơn giản.

Bằng cách nào các đảng lớn như SLD, PSL, UW và UP lại tìm được đồng thuận? Thứ nhất là sau gần 8 năm chuẩn bị, đa số các vấn đề đưa ra đã được thảo luận kỹ đến độ chín muồi. Hơn nữa trong quá trình tranh luận công khai, các bên đều biết rõ yêu cầu của nhau. Và nhờ có báo chí tự do người dân cũng được biết nội dung dự thảo cùng các điều bổ sung các đảng lớn nhất đưa ra và tiểu ban soạn thảo Hiến pháp của Quốc hội cũng được biết ý kiến của dư luận. Sức ép dư luận lên mấy nhiệm kỳ Quốc hội cũng là một yếu tố buộc các đảng phải có nhanh dự thảo hoàn chỉnh. Người dân thấy đã đến lúc phải có Hiến pháp mới, không thể duy trì mãi tình trạng pháp luật theo Hiến pháp 1952 được sửa đổi. Giáo hội Thiên chúa giáo Roma cũng gây áp lực mạnh. Bên cạnh việc đòi vị trí và ảnh hưởng của mình thì sức ép của Giáo hội có ảnh hưởng tích cực đến tâm lý giáo dân ở khía cạnh “hiến pháp mới là cần thiết cho nước Balan mới”. Hơn nữa, theo bình luận của tuần báo Polityka số đầu tháng 4.97 thì vai trò của những cá nhân như nghị sĩ Tadeusz Mazowiecki (cựu thủ tướng, nhà hoạt động Công đoàn Đoàn Kết) và nghị sĩ Marek Borowski (đảng SLD gốc cộng sản) là rất quan trọng. Chính họ đã thuyết phục được đảng của mình bỏ qua những tranh chấp có lúc bị thổi phồng lên như mâu thuẫn quanh câu

nhắc đến Thượng đế trong lời nói đầu của Hiến pháp, vấn đề đánh giá quá khứ cộng sản của Balan, quan hệ Giáo hội – Nhà nước v.v... để tìm được đồng thuận. Và tất nhiên là còn sự đóng góp của các chuyên gia ngành luật hiến pháp.

Vai trò của tổng thống Kwasniewski cũng không phải là nhỏ. Ông đã ủng hộ việc thông qua Hiến pháp trong Quốc hội nhiệm kỳ này, cũng như đã không kéo dài thời gian luật cho phép tổng thống bổ sung sửa đổi một số điều. Vì Hiến pháp được thông qua đúng dịp lễ Phục sinh, tổng thống Kwasniewski còn ví : “ Có thể gọi đây là bản Hiến pháp Phục sinh, đánh dấu ngày phục sinh của Nhà nước Balan dân chủ ”.

2. Đó là cái nhìn khái quát mang tính tổng kết. Nhưng cụ thể thì Hiến pháp mới được soạn thảo trong không khí không hề êm ả. Một trong những vấn đề gai góc nhất quanh việc chuẩn bị thông qua Hiến pháp mới là... Thượng đế. Giáo hội, các đảng cánh hữu và trung tâm muốn lời nói đầu có nhắc đến Thượng đế (Invocatio Dei) như là nguồn gốc của Chân, Thiện, Mỹ và muốn Hiến pháp công nhận luật tự nhiên (prawo naturalne / natural law) đứng trên luật nhà nước do con người đặt ra (prawo pozytywne). Đây là những điểm phe tả cộng sản cũ (SLD) và không cộng sản (UP) không đồng ý. Ở một bước khác, vấn đề “quyền được sống” (prawo do zycia) cũng được tung ra. “Quyền sống” được hiểu theo lời giáo hoàng trước hết là quyền của thai nhi và đây chính là điểm phe hữu muốn tấn công SLD, UP và một nhóm nghị sĩ UW. Theo lệ thường trước bầu cử thì người ta đưa vấn đề phá thai để tranh phiếu cử tri và hạ điểm “đạo đức” của đối phương.

Hiến pháp mới cũng phải định ra quan hệ giữa Nhà nước – Giáo hội Công giáo. Dù nó nằm trong các điều về quan hệ nhà nước với các giáo hội, tổ chức tôn giáo nói chung nhưng ai cũng hiểu rằng quan hệ Giáo hội Công giáo với Nhà nước là quan trọng nhất. Đây là mối quan hệ có bề dày lịch sử và hiện đang liên quan đến vấn đề xây dựng một xã hội hậu cộng sản. Trước mắt là những việc như việc dạy giáo lý Công giáo trong trường học, tranh chấp bất động sản, hôn nhân theo luật dân sự hay luật đạo, quyền được mai táng tại nghĩa trang đạo v.v... Ngoài ra là định nghĩa quan hệ hai bên : “độc lập”, “không phụ thuộc” hoặc thế nào? Về lý thuyết thì tất cả những vấn đề trên đều thuộc phạm vi điều chỉnh của Giáo ước được coi như một công ước quốc tế giữa nhà nước Balan và Toà thánh Vatican. Nhưng Giáo hội và một số đảng cánh hữu muốn Quốc hội thông qua Giáo ước ngay bây giờ trong khi phe tả muốn để lại sau khi Balan có Hiến pháp mới. Vì thế phạm vi tranh luận (tranh cãi?) lan sang Hiến pháp. Tại đây Liên minh Cánh tả Dân chủ (SLD) tìm được

đồng minh là đảng Lao động (UP) trong quyết định sẽ thông qua Giáo ước sau Hiến pháp (4).

Đảng cánh hữu không có ghế trong Quốc hội như ROP (Phục hưng Balan) và ban lãnh đạo Công đoàn Đoàn Kết yêu cầu Quốc hội phải đưa ra bỏ phiếu cả bản “ dự thảo công dân ” (projekt obywatelski) do họ chuẩn bị. Họ cho rằng “ dự thảo nghị viện ” (projekt parlamentarny) không phản ánh được quyền lợi những công dân “ không có đại diện ” của mình trong Quốc hội. Thế nhưng phương án “ dự thảo công dân ” không được các đảng trong Quốc hội (SLD, PSL, UP, UW) chấp nhận. Theo cựu thủ tướng Mazowiecki (UW), một trong những người dự thảo chính, thì “ dự thảo nghị viện ” với gần 400 điều khoản bổ sung vào giờ phút cuối đã thoả mãn được cả nhiều yêu cầu mà cánh hữu ngoài Quốc hội và Công đoàn Đoàn Kết đưa ra. Nhưng đây chính là lý do khiến các

đảng cánh hữu và Công đoàn Đoàn Kết phản đối. Phát ngôn viên của Công đoàn Đoàn Kết Zak nói : “ Đây không phải là hiến pháp của Balan mà chỉ của bốn đảng đã bỏ phiếu thông qua nó ”.

Theo bình luận viên của tờ Gazeta Wyborcza (3.4.97) bà Ewa Milewicz thì Hiến pháp mới “ là kết quả của thoả hiệp nhiều bên : các đảng lớn trong Quốc hội, Giáo hội, Công đoàn Đoàn Kết và Phong trào Tranh cử Công đoàn Đoàn Kết (AWS). Ai cũng ra điều kiện, không ai được tất cả nhưng ai cũng nhận được một phần mình muốn ”.

Phản ứng của Giáo hội đối với Hiến pháp mới có thể tóm gọn trong lời bình luận của giám mục Tadeusz Pieronek, phát ngôn viên của toà Tổng giám mục : « Đây là một sự kiện quan trọng trong lịch sử Balan, một thắng lợi của các lực lượng theo đuổi mục tiêu này ». Theo bình luận của tuần

Năm 1791 nước cộng hoà quý tộc Balan thông qua Hiến pháp ngày 3 tháng Năm (được gọi thành tên như vậy) là hiến pháp thứ hai trên thế giới sau Hiến pháp Hoa Kỳ. Nhưng sau đó Balan bị Đức, Nga và đế quốc Áo-Hung chia cắt và đô hộ. Sau khi giành lại độc lập năm 1918, nước cộng hoà tu sản Balan thông qua hai Hiến pháp vào năm 1921 và 1935. Cũng chỉ 4 năm sau đó, Liên Xô cùng Đế chế Đức phátxít xâm chiếm chia đôi Balan. Người Balan lại mất độc lập. Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, Balan rơi vào vùng ảnh hưởng của Liên Xô và Hiến pháp 1952 ra đời mang nặng tính độc tài xã hội chủ nghĩa. Sau 1989, đệ tam cộng hoà tái thiết thể chế dân chủ nghị viện nhưng chưa có ngay Hiến pháp mới. Người ta phải dùng tạm Hiến pháp 1952, chỉ bỏ những điều khoản về chế độ chính trị độc đảng và kinh tế xã hội chủ nghĩa. Công việc chuẩn bị hiến pháp mới được bắt đầu ngay từ năm 1989-91 nhưng theo dự luận thì Quốc hội khoá 1989-91 chưa đủ tính đại diện để thông qua vì nó không được dân bầu lên mà do Hội nghị bàn tròn cử ra. Quốc hội khoá 1991-93 thì quá chia rẽ về quan điểm nhất là về quyền công dân, quan hệ của Giáo hội đối với nhà nước nên không thông qua được Hiến pháp. Phải đợi đến nhiệm kỳ này, khi mà chính trị Balan tương đối ổn định, mọi đảng phái từ tả sang hữu đều đồng ý cơ bản về đường lối đối ngoại gia nhập Liên hiệp Châu Âu và khối NATO, về các quyền công dân... thì quá trình mới hoàn tất.

Ngày 25.5.1997 Balan còn phải tổ chức trưng cầu dân ý để thông qua lần cuối Hiến pháp mới. Một số nhóm thuộc Công đoàn Đoàn Kết cũ kêu gọi dân chúng tẩy chay Hiến pháp. Giáo hội Kitô giáo Roma dù không “ hài lòng ” nhưng kêu gọi giáo dân tích cực tham gia trưng cầu dân ý để thực hiện quyền công dân của mình.

Hiến pháp 1997 quy định nước Balan theo chế độ cộng hoà với tổng thống là người đại diện nhà nước tối cao. Quyền lập pháp nằm trong tay Quốc hội gồm hai viện. Chính phủ thực hiện quyền hành pháp, thi hành chính sách đối nội và đối ngoại. Quyền tư pháp được đặt vào tay hệ thống toà án và công tố viện hoạt động độc lập. Ngoài ra có Toà án Hiến pháp chịu trách nhiệm kiểm tra tính hợp hiến của mọi văn kiện pháp luật cũng như các công ước quốc tế đối với Hiến pháp Balan. Hiến pháp cấm mọi tổ chức chính trị hoạt động tuyên truyền chủ nghĩa phátxít, chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, mọi hoạt động chính trị bạo lực và bí mật.

Các quyền cơ bản của công dân như tự do tôn giáo, tự do ngôn luận, tự do sinh hoạt chính trị v.v... được đề cao và được pháp luật bảo vệ trước sự vi phạm của nhà nước. Không có quyết định của toà án thì không một cơ quan nhà nước nào được quyền bắt giữ công dân (cũng như người nước ngoài) quá 72 giờ. Người bị bắt giữ trái phép có quyền đòi bồi thường. Ngoài cơ quan bảo vệ quyền công dân đã hoạt động theo Hiến pháp mới, một cơ quan bảo vệ quyền của trẻ em sẽ được thành lập. Kinh tế Balan là kinh tế thị trường xã hội với các quyền tự do kinh doanh, sản xuất, quyền sở hữu tư nhân được công nhận. Thuế thu nhập không được vượt quá mức đe dọa đến quyền tư hữu của công dân tức là sau khi trả thuế công dân còn có thể đảm bảo mức sống và tính ổn định của tài sản riêng.

Về tự do cá nhân và quyền chính trị của công dân, điểm mới trong Hiến pháp 1997 là quyền hiến định của công dân cho phép họ trực tiếp đứng ra kiện các cơ quan nhà nước, các bộ luật và văn bản hành chính nhà nước khi các quyền chính trị và xã hội cá nhân bị vi phạm. Cho tới giờ, công dân chỉ có thể thực hiện quyền này qua trung gian của công tố viện và Cơ quan bảo vệ quyền công dân (RPO).

Về những điều bổ sung, sửa đổi liên quan đến quyền công dân và tự do cá nhân hay cách thức thay đổi Hiến pháp thì 92 nghị sĩ, toàn thể Thượng nghị viện và tổng thống có quyền đòi tổ chức trưng cầu dân ý để toàn dân quyết định (8).

báo Wprost số ra ngày 9.4.97 thì “ phản ứng trung lập *de facto* có nghĩa là Giáo hội nồng nhiệt đón chào Hiến pháp mới ” (5).

3. Người Balan kể cả cộng sản chưa bao giờ tự hào về bản Hiến pháp 1952. Thời Stalin bị tất cả các đảng phái ngay cả đảng gốc cộng sản coi là một vết nhơ trong lịch sử dân tộc. Điều đáng nói là những người gốc cộng sản ở Balan dám nhìn thẳng vào sự thật để gột rửa vết nhơ của một giai đoạn lệ thuộc vào Liên Xô về ý thức hệ, ngoại giao và kinh tế. Trong Hiến pháp mới không có đoạn nào cụ thể nói về thời Stalin vì thực tế mà nói thì ngay sau khi Stalin qua đời các lãnh tụ cộng sản Balan đã “ giải Stalin-hoá ” xong về cơ bản. Đó là công lao của họ đối với dân tộc trong bối cảnh lịch sử đặc biệt đó. Lời nói đầu của bản Hiến pháp mới viết rằng năm 1989 là thời điểm Balan giành lại “ quyền tự chủ, tự quyết ”. Các tác giả Hiến pháp mới chỉ đánh giá hơn 40 năm độc tài cộng sản như vậy. Yêu cầu của một số đảng cực hữu đòi ghi vào Hiến pháp rằng hơn 40 năm qua Balan bị Liên Xô chiếm đóng hay bị nô lệ hoá đã không được đa số Quốc hội chấp nhận. Vì công bằng mà nói, thì chính các cường quốc Anh, Mỹ và Liên Xô họp ở hội nghị Yalta đã quyết định đặt Balan cùng nhiều nước Đông Âu khác vào vùng ảnh hưởng của Stalin sau thế chiến hai. Những người soạn ra Hiến pháp 1997 chứng tỏ họ có cái nhìn đúng mực về lịch sử.

4. Hiến pháp 1997 định nghĩa kinh tế Balan là kinh tế thị trường xã hội. Đây là một định nghĩa không mấy rõ ràng được đưa vào dưới sức ép của Công đoàn Đoàn Kết lo sợ cải cách theo hướng tự do quá mức. Nhưng trên thực tế, theo chủ tịch Liên minh Tự do (UW) Leszek Balcerowicz và cựu thủ tướng Mazowiecki, Hiến pháp định hướng “ có lợi cho kinh tế thị trường ”. Kể từ năm 1992 kinh tế Balan phát triển đều. GDP tăng 3,8 % năm 1993, 5,2 % năm 1994, 7 % năm 1995 và 6 % năm vừa qua (6). Đa nguyên chính trị không cản trở kinh tế phát triển. Sinh hoạt dân chủ nghị viện cũng không

dẫn đến hỗn loạn chính trị. Phải chăng đa nguyên chính trị là liều thuốc kích thích kinh tế đi lên ? Tìm lời giải thích ở từ ngữ không thôi thì chưa đủ. Vì có thể nói ngược lại rằng đa nguyên chính trị không cứu được đất nước khỏi khủng hoảng kinh tế nếu nhìn vào Bungari. Tại nước này phe cầm quyền dân chủ không làm cải cách kinh tế nổi ngay sau cuộc chuyển đổi chế độ nên đã thua trong bầu cử nghị viện. Nhưng phe gốc cộng sản lên nắm quyền cũng không làm gì hơn, kết cục là một lần nữa người Bun phải bầu lại những người dân chủ. Phe này sau thất bại đã tìm ra câu trả lời: cải cách kinh tế triệt để và dứt khoát như ở Balan. Đầu tháng 4.97 tân tổng thống Petar Stoiانov mời nhà kinh tế Balan Leszek Balcerowicz sang Bungari làm cố vấn về cải tổ kinh tế (7). Nhớ lại Balan trong mấy năm thực hiện chương trình kinh tế Balcerowicz 1990-1992. Người dân bị quan. Giới chính trị lo lắng. Kết quả là phe Công đoàn Đoàn Kết đang cầm quyền đã thất cử năm 1993 vì bị cử tri “ phạt ”. Nhưng cũng nhờ chương trình Balcerowicz mà Balan có được nền kinh tế như hôm nay.

Xét cả hai ví dụ Balan và Bungari thì có thể kết luận rằng đa nguyên chính trị không hề cản trở kinh tế phát triển thậm chí còn tạo môi trường tốt cho tư nhân hoá và tự do hoá thương mại (Balan) nhưng chỉ đa nguyên không cũng không nâng được mức sống người dân lên nếu thiếu cải cách kinh tế triệt để (Bungari). Cải tổ nửa vời chỉ dẫn đến khủng hoảng cho dù những người lãnh đạo mang danh gì đi nữa. Nhưng chỉ những nhà lãnh đạo dũng cảm mới dám cải cách. Rốt cuộc lại là vấn đề con người.

Minh Triết
4.1997

(1), (8) Theo *Gazeta Wyborcza* số ra ngày 24.3.97.

(2) Công đoàn Đoàn Kết *Solidarnosc* có đứng ra tranh cử và giành được một số ghế nghị sĩ. Đây là Công đoàn Đoàn Kết “ thế hệ hai ” mà những người lãnh đạo như ông Marian Krzaklewski, Maciej Jankowski đã ngả sang phía hữu dân tộc chủ nghĩa. Các lãnh tụ “ thế hệ trước ” như Lech Walesa, Tadeusz Mazowiecki... không còn lãnh đạo cộng đoàn.

(3) Theo nhật báo *Gazeta Wyborcza* số ra ngày 3.4 và 24.3.97.

(4) Ngày 8.4, sau khi được Giáo hoàng tiếp ở Vatican, tổng thống Kwasniewski kêu gọi Quốc hội Balan nhanh chóng thông qua Giáo ước trước cuộc trưng cầu dân ý về Hiến pháp dự định tổ chức vào ngày 25.5.97. Đây cũng là yêu cầu của đảng Nông dân. Nhưng Liên minh Cánh tả dân chủ — mà ông Kwasniewski là cựu chủ tịch đảng — và đảng Lao động dứt khoát để vấn đề Giáo ước lại sau trưng cầu dân ý.

(5) *Wprost* số ra ngày 9.4.97, bài *Sojusz Konkordatu* của Zofia Stachura, trang 13.

(6) *Poland, Fundamental Facts, Figures and Regulations*, PAIZ 1996, tr. 6.

(7) Theo tin TVP1 (đài truyền hình Balan) ngày 4.4.97.

Récital DANG THAI SON au Festival Chopin de Paris Parc de Bagatelle Samedi 28 juin 1997, à 16 h 30

au programme :

CHOPIN : Nocturne n°7 en ut dièse mineur, op. 21 n°1
SCRIABINE : Deux Impromptus (n°2, op.14 ; n°2, op.12)

CHOPIN : Quatre Mazurkas, op.24

SCRIABINE : Cinq Mazurkas, op.3.

CHOPIN : Scherzo n°3 en ut dièse mineur, op.39

Polonaise n°6 en la bémol majeur, op.53 “Héroïque”

Location : aux FNAC ou par Minitel 36 15 code FNAC. Vente des billets UNIQUEMENT sur place, une demi-heure minimum avant le récital (pas de réservation par téléphone)

Renseignements : Tél 01 45 00 69 75 ou 01 45 00 22 19
Renseignements 24 h / 24 : Minitel 36 15 code ARTS/CULTURE

Lieu : Parc de Bagatelle, Bois de Boulogne, Avenue de Longchamp, 75016 PARIS.

Métro : Porte de Maillot, puis bus 244 ;
ou Pont de Neuilly, puis bus 43 (terminus).

Vietnam : From Plan to Market - The Economic Transition

Adam Fforde – Stefan de Vylder, Westview Press, 1996

Đối với những người quan tâm đến kinh tế Việt Nam ở trong khối những nước dùng tiếng Anh, Adam Fforde là một nhân vật quen thuộc. Ông đã sống khá lâu ở Việt Nam trong khoảng thời gian 1988-1992 và đã có công “mày mò” và làm nhất quán số liệu kinh tế dành tới Việt Nam. De Vylder là người có nhiều kinh nghiệm về những vấn đề của khối Thế Giới Thứ Ba. Ước mong của hai tác giả là cuốn sách này sẽ là cái khung cho việc khảo sát quá trình chuyển đổi kinh tế ở Việt Nam.

Cuốn sách gồm có mười chương kể cả chương nhập đề. Người viết bài này hơi bức mình vì có cảm tưởng là, về mặt nội dung, cấu trúc các chương hơi lung tung, nếu không nói là bôi bác, chương này “lấn” sang chương kia; một vấn đề (ví dụ, vai trò của Nhà nước) được lập đi lập lại ở nhiều chương. Đôi khi, tựa của chương không dính dáng gì đến nội dung của chương.

Bỏ qua sự bức mình, người đọc sẽ thu thập nhiều điều bổ ích, nhưng dĩ nhiên sẽ tự đặt một số câu hỏi.

1. Số liệu liên quan đến những chỉ báo (indicateurs) kinh tế quan trọng như tổng sản lượng quốc nội, đầu tư, tiêu dùng, lạm phát, cán cân ngân sách,...khá dài, từ 1976 đến 1993 hoặc 1994.

2. Các tác giả có vài giả thuyết khá lý thú về cái “gốc” văn hoá của :

- chấp nhận kế hoạch hoá tập trung : phát triển không dựa vào tư nhân, và như vậy sẽ không mất “đạo đức” (theo các tác giả, trong một xã hội khổng giáo, buôn bán làm ăn thường được xem là vô đạo đức).

- Hợp tác xã có vai trò đoàn kết, tương thân, tương trợ như làng xã thời xưa.

- “Phá rào” (và được làng xóm ủng hộ) trong kinh tế thể hiện sự hiện hữu của một không gian xã hội tự chủ với guồng máy tập trung chính thức. Sự hiện hữu song song của kinh tế tập trung và kinh tế thị trường, trước 1986, và việc chính quyền phải “nhắm mắt” chấp nhận hiện tượng đó, lấy gốc từ “luật vua thua lệ làng”.

3. Trình bày và phân tích quá trình chuyển đổi với ba giai đoạn : 76–80, 80–85, 86–89 (đối với các tác giả, kể từ năm 1989 – sau khi bỏ hệ thống hai giá – Việt nam đã làm xong quá trình chuyển đổi – đọc phần dưới) với những rối rắm của nó: “đấu đá” nội bộ hoặc công khai; một mặt mở rộng thị trường, một mặt tăng cường khu vực Nhà nước và tập thể. Theo các tác giả, nhà cầm quyền tuy bị sức ép từ dưới đẩy lên buộc phải thay đổi cơ chế và chính sách, nhưng nhận ra rằng những thay đổi này không phải là những bước lùi chiến thuật trước tình huống khó khăn tạm thời mà là những chiến lược mới. Vấn đề đặt ra là nhịp độ biến chuyển phải như thế nào?

4. Theo ý các tác giả, bom đạn Mỹ đã “tàn phá” Việt Nam trên khía cạnh kinh tế bằng cách vô tình che dấu những

yếu kém về năng lực, vô tình đẩy mạnh khu vực Nhà nước. Sau hoà bình, viện trợ trong những thời kỳ 76–79, 85–88 kéo dài tình trạng làm ăn thua lỗ của các xí nghiệp, làm chậm trễ công cuộc cải tổ. Ngược lại, việc bị cắt viện trợ buộc Việt Nam phải tìm đủ mọi cách để tăng sản xuất quốc nội, bất thâu thủng ngân sách : trong cái may có cái hoạ và ngược lại.

5. Quá trình chuyển đổi ở Việt Nam được thực hiện song song với sự “sa sút” của vai trò Nhà nước. Khu vực Nhà nước bị thu hẹp lại; tham nhũng, làm ăn lỗ lã, làm mất uy tín Nhà nước; công chức làm việc “chân ngoài dài hơn chân trong”. Tuy vậy, nếu quyền lực chính quyền bị thu hẹp lại (trong lĩnh vực kinh tế) nhưng hiệu quả của nó lại tốt hơn (ví dụ : những chính sách chống lạm phát thời kỳ 88–92).

6. Các tác giả đã cố gắng “lý thuyết” hoá giai đoạn chuyển đổi:

- i) trước hết, nêu vài nét đặc thù chính của cơ chế quản lý qua kế hoạch hoá tập trung : quá nhấn mạnh lên tích lũy bỏ rơi tiêu dùng; không có nhân tố để đánh giá hiệu quả kinh tế vì giá, lương, tiền đều vô nghĩa.

- ii) sau đó đưa ra một tiêu chuẩn để định nghĩa thời kỳ **hậu** chuyển đổi : các tác nhân kinh tế giao dịch một cách tự nguyện, dựa trên quyền lợi cá nhân, không bị Nhà nước chỉ đạo... Trong thời kỳ hậu chuyển đổi, bước đầu sẽ có những méo mó trên thị trường (market distortions) : hiện hữu của độc quyền, thông tin không đầy đủ, hay đúng hơn, người được nhiều người được ít tùy theo gần hay xa quyền lực trung ương (do đó, theo các tác giả, từ 1990, Việt Nam đi vào thời kỳ hậu chuyển đổi).

- iii) từ đó định nghĩa thời kỳ chuyển đổi với những đặc thù như sau :

- song song hiện hữu kế hoạch hoá và thị trường, với các méo mó của chúng.

- Các tác nhân kinh tế bắt đầu giao dịch một cách tự chủ ; vốn và lao động trở nên linh hoạt hơn trước.

Từ đó phân thời kỳ chuyển đổi thành bốn giai đoạn: thời kỳ phôi thai của những sinh hoạt ngoài kế hoạch, kết thúc năm 1979; thời kỳ “phá rào”, kết thúc năm 1981; thời kỳ chuyển đổi hình thức, kết thúc năm 89 (bỏ bỏ hệ thống hai giá, giá bao cấp và giá thị trường tự do); thời kỳ hậu chuyển đổi.

Định nghĩa thời kỳ chuyển đổi và hậu chuyển đổi như trên, theo ý người viết bài, không phải là không gây vấn đề : “méo mó của thị trường” cũng do nhiều di sản của thời kế hoạch hoá tập trung bao cấp để lại : phong cách buôn bán, làm ăn; hệ thống quyền lực; hệ thống sản xuất quá tập trung vào những xí nghiệp lớn; sự thiếu thốn về nhân sự có trình độ, có tư duy kinh tế; sự yếu kém về hệ thống luật pháp, chương trình giáo dục trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, trong khi đó lại quá nhiều người tinh thông trong các lĩnh vực khác. Quá đơn giản hoá các đặc tính quá trình chuyển đổi không giải thích được tại sao Việt Nam thành công hơn Nga hay Bulgarie, nếu không dựa trên một tiêu chuẩn như “di sản của thời kế hoạch hoá” nhẹ hay nặng, đang hoành hành và biến đổi như thế nào?

Nếu Việt Nam đã xong giai đoạn chuyển đổi, ta có thể nghĩ là Việt Nam đang đối phó với những vấn đề của Thế giới thứ ba. Cuốn sách này, một cách đáng tiếc, đã không so sánh kinh nghiệm của Việt Nam với kinh nghiệm của các nước đang phát triển (mà Stefan de Vylder là một chuyên gia).

Lê Văn Cường

tình Đặng Văn Long

độc Đặng Văn Long

Thơ lòng

nxb Tân Thư, Hoa Kỳ 1996, 94 tr.

Giòng thơ xuôi chảy. Nhẹ nhàng, ngọt xớt.

Đất Quảng Nam chạy dài

Người Quảng Nam vất vả

Đôi miếng ăn từ núi cao biển cả... (tr.69)

Suýt nữa thì buột miệng nói “ Như là ca dao ” . Để rồi cắn môi thấy mình bị mắc lừa. Vì cái hơi thơ bình dị này. Quả thật là cái chơn chất hồn nhiên, cung cách người dân ta hát lên lòng dạ của mình được trong câu trong chữ.

Nhưng, một vài trang qua, ta bỗng nhận ra giòng thơ đang dắt mình vào một thế giới rất hiếm. Hiếm trong ca dao, mà hiếm cả trong thi ca của ta : thế giới chuyện thơ tự sự.

Nhà thơ thủ thủ, kể cho mình kể cho ai, chuỗi hình ảnh tươi sắc đang diễn ra trước mắt và tự bao năm :

Em đứng bên anh với đôi mắt màu hạt dẻ

Ngắm bức vẽ lại ngược cảnh đất trời

Như góp ý

Thêm chút màu xanh bớt đi phần hồng nhạt

Anh ngó Em chơm chớp

Nhưng bút vẽ chẳng tuân theo

Màu huyền lục cứ chạy dài đường thanh thủy...

(tr.30, Làn ấy)

Ý niệm so sánh lại nổi lên trong ta. Có cái gì dễ thương như thơ Nguyễn Nhược Pháp. Tươi trẻ, thơ ngây

Em lại cúi nhặt từng chiếc lá đa bỏ vào thùng

Lá chen nhau lá vọng bên tai

Liếc nhìn tôi em mỉm miệng cười

Duyên dáng quá (tr. 12, Miếng trầu năm ấy)

Để rồi lại cắn môi nhận ra mình bé cái lắm. Nguyễn Nhược Pháp tài tình với yêu đương chớm nở của cô gái dậy thì. Còn Đặng Văn Long chân thật, thì thầm kể. Cho anh, cho những người anh yêu mối tình dài của cuộc đời đã dài của anh. Tình dài rộng bao la bát ngát, khác đời. Anh yêu sâu, yêu đậm, yêu mãi người bạn đời đã khuất của anh

Từ ấy anh thường mở cửa sổ và thả rèm một chút

Nếu hỏi vì sao ? Rất khó nói được rành

Hạ rèm hé cửa sổ từ ấy anh cần như hơi thở

Vừa là nhớ – Vừa là để khuây đi

Một cái gì đau thương nhức nhối

Những ai từng chung sống một cuộc đời

Lúc cơ cực – Lúc bình thường – Lúc gia đình

đoàn tụ

Mối thăm nỗi nỗi buồn nhức nhối.

(tr.35, Phía bên kia một khu vườn nhỏ)

Dĩ nhiên. Nhưng còn biết bao tình. Trong tâm hồn, trong thịt trong da, trong hơi thở của anh. Nó là anh. Nó lặn vào câu vào chữ, đầy ắp cả chỗ trống trong thơ anh.

Tình nhiều, cao đẹp lớn rộng, mênh mông, không ranh giới, chẳng phân chia người đương nước lã và ruột thịt anh em. Cả khi rành rành là nam tâm tình với nữ – như có một thời nào anh gởi đến cô gái “ trong xóm Ngọc Trà ” (Ước gì... tr.25) – vẫn phảng phất một cái gì như tình anh em. Chả thế mà một bài **Miếng trầu năm ấy** (tr. 12 -14) anh đã “ gởi người em gái ” lại còn “ **tặng Ánh Nguyệt** ”.

Dù là nữ hay nam, cùng làng hay khác xứ sở khác chủng tộc, tình người trong lòng anh sẵn sàng rộng mở :

Siết tay em ! Trời lất phất mưa

Anh thoáng nghe tiếng em giục già :

“ Thôi em về ! Anh trở lại mau lên

“ Kéo ứt hết cả

“ Giữ gìn sức khỏe anh ơi ! ”

Thương nhau giữa những người... (tr. 49, Với em)

Lời giản dị mà tình mênh mông. Phải chăng vì thế mà chúng ta, những kẻ có được cái may mắn nghe kể, bỗng nhận ra rằng chính mình cũng được dự phần trong những người anh yêu đó.

Phải chăng cái tình mênh mông đó, nó đưa thơ anh vút lên hào hùng lúc nào mà không hay :

Tàu rời bến ra khơi

Trắng nửa vành chạy xuống

Cứ từ từ chui trong nước

Mịt mù khắp chốn

Tầm mắt khó mà định rõ được

Một phương nào giữa khơi

Sóng dâng ngút trời

Mờ ảo dầy Ngân Hà cao vợi vợi

Hai nghìn thợ không chuyên nghề

Rời bến Sáu Kho trong con tàu hàng ấy. (tr 54, Góp phần)

Thơ hào hùng, ta rất hiếm. Chỉ thấy xuất hiện trong vài thời điểm rất ư hạn hẹp. Phải là trong buổi đầu kháng chiến ta mới có được một Quang Dũng hào hùng lãng mạn :

Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm

Heo hút cồn mây, súng ngửi trời

Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống

Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi...

(Tây tiến, 1948)

Đặng Văn Long hào hùng bình dị. **Góp phần** là một bản anh hùng ca kể chuyện công binh đấu tranh. Tôi tiếc cho những bài không được đăng. Vì lý do là thơ tranh đấu.

Lời thơ anh tự nhiên “ *Con mang tên / cùng tên / mảnh đất tôi / trong tôi* ” (tr. 42, **Tên gọi**) mà nhịp điệu, âm vang ngân dài trong tâm hồn người đọc.

Điều lạ, xúc cảm nghệ thuật trôi qua rồi trong ta lòng tin nơi con người bỗng lớn mạnh hẳn lên.

Nguyễn Thắng (4.97)

Triển lãm LÊ BÁ ĐẲNG

tại

Cathédrale de l'Image

Les Baux de Provence

Từ ngày 25 tháng 3-1997, *Đại thánh đường Hình Ảnh* (*Cathédrale de l'Image*) ở Baux de Provence đã khai mạc cuộc triển lãm thường trực tác phẩm của họa sĩ Lê Bá Đẳng.

Đây là một sự kiện nghệ thuật quan trọng mà du khách viếng thăm miền Nam nước Pháp từ mùa xuân 1997 này không thể bỏ qua. Một cuộc triển lãm hết sức độc đáo vì nội dung các tác phẩm cũng như vì bối cảnh của nó.

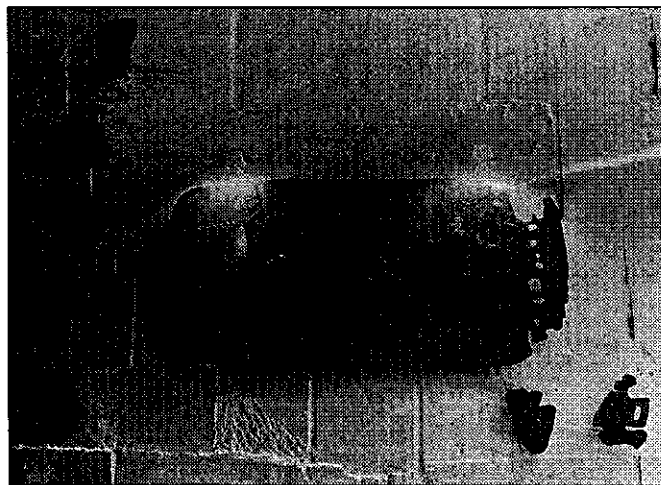
Trước hết hãy nói tới cảnh quan của địa điểm triển lãm, tự nó cũng đáng để du khách lấy đó làm nơi thăm viếng.

Les Baux de Provence nổi tiếng vì nó kết hợp địa hình núi non hùng vĩ, nối dài quần sơn Alpes với vị trí gần Địa Trung Hải. Ánh sáng kỳ diệu của vùng Provence đã mê hoặc Cézanne, Van Gogh và các họa sư của trường phái ấn tượng từ giữa thế kỷ 19. Từ nửa thế kỷ nay, nó tiếp tục quyến rũ các nghệ sĩ lớn của thế kỷ 20, từ Picasso đến Giacometti... Baux de Provence đã trở thành một trung tâm nghệ thuật, kể cả nghệ thuật... ẩm thực.

Nằm trên tỉnh lộ D27, cách Avignon 29 km, Aix en Provence 68 km, *Đại thánh đường Hình Ảnh* là một viện bảo tàng khác mọi viện bảo tàng cổ điển. Nó nằm trong một mỏ đá (carrière), 4 000 mét vuông vách đá tự nhiên được dùng làm màn ảnh đại hoành tráng trên đó, hình ảnh các họa phẩm được chiếu lên. Chương trình hiện nay của *Cathédrale de l'Image* lấy chủ đề *Michel-Ange à la Sixtine*, giới thiệu toàn bộ tác phẩm của họa sư Michelangelo vẽ trên trần và tường giáo đường Sixtine ở Roma (chương trình hình ảnh dài 30 phút, chiếu liên tục trong mùa hè, mỗi ngày từ 10 giờ đến 19 giờ, mùa đông đến 18 g ; điện thoại 04 90 54 38 65 ; fax 04 90 54 42 65).

Bên cạnh việc chiếu hình ảnh, *Cathédrale de l'Image* dành một phòng lớn, diện tích 300 mét vuông, vách tường cao 10 mét cho các cuộc triển lãm hội họa và điêu khắc *ngắn ngày*. Lần đầu tiên từ ngày thành lập, ban giám đốc Viện bảo tàng quyết định dành phòng này cho một cuộc triển lãm *thường trực* tác phẩm của Lê Bá Đẳng. Điều cần nhấn mạnh là đây không phải một bộ sưu tập tác phẩm được đem ra trưng bày, mà là một quần thể tác phẩm do ông đặc biệt sáng tác cho nơi này, cho khung cảnh này. Sự chọn lựa hình khối, đường nét, màu sắc và nhất là chất liệu được tác giả hết sức quan tâm, làm cho tác phẩm và khung cảnh hoành tráng như một thánh đường của phòng triển lãm kết hợp hài hòa, tạo ra một thể thống nhất hiếm có, để lại ấn tượng rất mạnh cho người xem.

Ở trên, chúng tôi viết : *tác phẩm* của Lê Bá Đẳng, mà không viết *tác phẩm hội họa* hay *tác phẩm điêu khắc*, vì từ nhiều năm nay, ông đã khai phá một miền đất mới, vượt khỏi



những ranh giới cổ truyền của hội họa, điêu khắc, xoá nhoà biên giới giữa hình tượng và trừu tượng. Đường nét, màu sắc là hội họa, hình khối là điêu khắc, mỗi tác phẩm *thường được gọi chung là Không gian* của Lê Bá Đẳng là một mặt bằng nổi, thoát trông như một tấm bản đồ đắp nổi, thoát trông như non như nước, song nó không dẫn người xem về một miền đất cụ thể, mà đưa ta vào không gian của tâm tưởng, trầm tư triền miên, thanh thoát trong một thế giới mông lung.

Sự kiện Lê Bá Đẳng ở *Cathédrale de l'Image* là một dịp hiếm có để công chúng ở Pháp tiếp cận với tác phẩm mới của ông, vì từ nhiều năm nay, sáng tác của Lê Bá Đẳng hầu như bị/được thị trường nghệ thuật Hoa Kỳ và Nhật Bản độc chiếm.

Xin kết thúc bài giới thiệu ngắn này bằng một thông tin : tháng 11-96 vừa qua, trụ sở *Alliance Française* ở Calcutta (Ấn Độ) đã tổ chức một cuộc triển lãm Lê Bá Đẳng trong khuôn khổ năm chuẩn bị hội nghị tối cao của khối Pháp ngữ (*Francophonie*).

Kiến Văn

sách mới nhận được sách mới

Joël LUGUERN, *Le Việt-Nam*, nxb. Karthala, Paris, 1997, 334 tr, 150 FF. Có thể đếm trên đầu ngón tay những người phương Tây mà cuộc đời gắn liền với Việt Nam, với người Việt Nam, truan chuyên vì cái *ngiệp* Việt Nam, vẫn chung thủy mà sáng suốt. Một trong những người hiếm quý ấy là J. Luguern. *Le Việt-Nam* đưa người nước ngoài vào thế giới Việt Nam và người Việt Nam vào thế giới của một người bạn quý.

Trần Thị Diệu Tâm, *Rong biển*, tập truyện, bìa của Phạm Tăng, tựa của Lê Đình Thông, nxb. An Hiên, Paris, 1997, 262 tr., 80 FF (16 USD). Gồm một truyện dài 7 “đoạn” (*Rong biển*) và 7 truyện ngắn, trong đó độc giả Diễn Đàn đã làm quen với *Thiếu nữ và con mắt trái*. Nếu “*viết là hy vọng cuối cùng còn lại của nhà văn*” như lời tác giả tự trích ở đầu sách, thì ở nơi độc giả, đọc nhiều khi là khởi đầu của một hy vọng.

K.V.

Prion (s) là cái quái gì ?

Tại sao chúng có thể buộc ta phải xét lại quan niệm về truyền nhiễm và về di truyền ?

bùi mông hùng

Bệnh bò điên có thể lây qua người ! Công chúng còn chưa qua cơn sợ hãi cái bệnh SIDA (HIV/AIDS) chết người mà không phương cứu chữa, tin này lại tung ra những câu hỏi cấp bách về một bệnh khác. Cũng nan y. Quái đản còn hơn SIDA. Bệnh bò điên do cái gì gây ra ? Nó lan truyền cách nào ? Tại sao nó có thể lây qua người được ? Làm thế nào để ngăn chặn ?

Cứ rối lên như bông bong. Cho nhà cầm quyền, cho người dân. Cho mọi người.

Muôn mắt đổ dồn về các nhà khoa học, chờ đợi một giải đáp. Chỉ thấy các nhà thông thái nhìn nhau. Âm ỉm ừ. Chẳng có gì là dứt khoát. Chẳng thấy đâu là ánh sáng chói lọi của khoa học !

Những câu hỏi về bệnh bò điên đang đặt ra đó, cũng là những vấn đề dày vò một dóm nhà khoa học đã từ nhiều năm. Họ biết khá rõ một số dữ kiện.

Tuy nhiên, những gì biết được chẳng những đã không làm sáng tỏ vấn đề, mà lại dẫn đến những vùng quái dị. Hầu như ở ngoài kia biên giới những kiến thức khoa học hiện nay về các chứng bệnh truyền nhiễm, về di truyền...

Bệnh bò điên cùng các anh em họ của nó

Ánh đèn thời sự đột ngột rơi vào một loại bệnh tới nay chỉ được một dóm chuyên gia chú tâm : bệnh não á cấp dạng bọt biển truyền nhiễm (ESST, Encéphalopathies Subaiguës Spongiformes Transmissibles). Đó là tên gọi bệnh bò điên và những loại bệnh tương tự gặp ở một số loài gia súc, thú rừng và con người. Thông thường nhất là bệnh run rẩy của loài trâu (Pháp : tremblante du mouton, Anh : scrapie). Ở người đó là các chứng bệnh Creutzfeldt-Jacob, bệnh mất ngủ vong mạng gia truyền...

Nói chung, ở loài nào xem qua kính hiển vi cũng thấy não mắc bệnh có những phần trở thành như xốp chẳng khác bọt biển. Tế bào thần kinh chết, thay vào là những tế bào đệm và tế bào hình sao.

Bệnh có hai yếu tố quyết định : truyền nhiễm và tính liên hệ đến gen.

Những quái dị của tác nhân truyền nhiễm

Truyền nhiễm thì quả là một bệnh truyền nhiễm. Thời gian ủ bệnh giữa lúc nhiễm và lúc bệnh phát thường khá dài, từ 16 tháng cho đến 40 năm nơi loài người.

Tác nhân lây bệnh nằm ở trong phần não bị tổn thương.

Với một độ chuẩn rất cao : một gram não bằng từ 10^9 đến 10^{12} – một nghìn triệu đến một triệu triệu – liều tử vong cho 50% súc vật thực nghiệm (dose létale DL50).

Nhưng tác nhân này có những tính cách quái dị đến nỗi được đặt tên là Tác nhân truyền nhiễm khác thường TNTNKT (ATNC, Agents Transmissibles Non Conventionnels).

Chúng khác thường, vì đem các phương thức sát trùng thông dụng ra đối phó – đến một mức độ mà các loại vi sinh vật truyền nhiễm đã phải chết từ lâu – chúng vẫn giữ khả năng truyền bệnh.

Tác động của sức nóng 160°C trong 24 giờ chưa đủ để giết diệt một liều 10^7 DL50 tác nhân bệnh run rẩy thực nghiệm. Sạ tia gamma thì phải dùng đến những liều lượng thật nặng mới bắt đầu có hiệu quả. Liều 25 kGy gamma hay beta thường dùng để sát trùng không có một tác dụng nào đối với những tác nhân lạ thường này. Muốn khử 37% hoạt tính của chúng đã phải là liều lượng trên 100 kGy.

Chúng cũng có điểm khác với các loài virút. Virút nhỏ hơn các loại vi khuẩn, không có khả năng sống độc lập, bắt buộc phải chui vào sống nhờ trong một tế bào. Tuy nhiên nó vẫn có đặc tính của sinh vật nghĩa là có đầy đủ mã di truyền để sinh sản ra những thế hệ virút khác giống hệt. Và mã di truyền virút cũng là những phân tử ADN (axit deoxyribonucleic) cấu trúc theo khuôn mẫu ADN của mọi sinh vật. Làm tiêu tan phân tử ADN thì virút bị khử mất khả năng sinh sôi, truyền nhiễm.

TNTNKT có khác. Đối với chúng các phương pháp làm biến tính hay tiêu hoá ADN bằng enzym không hiệu nghiệm.

Tuy nhiên, dùng cách thức làm biến tính protein thông thường như tác động của natri hydroxit (NaOH) 1N ở nhiệt độ phòng thí nghiệm trong một giờ lại diệt được khả năng truyền nhiễm của chúng.

Vậy thì bản chất chúng là gì ?

Dùng kính hiển vi điện tử không tìm thấy trong não bị thương tổn các hình dạng kiểu virút thường thấy trong các bệnh do virút gây ra. Tinh hoá bộ phận bị truyền nhiễm không tìm thấy ADN đặc trưng. Có chút ít ADN, nhưng chẳng khác gì ADN tìm thấy khi tinh hoá bộ phận đối chứng không mắc bệnh, về lượng và về phẩm.

Ngược lại, về lượng protein thì có khác : protein PrP-res trong não mắc bệnh nhiều hơn so với não đối chứng không bệnh. Và lượng protein này tăng theo tỷ lệ thuận với độ chuẩn truyền bệnh. Độ truyền nhiễm của não bị bệnh cao bao nhiêu, PrP-res càng nhiều bấy nhiêu. Và cũng không thể tách rời nhân tố gây bệnh với protein này.

Vậy nhân tố gây bệnh là protein PrP-res ? Làm sao cho được ? Vi sinh vật bao giờ cũng có bộ phận mã di truyền. Đơn giản như virút – không có khả năng độc lập mà sinh sản – vẫn có hệ tín hiệu bắt tế bào mà nó chui lọt vào được phải sản xuất ra virút y hệt nó. Phân tử protein PrP-res chẳng phải là sinh vật, không có mã tín hiệu để sản xuất ra những phân tử giống hệt khác. Nó được nhân lên bằng cách nào để mà gây bệnh, mà truyền bệnh ?

Những câu hỏi làm bối rối hệ kiến thức khoa học ngày nay về truyền nhiễm học, về di truyền học.

Điều đáng nói là phân tử PrP-res chỉ là phái sinh của phân tử PrP-c một glyco-protein bình thường do các tế bào thần kinh và tế bào có khả năng miễn dịch của các loài động vật có vú sản xuất ra. Tế bào làm ra các phân tử protein bằng cách phiên mã di truyền và sao chép từ ADN có trong gen. Phân tử protein PrP được mã hoá ở gen có mặt trên nhiễm sắc thể số 20 nơi loài người, số 2 nơi loài chuột nhắt.

Điều này hé cho ta thấy ý nghĩa và tầm quan trọng của yếu tố liên hệ đến gen của loại bệnh bò điên.

Gien và nhân tố gây bệnh

Các nhà khoa học Anh đã chứng minh từ nhiều năm nay rằng các gen "sinc" ở chuột nhắt, "sip" ở loài trù có vai trò quyết định trong tính nhạy cảm của hai loài vật này đối với nhân tố gây bệnh run rẩy của loài trù. Nay thì ta biết với một xác suất lớn rằng các gen sinc/sip và PrP chỉ là một.

Phương pháp chuyển gen tạo ra được chuột nhắt *knock-out gen PrP*, nghĩa là không có gen PrP trong bộ gen. TNTNKT không nhiễm vào chuột chuyển gen (transgénique) này được.

Ở loài người, các bệnh não á cấp dạng bọt biển gia truyền đều có một số đơn vị mã (codon) trong gen PrP bị biến dị. Vậy, gen PrP có một vai trò quyết định.

Nhân tố TNTNKT gây bệnh cách nào ?

Các mô hình súc vật thực nghiệm cho ta xác minh được rằng nhân tố TNTNKT có tính đặc trưng với loài vật mắc bệnh. Sinh vật cùng loài lây cho nhau dễ dàng. Trái lại truyền bệnh từ loài này qua loài khác thường rất khó khăn, đó là hiện tượng hàng rào giữa chủng loại. Nhưng đôi khi hàng rào này vẫn bị vượt qua.

Tổn thương não liên hệ mật thiết với hiện tượng tích lũy protein PrP-res, như là protein này có vai trò trực tiếp trong tiến trình não bị thoái hoá. Protein PrP-c dễ tan trong nước và bị các enzym proteaza giải hoá đi. Trái lại PrP-res khó tan, dễ kết tụ và proteaza không tiêu nổi nó.

Vậy, tiến trình thành bệnh có thể là những bước sau đây : TNTNKT được sao chép và nhân lên trong tế bào não. Tác nhân sinh sôi nảy nở, chuyển PrP ra dạng PrP-res. Protein này kết tụ, không bị enzym proteaza của tế bào giải hoá, tích tụ ngày càng nhiều : tế bào phải chết, tiêu đi. Để lại protein PrP-res, cú thể mà tích lũy giữa các tế bào còn sống gây nên hình thái giải phẫu của não bị tổn thương.

Có thể là vậy. Tuy nhiên, câu hỏi chính vẫn còn nguyên đó : bản chất của TNTNKT là gì ?

Mà khi nào còn chưa biết mặt thật của thủ phạm gây bệnh thì còn là bí tỷ trước nhiều câu hỏi căn bản cho công cuộc ngừa bệnh cũng như cho chữa bệnh !

Bản chất của nhân tố gây bệnh là gì ?

1. Nó là virút ?

Nếu là virút thông thường thì không sao giải thích nổi hai

sự kiện lớn. Một là không thấy các triệu chứng sinh học luôn kèm theo phản ứng của một cơ thể bị nhiễm virút (hội chứng viêm, tăng gammaglobulin trong máu...). Hai là không tìm ra ADN đặc trưng của virút.

Mới đây một phòng thí nghiệm tuyên bố tìm ra được ADN đặc trưng của tác nhân truyền nhiễm (Manuelidis, IIIrd International symposium on subacute transmissible spongiform encephalopathies, Hội thảo quốc tế lần thứ ba về bệnh não á cấp dạng bọt biển truyền nhiễm, Paris, 3.1996). Một dữ kiện đáng chú ý. Tuy nhiên mới là báo cáo sơ bộ, còn cần phải được xác định.

Dù sao nhân tố gây bệnh cũng không thể là virút thông thường. Vào cuối thập kỷ 70 khái niệm virino được đề xuất. Với giả thuyết virino là một phân tử truyền bệnh có mã di truyền riêng được sao chép lại một cách tích cực hay thụ động. Điểm khác với virút thông thường là mã di truyền này được bao bọc bởi các phân tử protein (gồm có PrP-res) của bản thân con vật bị nhiễm. Vì vậy nó được che kín ; hệ miễn dịch chỉ gặp phân tử của chính cơ thể mình, không phản ứng.

Điều hay của giả thuyết là chấp nhận virino có mã di truyền đặc trưng thì giải thích rất dễ dữ kiện TNTNKT có nhiều giống gốc khác nhau và khả năng dị biến của chúng.

Có điều là chưa xác định được mã di truyền đó ra sao. Hoàn toàn thuộc phạm vi giả định.

2. Giả thuyết protein : prion

Khái niệm prion (prions) – với giả thuyết phân tử protein có khả năng truyền bệnh – được đề xuất năm 1982. Xin lưu ý từ prion này thuộc số nhiều, vì rằng những tác nhân đó tuy là anh em họ với nhau, chúng có những tính khác biệt.

Giả thuyết cho rằng vì rối loạn giải hoá protein mà có hiện tượng tích lũy trong não một phân tử protein bình thường dưới dạng lý-hoá bệnh lý.

Có thể diễn giải thế này : Như đã nói ở đoạn trên, phân tử bệnh lý PrP-res là từ phân tử PrP-c rất bình thường mà ra.

Điều đáng chú ý là chuỗi axit amin căn bản của hai phân tử PrP-res và PrP-c giống hệt nhau. Vậy, những điểm khác biệt là thêm thắt vào sau khi phân tử PrP đã được phiên mã di truyền. Ngoài ra cũng không thấy có hiện tượng gen tăng hoạt động kèm theo. Vậy, tích lũy PrP-res là do một cơ chế ở sau giai đoạn phiên mã di truyền.

Cơ chế khởi xướng là một phân tử PrP-res hợp với một phân tử PrP-c thành một nhị hợp dị chất (hétérodimère), hệ quả là PrP-res chuyển dạng (transconformation) của nó cho phân tử PrP-c. Một khi đã chuyển dạng rồi thì mỗi đơn phân (monomère) lại tác động với một phân tử bình thường PrP-c khác. Tác động dây chuyền tự xúc tác này đưa đến tích lũy PrP-res và cái chết của tế bào.

Nghe rất xuôi tai. Nhưng phải minh chứng giải đáp những câu hỏi : phân tử PrP-res thật sự có khả năng tác động như giả thuyết nêu lên hay chẳng ? Những giống gốc TNTNKH vốn rất khác nhau, chúng đều có khả năng truyền bệnh cho một giống vật chỉ có duy nhất một kiểu PrP ; những phân tử PrP-res khác nhau có thật khả năng chuyển dạng cho một PrP-c đồng nhất hay không ?

Thực nghiệm phi tế bào đã xác định được hai điểm quan trọng : PrP-res có khả năng chuyển dạng PrP-c thực sự. Và, hai PrP-res khác nhau có khả năng chuyển dạng riêng biệt của chúng cho một mẫu PrP duy nhất.

Tuy nhiên, PrP-res hình thành do thực nghiệm không có khả năng truyền bệnh. Vậy là còn thiếu một điểm quyết định để cho giả thuyết prion thuyết phục được mọi nghi ngờ.

Còn phải có phần tử nào khác góp phần vào PrP mới hình thành được một giống gốc TNTNKT chẳng ?

3. Giả thuyết “ thống nhất ” : holoprion

Một mô hình được đề xuất năm 1991 lấy lại giả thuyết virino, bổ sung cho nó thêm những kiến thức hiện nay về THTHKT và về vai trò trung tâm của PrP. Phần tử truyền bệnh gọi là holoprion (toàn prion) gồm có phần PrP-res, gọi là apoprion (ly prion) và một axit nucleic, đặt tên là coprion (đồng prion).

Có điều, vào thời điểm đầu 1997 này, bản chất, nguồn gốc của coprion chưa một ai xác định được nó là thể nào !

Xin chấp tay tạ ơn bạn nào đã kiên trì đọc tới đoạn này, có gan chịu đựng suốt mấy trang dài cái lối trình bày cổ tình đưa ra một đồng lớn nhón những dữ kiện. Và những quở quạng của bọn xẩm mò voi. Để đi đến những câu hỏi không giải đáp !

Người viết bài này xin bạn đọc rộng lượng miễn thứ cho cách trình bày phần nào tạo lại bước đang đi của các nhà khoa học. Vào thời điểm họ chân thấp chân cao tìm cách vượt qua ngoài kia biên giới của tri thức hiện hành.

Khi đó họ có cái gì đáng thương. Thương cái thao thức, nhảy bển chớp nhận ra dữ kiện khác thường, không khớp vào được với hệ tri thức hiện hành. Thương cái say mê tìm cách phá vỡ hệ đó, phá càng sâu vào cơ bản được bao nhiêu càng thích thú bấy nhiêu. Dù họ biết rõ hơn ai hết rằng cơ sở hệ đó là vững chãi như thế nào : chính họ là những người có đóng góp vào cho sự vững chãi đó.

Họ tìm tòi có phương pháp, có kỹ thuật. Phương pháp, kỹ thuật thường là chính xác nhất đương thời. Nhưng vẫn là quở quạng như những kẻ mù mò voi. Thương những cuộc cãi nhau như mổ bò của họ. Để cùng nhau đi tìm một biểu tượng thống nhất được mọi dữ kiện, dự đoán được những gì sẽ xảy ra với một độ chính xác chấp nhận được. Thương những công sức để dựng nên biểu tượng ấy cùng ý thức sâu sắc rằng đó chỉ là một biểu tượng. Không hơn không kém. Nghĩa là để rồi sẽ phá đi khi phát hiện ra dữ kiện nó không giải thích nổi.

Một bộ mặt khoa học hoàn toàn chẳng có gì là giáo điều. Bộ mặt có người còn chưa được thấy hoặc không muốn thấy.

bùi mòng hùng (4.1997)

Muốn biết rõ vấn đề hơn xem : D. Dormont, Les agents transmissibles non conventionnels ou prions (Những tác nhân truyền nhiễm khác thường hay là prion) *Virologie*, Vol 1, N°1, Janvier - Février 1997, tr. 11-22. Có thư mục trọn vẹn.

Thơ Thu Lâm

Rong chơi

Ba đi xe đạp cùng con
Nắng mai trải khắp lối mòn, cỏ hoa
Tùng làn gió nhẹ thoảng qua
Cùng ta trên cánh đồng xa nô đùa

Với Thơ 1

Muốn mời bạn đến cùng ta
Năm ba câu chuyện, chén trà cho vui
Bạn bè bạn bị ngược xuôi
Với thơ ta lại tìm vui một mình

Với Thơ 2

Một khung trời – Một đám mây
Một cơn gió nhẹ từng giây biến hình
Mình đi giữa cuộc tử sinh
Cũng may, còn lại bên mình có thơ

Tiệc Trà

Một mình mình, một chén trà
Qua khung cửa sổ, trăng xa lên dần
Đón trăng, thông đường trước sân
Bên thông, ta lại cùng trăng uống trà

Đã nhận được :

Tao Đàn

Tập san văn học, nghệ thuật, biên khảo

Địa chỉ liên lạc :
Trần Ngọc Tuấn
Schwichteler Str. 10
49377 Vechta/Sprea – Germany

Văn

Tạp chí văn học nghệ thuật, bộ mới

Thư từ / bài vở :
Nguyễn Xuân Hoàng
email : van @saigonline.com
10602 melric ave., garden grove
ca, 92843, USA
ĐT : [714] 531-7297

Vài suy nghĩ tản mạn về Sài Gòn

Nguyễn Đạt

Tôi trở lại Sài Gòn vào đầu hè nóng bức và bụi bặm. Ai cũng phải công nhận là Sài Gòn đang thay đổi nhanh chóng, nhất là về xây dựng nhưng rải rác khắp đó đây vẫn còn quá nhiều điều không hay, không vui, không đẹp mắt cho lắm. Qua vài ngày ngắn ngủi, tôi có dịp nhìn ngắm Sài Gòn kỹ hơn một chút để khi trở lại Mỹ, tôi không sao tránh khỏi sự lưu luyến và trăn trở. Tôi mong lắm một cơ hội được về sống và làm việc tại Sài Gòn, dĩ nhiên trong điều kiện thoải mái hơn, ít nhất là một sự bảo đảm an toàn cho bản thân trước đã.

Sau khi đặt chân xuống phi trường Tân Sơn Nhất, tất cả hành khách lại ồ lên chen chúc trên một xe bus để vào nhà ga, khiến tôi ngao ngán nhớ lại cảnh ngày nào cũng chen lấn trên những chiếc xe lam hay xe bus chật như hộp cá mòi đi từ nhà đến trường và ngược lại. Xe lam và xích lô mấy đã ít thấy ở Sài Gòn hôm nay, xe bus cũng rộng rãi và lịch sự hơn (trừ tại cửa ngõ quốc tế này thôi!). Đến khi xếp hàng làm thủ tục “nhập khẩu”, tôi lại chứng kiến một cảnh rất ư quen thuộc: nộp tiền mãi lộ. Nếu bạn lạng lẽ kẹp ít nhất một tờ năm Mỹ kim (5 US dollars) vào trong passport của bạn khi trình cho một anh công an cửa khẩu, bạn sẽ qua ải nhanh chóng. Ngược lại, anh công an ấy sẽ trở nên cau kỉnh, bần gắt, khó chịu và mời bạn “*đứng qua một bên, chờ giải quyết sau vì giấy tờ có vấn đề*”! Cảnh tượng này sẽ còn tái diễn khi bạn sắp rời Saigon, cũng với một anh công an cửa khẩu khác, cũng thái độ quan liêu, giọng nói hách dịch, cũng khuôn mặt không chút thân thiện, vui vẻ. Bạn từng đi qua nhiều phi trường quốc tế, bạn sẽ thấy khó chịu và thất vọng về những cảnh không vui này nhưng tôi cam đoan với bạn là 99 % người Việt từ xa về thăm quê hương đều quá quen và chấp nhận hiện tượng này như là một “thủ tục đầu tiên”, thế thôi! Thủ tính nhằm cho riêng chuyến bay của tôi với trên 350 khách Việt Nam thì bạn sẽ thấy thu nhập mỗi ngày của các anh công an cửa khẩu và hải quan này còn cao và dễ gấp mấy lần các anh kỹ sư, bác sĩ ở Mỹ — quả là “job thơm” quá, bạn nhỉ. Tiền “mãi lộ” sẽ còn cao hơn cho các nhân viên hải quan nếu như hành lý của bạn quá nhiều hay “có vấn đề” (!). Có không ít người Việt đi buôn chuyến, buôn lẻ hay thậm chí muốn gỡ gạc tiền vé nên hành lý thường kèm theo nhiều “mặt hàng quốc cấm”, phổ biến là video tape, đĩa CD hay laser có ca nhạc hải ngoại. Có lẽ ai cũng nôn nóng gặp lại người thân nên họ cũng dễ dàng thông cảm với các “thủ tục”. Nhà khách phi cảng Tân Sơn Nhất cũng đang tân trang nên việc sắp xếp cho hành khách đi và đến cũng “rồng rảnh” đến tức cười. Kiểu kiến trúc cũng là hình ảnh quen thuộc của lối thiết kế vào thập niên 50-60, còn bãi đậu xe, lưu thông và cảnh quan thì lại đúng là thiết kế

theo lối... “trả nợ quỷ thần”! Thế mà bao năm qua vẫn không thấy ai phê bình, phản đối thì quả thật là dân ta dễ dãi hơn ai hết.

Vào trung tâm Sài Gòn, đường phố ngày càng hẹp với lưu lượng xe đủ loại ngày càng tăng, nhà cửa nhiều tầng mọc lên san sát, mật độ dân số ngày một dày đặc. Có vài con đường mới mở ở các quận ven đô (11, Bình Thạnh, Phú Nhuận...) và ngoại thành (Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè, Thủ Đức...) nhằm giải quyết nạn kẹt xe và vận chuyển hàng hoá đồng thời góp phần nâng cao giá nhà đất hai bên những con đường này. Tuy vậy, Sài Gòn vẫn còn quá nhiều những con đường tối om, đầy “ổ gà” lầy lội vào mùa mưa và đầy bụi vào mùa nắng dù rằng công việc sửa chữa, nâng cấp và mở rộng các con đường vẫn được tiến hành gần như quanh năm, với kỹ thuật hết sức lạc hậu của những năm Pháp thuộc cộng với nạn cắt xén vật tư ngày càng khủng khiếp. Việc giải toả lòng lề đường có nhiều tiến bộ, rõ nhất là khu trung tâm quận Nhất. Các công viên cũng đang được tu bổ và trả lại đúng chức năng nhưng cũng ít hấp dẫn trẻ em và gia đình đến những nơi này, nhiều nhất là các cặp tình nhân và người già. Các khu vui chơi (Kỳ Hoà, Văn Thánh, Đầm Sen,...) được nâng cấp và xây dựng thêm nhiều hạng mục nhằm thu hút khách nhưng thực lòng mà nói thì đa số là các công trình điêu khắc, hội hoạ, cây cảnh mang tính cách riêng lẻ chứ thiết kế tổng thể không hài hoà tí nào, thậm chí đôi lúc sa đà đến mức “cải lương” hay ảnh hưởng quá nặng từ phim ảnh Trung Hoa, chẳng khác nào một chiếc áo sặc sỡ với trăm mảnh vải vụn đủ loại. Giá như ban giám đốc các công trình này có hẳn một ban chuyên môn phụ trách thiết kế và xây dựng thì có lẽ các công trình này sẽ hoàn mỹ hơn. Ngay như việc thiết kế quy hoạch đô thị hiện nay cũng còn lấn cấn nhiều vấn đề. Tựu chung, tôi vẫn thấy các giới chức lãnh đạo còn chú trọng quá nhiều đến bề mặt của thành phố và lối giải quyết cấp bách cho những vấn đề trước mắt (ngắn hạn) nhằm vá lấp, sửa chữa hơn là tính toán đến những vấn đề lâu dài hơn như việc xây dựng hạ tầng (cấp thoát nước, xử lý chất thải, ô nhiễm và môi sinh, điện...). Có lẽ ngân sách và chuyên viên là hai lỗ hổng to nhất cho Sài Gòn nói riêng và Việt Nam nói chung, tuy rằng Việt Nam không hề thiếu chuyên viên tài giỏi. Cách nhìn của các chuyên viên trong nước còn nhiều hạn chế, có lẽ do bị chậm trễ sau một thời gian dài “đóng cửa” nên sau khi tham quan và tu nghiệp ngắn hạn ở nhiều nơi khác nhau, chủ yếu là các nước trong khu vực ASEAN, họ đã bị lôi cuốn bởi quá nhiều “đặc sản” nên đôi lúc sa đà trong việc nấu nướng một bữa ăn Việt Nam, có khi chế biến với quá nhiều gia vị không mấy thích hợp với cả người trong nước lẫn nước ngoài. Cũng may, Sài Gòn đã kịp chỉnh đốn trật tự để các công trình kiến trúc đẹp ngày càng thấy nhiều hơn, hạn chế dần những điều không hay trong thiết kế, xây dựng lẫn quản lý đô thị. Nhà phố (4m x 16m / 20m) rất phổ biến ở Việt Nam trước đây đang nhường chỗ cho chung cư, town houses và các biệt thự sang trọng. Các khu vực nhà ổ chuột ven sông rạch cũng đang được nghiên cứu giải toả song vấn đề tạo công ăn việc làm cùng lúc với việc xây dựng gấp rút chỗ ở mới với việc cung cấp các phương tiện và tiện nghi căn bản, chưa kể đến việc nẩy

sinh hàng loạt nhu cầu mới (dịch vụ, giáo dục, đi lại, giải trí...và nhất là môi trường) cho một số lượng lớn người nghèo quả là không đơn giản. Khách sạn tiếp tục mọc lên, tuy cường độ có chậm lại nhưng chất lượng và thẩm mỹ rõ ràng khá hơn. Luật xây dựng và cung cách quản lý đô thị mới đang góp phần chuyển biến tích cực trong việc phát triển Sài Gòn thành một trung tâm kinh tế, văn hoá phồn thịnh, nhất là hiện tượng lai tạp trong thiết kế và hỗn loạn trong xây dựng đã giảm hẳn. Tuy thế, các tiện ích công cộng vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu, thậm chí chỉ giới hạn trong phạm vi thiếu số có tiền (khách sạn, nhà hàng, hiệu buôn sang trọng). Bên cạnh đó, kiến trúc cảnh quan vẫn chưa được coi trọng nên cây xanh và khoảng trống vẫn thiếu, thậm chí vỉa hè Sài Gòn càng mất đi những “con đường có lá me bay” mà lứa tuổi tôi vẫn hằng in đậm trong ký ức. Nhìn chung, trên đường “đổi mới”, Sài Gòn đã đi đúng hướng sau mười năm mây mù, vấp vấp song vẫn chịu khó học hỏi, sửa đổi, khắc phục kịp thời các sai sót chứ không quá bảo thủ, cứng nhắc.

Cũng như hầu hết các đô thị trên thế giới, trong quá trình phát triển, Sài Gòn cũng phải đối diện với nhiều tệ nạn, tệ đoan xã hội và nhiều nan đề phức tạp về cả tự nhiên, xã hội lẫn nhân văn. Có ba tệ nạn mà tôi cho rằng Sài Gòn cần sớm chấn chỉnh, khắc phục là tệ tham nhũng hối lộ, các tệ nạn xã hội (mãi dâm, du đãng, nghiện ngập, nhậu nhẹt, cờ bạc, cây thế đánh người, ý quyền chèn ép người lương thiện, quen sống theo lệ chứ không tôn trọng pháp luật...) tăng nhanh trong khi đạo đức ngày càng suy sụp và tệ phân biệt đối xử (giữa đảng viên và người ngoài đảng, giữa người trong nước và Việt kiều, giữa kẻ có thế, có tiền và kẻ khổ rách áo ôm, giữa các địa phương, giữa ngoại kiều và dân Việt, giữa con em gia đình cách mạng với con nguy, v.v...). Với các loại tệ nạn này, thiết nghĩ tôi không cần thiết nêu dẫn chứng bởi chỉ cần một tuần sống ở Sài Gòn hay là bạn có trong tay một tờ báo Công An, Sài Gòn Giải Phóng, Tuổi Trẻ, Thanh Niên, Lao Động... là bạn sẽ biết được ngay. Ở đây, tôi chỉ xin chia sẻ với bạn về hai chữ “Việt kiều” mà người ta cứ gán ghép cho tôi ngay khi tôi về nước. Cho đến nay, tôi vẫn không sao quên ánh mắt của bà con bên nhà khi nhìn một Việt kiều, khi nói chuyện với một Việt kiều. Nói thật, tôi khó chịu khi người ta “khám phá” rằng tôi là “Việt kiều” và đối xử với tôi khác hẳn với các em tôi, bạn bè, thân quyến của tôi. Cho dù tôi cải trang, giả dạng thế nào đi nữa thì một cô bán ổi trên phà Mỹ Thuận hay một anh bộ đội tàn phế đi xin tiền ở Long Khánh cũng dễ dàng phát hiện và đối xử khác hẳn, khiến tôi có cảm giác như một kẻ xa lạ, lạc lõng ngay trên quê hương của mình. Có bao giờ bạn có cảm giác này không? Chính vì hai chữ “Việt kiều” mà tôi đã bị làm phiền ngay với những người hàng xóm; với anh công an khu vực, với cả phường đội và Ủy ban nhân dân phường. Họ chỉ muốn tôi “lì xì”, tặng quà hay một bữa nhậu để “tìm hiểu xã hội Mỹ như thế nào” (!) qua một “Việt kiều” như tôi. Từ chối hay lảng tránh thì bạn sẽ khó mà lường được phản ứng của họ ra sao mà cứ thoả mãn yêu cầu của họ thì... Donald Triumph cũng ón. Nếu Sài Gòn vẫn cứ để cho các tệ nạn này phát triển thì tôi tin là cả Việt kiều lẫn ngoại kiều sẽ ...“một đi, không trở lại”. Cả ba loại tệ nạn này cứ chồng chéo đan nhau như những hoạt

động hổ tương, với hệ quả tất yếu là tạo ra sự hỗn loạn, phân hoá, quá “thực dụng” và “hiện sinh” mà không cần biết hậu quả ra sao về sau. Sự rộng lượng hay khắt khe, biết điều hay không biết điều, có tiền hay không có tiền là những phẩm chất đạo đức mới ở Sài Gòn và Việt Nam hôm nay. Tôi không biết nên vui hay buồn cho Sài Gòn và Việt Nam của tôi hôm nay trước những vấn đề này?

Tôi ghé thăm trường Lê Quý Đôn, nơi tôi đã học suốt mười hai năm, gặp lại một vài thầy cũ, cả chú Tâm gác đàn và cô Yến y tá. Sân trường nay đã trắng xoá, sạch sẽ từ cổng vào tận cửa lớp nhưng đáng yêu nhất là những gốc cây cổ thụ vẫn còn đó, hoa viên lại gọn gàng, tươi tốt hơn. Hai mươi năm qua, bao thế hệ đã từ mái trường này nhưng mấy ai có dịp về thăm lại trường cũ. Sờ từng chiếc bàn, ngó lại tấm bảng đen, dạo quanh hoa viên, bước lên những nấc thang cũ, nhìn xuống sân trường qua vòm cuốn, v.v...tất cả hình ảnh ngày xưa bỗng chốc ùa về và tôi đã khóc. Tôi mong sẽ có ngày họp mặt cho những ai đã từng học ở Lê Quý Đôn ngay trong khuôn viên trường, có lẽ sẽ là ngày hội lớn nhất trong đời của chúng tôi. Rồi chúng ta sẽ nhắc nhở kỷ niệm, sẽ có những sinh hoạt tương thân tương trợ nhau hữu hiệu hơn và nhất là sẽ làm một việc gì đó cho trường Lê Quý Đôn, cho Sài Gòn và cho Việt Nam của chúng ta. Bước đi trên con đường có lá me bay về phía công trường Chiến sĩ và khu Nhà thờ Đức Bà, tôi cảm thấy hạnh phúc, vui sướng vì tất cả hình ảnh quen thuộc ngày nào vẫn còn nguyên vẹn. Tôi thầm cảm ơn ai đó đã thiết kế, xây dựng và chăm sóc cho kiến trúc và cảnh quan khu vực này thật tuyệt vời. Ngay khi bước chân vào chùa Vĩnh Nghiêm, Xá Lợi, tôi vẫn thấy sự tôn nghiêm với nét đẹp phương Đông cổ kính, thanh thoát mà hầu hết các chùa Việt Nam ở miền Nam California không thể nào có được. Sài Gòn đáng yêu, đáng nhớ cũng bởi vì thế. Tôi nghe nói chợ Bến Thành sắp có thay đổi lớn nhưng tôi vẫn chưa có dịp trông thấy đồ án thiết kế cụ thể ra sao, chỉ mong rằng cái mới sẽ tôn tạo vẻ đẹp quen thuộc của nó chứ đừng phá huỷ nó một cách tội nghiệp bởi chợ Bến Thành cùng với cổng Lăng Ông Bà Chiểu đã trở thành hình ảnh tiêu biểu của kiến trúc Sài Gòn, như chùa Một Cột ở Hà Nội, hay chùa Linh Mục ở Huế vậy. Kiến trúc, xây dựng, cảnh quan, quy hoạch vẫn phải gắn liền với các yếu tố kinh tế, văn hoá, xã hội, chính trị theo quy luật nhân quả và tác động qua lại. Nhận thức đầy đủ các vấn đề đặt ra cho Sài Gòn hôm nay, kết hợp với ý kiến quần chúng và giới chuyên môn, Sài Gòn sẽ tiếp tục đi xa hơn trên đường giành lại danh hiệu “Hòn ngọc Viễn Đông” của chính mình ngày nào. Tôi tin Sài Gòn sẽ biết lắng nghe, học hỏi, mạnh dạn sửa đổi, từng bước ổn định và sẽ không ngừng lớn mạnh về mọi mặt. Hy vọng lần về thăm Sài Gòn kỳ tới, tôi sẽ vui với Sài Gòn hơn.

Nguyễn Đạt

2/97

Hiện thực và hội họa hiện thực (1)

Văn Ngọc



VAN GOGH, Ông già nông dân, chỉ than, 1881

Khi nào có dịp ra biển, bạn cứ để ý quan sát mà xem : mặt biển (gặp khi trời tốt) nhìn xa trông phẳng lặng, mờ nhạt như một mảng màu, nhưng nhìn gần, ngay bờ nước, bạn lại thấy rõ từng đợt sóng nhỏ nhấp nhô, đan kết với nhau, di chuyển theo cùng một *nhịp điệu*. Xuyên qua làn nước trong suốt, bạn còn nhìn thấy cả những viên cuội. Biển xuống để lại một bãi cuội ướt át. Hình ảnh đó mặc dầu luôn luôn chuyển động, và mặc dầu phức tạp đến đâu cũng đã được in vào trí óc bạn, vào nhãn quan của bạn một cách rõ nét. Bạn gọi đó là hiện thực, ít ra là cái hiện thực mà mắt bạn nhìn thấy được, óc bạn nhận thức được.

Nếu giả thử bây giờ bạn muốn vẽ, muốn thể hiện những làn sóng đó trên một bức họa, nếu bạn là một họa sĩ tượng hình (figuratif) (2), hiện thực (réaliste), hay siêu hiện thực (hyperréaliste) (3), lại có tay nghề, hoặc nếu bạn chỉ là nghiệp dư muốn vẽ thử chơi, dù bằng màu sắc, chất liệu thực, hay chỉ bằng tưởng tượng, bạn sẽ gặp ngay một khó khăn lớn : những làn sóng mà bạn muốn vẽ đó luôn luôn là những làn sóng *khác*, vì chúng không đứng yên ở một chỗ ! Con mắt của bạn không tài nào *định hình* được chúng. Bạn chỉ còn một cách là dựa vào chiếc máy ảnh, dựa vào một tấm hình chụp ở một tốc độ đủ nhanh, với một ống kính đủ tối tân, để nắm bắt một cách *tương đối* chính xác hình ảnh của sóng, và rồi bạn vẽ theo đó.

Bằng không, bạn sẽ phải *khái quát hoá*, như thể các nhà họa sĩ tượng hình phương Tây vẫn thường làm từ bao thế kỷ nay, vẽ những nét chính, miễn sao thể hiện được cái hồn, cái

nhịp điệu (4) đặc thù của sự vật trong một trạng thái động hay tĩnh, đủ để cho người khác nhận ra được đấy là sóng, là nước, là một loại cây cối, hay thú vật nào đó.

Hoặc nữa, bạn có thể *cách điệu hoá* như các nhà họa sĩ phương Đông vẫn thường cách điệu hoá sóng, nước, mây, núi v.v... trên các bức tranh dân gian, tranh thờ, tranh thủy mặc, hoặc tranh cổ, nói chung. Ở đây, các nghệ sĩ phương Đông cũng áp dụng cùng cái khái niệm về *nhịp điệu* kể trên, tuy rằng không gọi là nhịp điệu mà gọi là *cái thần* (tinh thần). Chính phương pháp này đã cho phép họ có *sẵn* một kỹ thuật, một ngôn ngữ ước lệ để thể hiện một số vật, một số hiện tượng quen thuộc trong thế giới tự nhiên.

Dưới một dạng khác, chúng ta còn gặp cái ngôn ngữ ước lệ truyền thống này trong các tranh thờ cổ của Ấn Độ giáo và Phật giáo (5), ở đây nó được áp dụng để thể hiện các nhân vật thần thoại, với kích thước tỷ lệ được qui định sẵn và được truyền từ đời này qua đời khác.

Phương pháp thể hiện bằng một *ngôn ngữ có sẵn* này, thực ra trong hội họa phương Tây cũng đã được áp dụng từ lâu, tuy rằng có khác với truyền thống phương Đông. Ngay từ thế kỷ 4 trước C.N., Aristote đã chủ trương cho dạy vẽ ở trường học, lấy cơ thể con người làm mẫu, với mục đích *làm nảy nở sự nhận thức cái đẹp* qua những tỷ lệ hài hoà của nó. Ông cho rằng có nắm vững *kỹ thuật hình họa* mới ghi nhận được cái đẹp đó. Ở đây, bắt đầu chớm nở cái ý : hội họa là một ngôn ngữ diễn đạt và phải nắm được kỹ thuật của cái ngôn ngữ đó mới tái tạo được cái đẹp của đối tượng.

Các họa sĩ thời Phục Hưng Ý, và Flamand là thời kỳ mà hội họa tượng hình đạt tới một đỉnh cao, nếu không phải là cao nhất từ trước tới đó, cũng nghĩ như vậy, cho nên bất cứ họa sĩ tài năng nào cũng đều thường xuyên thao luyện con mắt quan sát và ngọn bút của mình bằng cách vẽ đi vẽ lại cho đến thật *thuộc lòng*, nhuần nhuyễn, dưới hình thức phác thảo, những chi tiết cần thiết cho việc thể hiện thế giới tự nhiên : từ khuôn mặt của cụ già, cho đến cơ thể của con nít, bàn tay, mái tóc của phụ nữ, v.v... Có những họa sĩ như Piero della Francesca và nhất là Albrecht Dürer đã sử dụng toán học để chuẩn định các hình thể và tỷ lệ hài hoà trên cơ thể con người...

Còn bây giờ nếu bạn muốn vẽ bãi cuội ướt át ở nơi bờ nước cho *đúng như thật*, thì bạn phải vẽ tỉ mỉ từng viên một, từng hòn sỏi trên bức họa *L'Annonciation*. Việc làm đó đòi hỏi nhiều thì giờ, nhiều công phu, và không biết có đáng làm không ? Bởi vì vẽ một hòn cuội, ngay như ướt đầm nước, với một hình dạng đặc biệt nào đi nữa, thì đối với một họa sĩ hiện thực đâu phải là một chuyện khó, không thể làm được ? So với vẽ một chùm nho, một khuôn mặt, hay một nụ cười, thách thức đó chắc hẳn không khó bằng (6).

Sở dĩ người xưa không vẽ từng gợn sóng, từng hòn cuội (trừ Léonard de Vinci !), không phải chỉ vì vấn đề kỹ thuật, hay vấn đề thời gian, mà chủ yếu vì nó không nằm trong *luật chơi*, trong mục đích của hội họa, ít ra là của hội họa tượng hình đã giữ vai trò độc tôn ở phương Tây từ cổ Hy Lạp cho

mãi tới đầu thế kỷ này.

Trong nền hội họa ấy, nhân tố *hiện thực* là nhân tố quan trọng nhất. Nó là cốt lõi của lý thuyết, xuất phát từ tư tưởng triết học của Platon (*chủ trương nghệ thuật phải phục tùng ba tiêu chuẩn : chân, thiện, mỹ*) và của Aristote, cho rằng mục đích của hội họa là *nhận thức và diễn đạt hiện thực, làm chủ thế giới tự nhiên*, ít ra cái bề ngoài nhận biết được của nó.

Ngoài ra, còn có hai nhân tố khác, là nhân tố *thẩm mỹ* (hay nhân tố *tạo hình* : bố cục, đường nét, hình thể, màu sắc, nhịp điệu, v.v...) và nhân tố *nội tâm* (nội dung tư tưởng, tình cảm của người vẽ).

Thông thường khi người ta vẽ cái này mà không vẽ cái khác, hoặc nhấn mạnh chỗ này mà không nhấn mạnh chỗ khác, đều là do ba nhân tố trên quyết định.

Đôi khi người ta phải hy sinh một mặt nào đó của hiện thực để thể hiện mặt khác của nó mà người ta cho là quan trọng hơn. Chẳng hạn như các họa sĩ của trường phái ấn tượng nhiều khi đã hy sinh hình thể của sự vật để chỉ chú trọng đến ấn tượng của ánh sáng và màu sắc. Ở đây, nhân tố *hiện thực* đã bị nhân tố *thẩm mỹ* lấn át, mặc dầu các nhà họa sĩ ấn tượng đã vẽ với một mục đích rất hiện thực : diễn tả sự *biến đổi* của ánh sáng và màu sắc trong *thời gian* và không gian, một hiện tượng của thiên nhiên không dễ gì quan sát bằng con mắt và thể hiện trên mặt tranh trong một trạng thái cố định.

Cái tham vọng thể hiện sự rung động của ánh sáng và màu sắc trong không gian và thời gian của các họa sĩ ấn tượng, cũng như cái hoài bão của một vài trường phái hội họa hiện đại sau này muốn thể hiện *sự chuyển động* của sự vật (7) đều dẫn đến kết quả, là người họa sĩ phải xa rời cái khái niệm truyền thống về hiện thực, để rồi cuối cùng cũng vẫn bất lực không thể nào tạo ra được hình tượng của sự chuyển động trên mặt tranh bằng một hình ảnh cố định. Đó cũng là cùng một vấn đề với việc thể hiện những làn sóng đã nêu ở trên.

Mặc dầu gặp những khó khăn loại đó (8), song nền hội họa tượng hình ở phương Tây, chủ yếu dựa trên ba tiêu chuẩn *chân, thiện, mỹ*, vẫn đứng vững như kiềng ba chân, vẫn phát triển dưới những dạng phong phú khác nhau để ngự trị ở địa vị độc tôn trong suốt hơn hai mươi thế kỷ qua.

Sở dĩ như vậy là vì ba nhân tố kể trên, xuất phát từ những nhận thức sâu sắc của các nhà triết học Hy Lạp cổ về hiện thực, về nghệ thuật và về những nhu cầu tinh thần của con người, đã tạo ra được một cơ sở lý luận vững chắc, một sự đồng thuận giữa những người làm nghệ thuật và những người thưởng thức nghệ thuật (ở đây tôi muốn nói đến những người đặt hàng cho họa sĩ sáng tác, hoặc những người mua tranh, thường là thuộc các tầng lớp trên trong xã hội, ít ra dưới thời phong kiến).

Cùng với các nhà triết gia Hy Lạp, người ta thừa nhận rằng cái thật (*chân*) và cái đẹp (*mỹ*) lý tưởng đều nằm ở trong thiên nhiên vì thiên nhiên là do Thượng đế sáng tạo ra (cơ thể con người có những tỷ lệ hài hòa cũng là do nơi Thượng đế), do đó nghệ thuật phải bắt chước cho thật giống thiên nhiên, hoặc lấy thiên nhiên làm mẫu mực.

Còn cái *thiện* trong nghệ thuật là gì nếu không là cái nội dung đạo lý của tác phẩm. Đạo lý này đương nhiên cũng qui về Thượng đế. Vào thời Platon và Aristote, cũng như suốt trong thời gian dài hàng gần hai chục thế kỷ, trong các xã hội phong kiến ở phương Tây, cái đạo lý đó dưới những hình thức khác nhau tùy theo mỗi thời kỳ, vẫn luôn luôn nhắm một mục đích chính là : duy trì trật tự xã hội và phục vụ quyền lợi của các giai cấp cầm quyền : nhà thờ, vua chúa, tầng lớp quý tộc, tầng lớp trưởng giả, phú thương... Chính Platon đã là người đầu tiên áp dụng chính sách lãnh đạo nghệ thuật, không để cho các nghệ sĩ có những tư tưởng *bi quan*, làm rối loạn trật tự xã hội. Theo ông, nghệ thuật phải luôn luôn tôn sùng đạo lý của Thượng đế, đồng thời ca ngợi chế độ và nhà nước. Chữ *thiện* của ông nhằm một ý đồ chính trị rõ rệt. Người ta có thể hiểu được vì sao trải qua bao nhiêu triều đại phong kiến ở phương Tây, lý tưởng ấy đã được duy trì bền bỉ trong nghệ thuật !

Tuy nhiên, với thời gian, quan niệm về nghệ thuật và về sự nhận thức hiện thực cũng đã có nhiều biến đổi.

Năm trăm năm sau Platon và Aristote, Plotin (203-270 sau C.N.), một triết gia Hy Lạp khác cho rằng : “ *thiên nhiên tự nó không có khả năng sáng tạo ra cái gì cả, vì nó không có khả năng nhận thức được cái đẹp lý tưởng. Chính nghệ thuật, sản phẩm của trí óc con người (do Thượng đế ban cho), mới có khả năng tái tạo thiên nhiên một cách hoàn hảo hơn.* ”

Đến thời tiền Phục Hưng Ý (thời của Giotto, thế kỷ 14), Cennini, một họa sĩ, đã viết một cuốn sách chuyên luận về hội họa nổi tiếng, trong đó ông chủ trương *không bắt chước thẳng* theo thiên nhiên, mà trước hết, khi bước vào nghề, người họa sĩ phải bắt chước theo ông thầy của mình (hoặc một họa sĩ lỗi lạc bậc thầy), để học hỏi cái *phong cách* của ông ta, tức cái ngôn ngữ, cái kỹ thuật cho phép mình tiếp cận, chất vấn thiên nhiên. Thời Cennini cũng là thời mà người ta bắt đầu đề cao *óc tưởng tượng* của người họa sĩ, bắt đầu phân biệt rõ ràng cái thật, *cái đẹp nghệ thuật* với cái thật, cái đẹp tự nhiên. Nói một cách khác, người ta đã biết phân biệt *hiện thực được lý tưởng hoá* với hiện thực tự nhiên.

Kịp đến thời Phục Hưng, thế kỷ 15, là thời kỳ mà tri thức khoa học chính xác bắt đầu thâm nhập vào nghệ thuật, Alberti (1404-1472), người đã có câu định nghĩa nổi tiếng : “ *Bức họa là cái khung của số nhìn ra đối tượng mà mình thể hiện* ”, cũng như Léonard de Vinci (1452-1519), cả hai đều tin vào khả năng của trí tuệ và cho rằng cái gốc của nghệ thuật là ở trí óc thông minh của con người, chứ không phải ở một đấng thiêng liêng nào cả. Chính Léonard de Vinci đã là người chủ trương thể hiện sự vật từ cái chi tiết nhỏ đến cái đại thể bao quát khi ông vẽ phong cảnh trên một bức họa.

Các trường phái baroque, cổ điển và lãng mạn, sau đó, tuy mỗi trường phái đều có một phong cách riêng, một lý thuyết riêng, nhưng về bản chất, vẫn tôn trọng ba tiêu chuẩn : *chân, thiện, mỹ*, với những qui ước, mẹo luật, dựa trên ba tiêu chuẩn đó.

Đến giữa thế kỷ 19, với ảnh hưởng của những tư tưởng triết học và xã hội đương thời, với cuộc cách mạng 1848, quan niệm về hiện thực đột nhiên có những biến đổi lớn : một

quan niệm mới về hiện thực ra đời, được gọi là *chủ nghĩa tự nhiên*, chống lại khuynh hướng lý tưởng hoá hiện thực (đặc biệt là của trường phái lãng mạn), chống lại những qui ước, lễ thói có tính chất kinh viện vẫn tồn tại từ trước.

Gustave Courbet chủ trương thể hiện hiện thực khách quan một cách *trần trụi*, không nhân nhượng. Bức hoạ *L'Origine du monde* của ông là một thí dụ điển hình. Ở đây, hoạ sĩ đã dựa vào nhiếp ảnh để thực hiện tác phẩm của mình. Người ta có thể nghĩ rằng *hiện thực* đến như vậy là đã đạt tới cái giới hạn không đi quá được nữa về mặt lý thuyết cũng như về mặt kỹ thuật của chủ nghĩa tự nhiên.

Manet, mặc dầu không triệt để bằng Courbet, song cũng đã có những tác phẩm mang khuynh hướng này, trước khi chuyển hẳn sang hội hoạ ấn tượng.

Song song với khuynh hướng *hiện thực tự nhiên*, dù sao cũng có tính chất “cách mạng” này của Courbet, và một phần nào cũng do ảnh hưởng của Courbet, còn có một dòng nghệ thuật hiện thực khác được gọi là *hiện thực kinh viện*, mà người đại diện ở Pháp là Jean Léon Gérôme. Khuynh hướng hiện thực này, tồn tại cả ở Ý và ở Đức, một mặt vẫn chủ trương sao chép cho thật giống đối tượng nhìn thấy trước mắt, nhưng một mặt khác, lại muốn miêu tả lại bằng trí tưởng tượng và bằng những tư liệu lịch sử, những sự kiện đã xảy ra trong dĩ vãng, với một kỹ thuật đôi khi rất điêu luyện, như Morelli ở Ý với bức *Tentation de Saint Antoine*, hoặc Menzel ở Đức với những bức hoạ kể lại cuộc đời của vua *Frédéric le Grand*, giống và thật như chính ông ta đã từng là chứng nhân.

Cuối thế kỷ 19, các trường phái tượng trưng và biểu hiện (Van Gogh, Gauguin, Munch, Nolde, Kirchner, v.v...) chủ yếu vẫn thuộc dòng hiện thực, đã tìm ra những ngôn ngữ nghệ thuật mới mẻ, cho phép người hoạ sĩ thể hiện những khía cạnh *nội tâm* của đối tượng và của bản thân mình.

Với sự ra đời của hội hoạ hiện đại vào đầu thế kỷ 20, hội hoạ tượng hình có khuynh hướng hiện thực ở phương Tây vẫn tiếp tục tồn tại song song, tuy rằng lúc bùng, lúc trầm.

Vào những năm 20 nó đã rất phát triển ở Đức với phong trào Tân hiện thực (Neue Sachlichkeit) có xu hướng xã hội rõ rệt, với những tên tuổi như : George Grosz, Otto Dix, Georg Scholz...

Mãi tới những năm 60-70, mới lại có một cao trào khác : ở Mỹ và ở Anh với Jim Dine, Ronald Kitaj, David Hockney (hoàn toàn không mang một nội dung chính trị nào) ; ở Tây Ban Nha với Antonio Lopez-Garcia, Francisco Lopez, Julio Hernandez (ngược lại, thuộc dòng hiện thực phê phán, đã kích chế độ độc tài của Franco) ; ở Đức với phong trào Prinzip Realismus cũng chủ trương phê phán xã hội tư bản, do đó còn được gọi là phong trào “hiện thực tư bản chủ nghĩa”, với các tên tuổi như : Wolfgang Petrick, Peter Sorge, Klaus Vogelgesang, Maina Munsky...

Ở Liên Xô, trước cuộc cách mạng tháng Mười, đã có một nền hội hoạ hiện thực mang tính chất phê phán, mà trình độ nghệ thuật cũng đã khá cao. Thí dụ như tác phẩm quen biết mang tên *Những người kéo thuyền trên sông Volga* của Iliia Répine (1844-1930), chẳng hạn.

Các nghệ sĩ Nga, từ nhà văn cho đến nhà hoạ sĩ, ngay từ dưới thời Nga hoàng cũng đã hay có khuynh hướng dẫn thân và luôn luôn quan tâm đến vận mệnh xã hội.

Sau cách mạng tháng Mười, giữa những năm 1917 và 1932, hội hoạ hiện đại với các trường phái nổi tiếng Constructivisme (Tatlin, Gabo, Pevner), Suprématisme (Malevitch, Lissitzky), lúc đầu được hoạt động tự do, nên đã có điều kiện phát triển. Nhưng cái nỗ lực xây dựng một nền nghệ thuật tiên tiến, trong một xã hội mới của họ đã sớm bị dập tắt. Lenine chết đi, Staline lên cầm quyền, các khuynh hướng nghệ thuật đều bị dẹp hết (1932), chỉ còn độc một mình nghệ thuật *hiện thực xã hội chủ nghĩa* được đưa lên làm nghệ thuật chính thống ở Đại hội các nhà văn Liên xô (tháng 8-1934).

Người ta đã xuyên tạc những ý kiến của Lenine về văn nghệ, thực ra được viết từ năm 1905, và gán cho ông cái trách nhiệm là người đã đề xướng ra chủ thuyết này. Năm 1937, bà quả phụ Nadejda Kroupskaia đã lên tiếng cải chính quyết liệt, nhưng cũng không được ai nghe. Mãi về sau này, người ta mới được biết, trong một cuộc phỏng vấn thực hiện lúc ông còn sống bởi bà Clara Zetkin, Lenine đã tuyên bố : « *Bất cứ người nghệ sĩ nào, bất cứ cá nhân nào tự coi mình là nghệ sĩ, đều có quyền tự do sáng tác theo quan niệm riêng của mình và không cần quan tâm đến gì khác cả.* »

Đáng tiếc thay, điều đó đã không bao giờ được thực hiện.

Với tất cả những qui ước, tiêu chuẩn đầy mâu thuẫn mà người ta đã đặt ra cho nó, và sự tồn tại trong guồng máy lãnh đạo của một lớp quan chức và nghệ sĩ theo khuynh hướng kinh viện, bảo thủ, hội hoạ *hiện thực xã hội chủ nghĩa* đã trở thành một thứ nghệ thuật minh hoạ, xa rời hiện thực, mất hết tính chất phê phán khách quan và nhất là đã không phát huy được về mặt thẩm mỹ (bản chất cường điệu của nó luôn luôn dẫn đến một sự đơn điệu, nghèo nàn), cũng như nó đã không phát huy được cá tính của người nghệ sĩ, khi họ đã mất hết tự do.

Ở đây, tôi không có ý định bàn nhiều về những vấn đề của nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa, vì giới hạn của bài báo, chứ không phải vì chúng ta đã biết quá nhiều về nền nghệ thuật này rồi.

Sự thật, và ở đây tôi chỉ xin tóm tắt lại bằng một câu, là nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa đã không thoát ra ngoài qui luật *chân, thiện, mỹ* và có thể nói rằng nó đã thất bại vì đã không đáp ứng được một tiêu chuẩn nào trong ba tiêu chuẩn đó.

Trên đây là một số ý tản mạn, mục đích cốt để nêu lên một vài nhân tố cơ bản của hội hoạ hình tượng. Trước hết là cái căn bản triết lý có từ thời xa xưa của nó, sau đó là ngôn ngữ của nó với khả năng và giới hạn của ngôn ngữ đó trong sự tiếp cận hiện thực.

Trong khuôn khổ bài này, tôi đã chỉ tập trung nói đến hội hoạ tượng hình ở phương Tây.

Đông Tây khác nhau trên những quan niệm triết học về thế giới tự nhiên, về thiên nhiên, về hiện thực, tất nhiên quan niệm về nghệ thuật cũng không thể nào giống nhau được trên

mọi điểm.

Tuy nhiên, tôi vẫn cho rằng, hội họa tượng hình, từ Đông sang Tây, do nhân tố *hiện thực* của nó, từ bao giờ vẫn có một sức hấp dẫn, một sức thuyết phục và một sức truyền cảm lớn, chủ yếu vì cái ngôn ngữ của nó dễ được người ta tiếp thu. Đó là những hình tượng của đời sống thực tế mà ai ai cũng có thể nhận biết ngay được, dù cho chúng có được khái quát hoá đến một mức độ nào đi nữa.

Một tác phẩm tượng hình không những có thể gây được ở nơi người xem tranh một cảm xúc thẩm mỹ, luôn luôn pha lẫn một sự thần phục nào đó về tính chất hiện thực (sự giống như thật) của nó, mà đồng thời, do nội dung của cái hiện thực mà nó phản ánh (một sự kiện lịch sử, một truyện tích, hoặc một hiện tượng xã hội), nó còn có khả năng khơi dậy được ở nơi người đó những tình cảm vui, buồn, phẫn nộ, hoặc một sự băn khoăn, thôi thúc nào đó.

Đúng trước những bức họa tượng hình được trưng bày trong một gian phòng lớn của một viện bảo tàng, như bảo tàng Louvre chẳng hạn, nhất là khi chúng lại được sắp xếp theo từng thời kỳ, từng trường phái nghệ thuật, người ta như được nhìn thấy tận mắt những con người sống ở những thời đại lịch sử khác nhau, với những phong tục tập quán, trình độ văn minh, văn hoá vật chất khác nhau... Ít ngành nghệ thuật nào lại có thể làm cho người ta có được cái khoái cảm đó!

Hội họa tượng hình, với tất cả những ưu điểm mà chúng ta đã thấy, đã từng có những thời đại vàng son của nó.

Tuy nhiên, ở thời đại điện tử ngày nay, xã hội và tâm thức con người đã thay đổi nhiều so với cách đây một thế kỷ, hội họa tượng hình hiện đang ở vào một thế bị lấn át, một mặt bởi những phương tiện nghệ thuật không những rất *tượng hình* mà lại còn *hiện thực* gấp nhiều lần. Không những thế, chúng lại còn có khả năng thể hiện cả *sự chuyển động* trong *thời gian* và *không gian*, và còn nhiều khả năng khác nữa. Tôi muốn nói đến nghệ thuật điện ảnh và các nghệ thuật truyền thông với những kỹ thuật ngày một tân tiến.

Mặt khác, trên địa hạt thuần túy thẩm mỹ, nó còn bị cạnh tranh bởi một nền hội họa khác : đó là nền hội họa trừu tượng, nhưng đây là một đề tài rộng lớn mà chúng ta có thể để dành đến một dịp khác bàn tiếp.

Văn Ngọc

Tài liệu tham khảo :

- René Huyghe, *Les puissances de l'image*, Flammarion 1965.
Jean-Luc Chalumeau, *Les théories de l'art*, Thémathèque-Lettres 1994.
Herbert Read, *La Philosophie de l'art moderne*, Sylvie Messinger 1988.
Gérald M. Ackermann, *Réalisme (Art)*, Encyclopaedia Universalis 1985.
Jean Clair, *Retour au réalisme*, Encyclopaedia Universalis 1985.
John Berger et Howard Daniel, *Réalisme socialiste*, Encyclopaedia Universalis 1985

Chú thích :

(1) *Hiện thực* (danh từ) : cái có thật, tồn tại trong thực tế.

Hiện thực khách quan (d.t.): thể giới tự nhiên, thể giới vật chất tồn tại ở bên ngoài và độc lập với ý thức con người (theo *Từ điển tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội, 1988).

Hiện thực (tính từ) : khuynh hướng hiện thực chỉ khuynh hướng nghệ thuật thể hiện sự vật giống như thật.

Hội họa hiện thực : hiểu theo nghĩa chung chung là *hội họa tượng hình có khuynh hướng hiện thực*. Còn hội họa hiện thực (*chủ nghĩa tự nhiên*, có từ giữa thế kỷ 19) là trường phái hội họa do Courbet đứng đầu, chủ trương không lý tưởng hoá hiện thực, v.v...

(2) *Hội họa tượng hình* : chỉ tất cả các trường phái hội họa sử dụng những hình tượng thể hiện sự vật có ở trong thế giới tự nhiên mà mắt nhìn thấy được (đối lập với hội họa *phi tượng hình*, hay *phi hình tượng*, và hội họa *trừu tượng*).

Hình tượng : hiện thực được phản ánh một cách khái quát bằng nghệ thuật dưới hình thức những hiện tượng cụ thể, điển hình

(3) *Siêu hiện thực* : một trường phái hiện thực xuất hiện ở Mỹ vào những năm 60-70, chủ trương thể hiện sự vật một cách chính xác và tỉ mỉ, và không ngần ngại sử dụng các phương tiện máy móc hiện đại.

(4) Khái niệm *nhịp điệu*, tiềm ẩn từ lâu trong các nền hội họa baroque và lãng mạn, song cũng chỉ mới được nhận thức lại và được khai thác một cách triệt để ở phương Tây từ khi hội họa hiện đại ra đời.

(5) Xem bài *Tranh thờ Népal và Tây Tạng* (ĐĐ số 52, tháng 5-1996)

(6) Ronald Kitaj, một họa sĩ hiện thực có tài người Mỹ (sống ở Anh), đã từng tuyên bố : “ *Vẽ mặt người có lẽ là cái gì khó nhất trong hội họa* ”.

(7) Không thể hiện được *thời gian* là một trong những nhược điểm của hội họa, so với các nghệ thuật điện ảnh, truyền thông, sân khấu, v.v...

Vào những năm đầu thế kỷ, có những họa sĩ đã cố tìm cách thể hiện *sự chuyển động* trên tranh bằng một hình ảnh cố định như : Marcel Duchamp với *Nu descendant l'escalier* N°2 (1912), Giacomo Balla với *Chien en laisse* (1912), Umberto Boccioni với *Etats d'âme* (1911), v.v...

(8) Còn một loại khó khăn khác cũng rất hiển nhiên : ví dụ như con mắt của chúng ta không thể nào đứng yên một chỗ mà quan sát được nhiều vật thể *trong cùng một lúc*. Bạn làm thử mà xem. Trên thực tế, nhãn quan của chúng ta chỉ có thể tập trung vào *một điểm*, đó là điểm giao nhau của hai luồng nhãn tuyến của hai con mắt ! Có lẽ cũng vì thế mà người ta đã phải tạo ra phép vẽ phối cảnh ở thời Phục hưng Ý, và trong nền nghệ thuật truyền thống Á Đông, người ta đã phải vẽ tách biệt ra, vật ở đằng trước vẽ ở dưới, vật ở đằng sau ở trên...

Lá thư từ Quý Sửu

truyện ngắn

Bảo Ninh

Đêm mùa khô ngắn ngủi, trôi qua chóng vánh. Suốt đời, tôi không bao giờ còn sống lại một mùa khô nào như thế. Thời tiết lơ đãng, đất trời mơ ngủ. Tháng Chạp trong ngần. Tháng Giêng mở ra, phơn phớt sắc hoa cà, tươi mát như là đã chớm vào mùa mưa. Ban đêm, hàng đàn cá trầu từ hạ nguồn ngược lên vật dề quấy những tiếng âm vang trên sông Đắc Bờ La. Những vòng sóng lan trên mặt nước mùa khô phẳng lặng, ì oạp vỗ nhẹ vào đôi bờ. Mùa khô mà hầu như không thoảng một luồng khí nóng, suốt đêm chỉ những làn gió nồm nam chan chứa hạnh phúc hoà bình, từ ngoài xa thăm rười rượi thổi về, dào dạt rừng cây, đồi núi, lòng người.

Bên bờ đông Đắc Bờ La, hướng vùng dương sẽ mọc, màu trời thẫm dần lên. Bóng đêm mau chóng bốc thành hơi bay là là mặt nước và nhẹ nhàng tan ra dưới vòm xanh trong lác đác những đám mây đỏ. Phong cảnh đôi bờ thức giấc. Đồi núi trập trùng. Mặt trời hiện lên, sắc hồng lộng lẫy. Gió mai lộng thổi và ánh dương bừng chiếu.

Cái trần gian khổ cực, sứt mẻ và xém cháy, thắm đẫm đau thương này vậy mà vẫn còn trĩu nặng bao nhiêu là sinh lực mà vẫn còn ham sống biết là nhường nào. Tôi ngược nhìn lên theo cái bóng vụt qua của một con chim bồ chao. Bầu trời mùa khô mới trong buổi ban mai đã cao lên vời vọi. Một bầu trời bình yên, cảm tiếng súng, ngời sáng và quận đau. Một nỗi quận đau hầu như sưng rộp, hầu như không duyên cớ và hầu như ngớ ngẩn, vẩn trái tâm hồn tôi.

Tưởng như là trong mơ. Như là một điều không tưởng. Lẽ ra, chính vào lúc này đây, khuỷp từng giây theo thời gian biểu của chiến hào, những dàn pháo bày ở biệt khu 24 và căn cứ Bãi Ủi đã đến giờ khai hoả. Hàng chục họng 105 ly đồng loạt cất tiếng gầm. Luồng đạn xé trời, rừng rợn hú lên, kinh hoàng giáng xuống. Loạt thứ nhất rồi cấp tập ngay loạt thứ hai, thứ ba, sấm vang chớp giật. Buổi ban mai chưa tan hết sương đã ngay lập tức bị nhận chìm trong khói đặc đen ngòm.

Một ngày trên cao điểm 400 bao giờ cũng mở màn như thế, và như thế mới chỉ là khúc dạo đầu. Bom đạn Mỹ thì vô thiên mà ngày thì rất dài.

Có khi đàn khu trục tràn tới trong đội hình đông nghịt, choán lấy bầu trời, nhất tề cất bom. Có khi chúng bay đơn hoặc thành từng cặp, dai dẳng quần đảo trên đầu chúng tôi, như là trò chơi đu quay. Rồi bất thành linh chúng lật cánh, sắp lưng, rống lên, cắm mặt bổ nhào. Những trái bom bắt nắng, sáng loáng, to ra rất mau, nặng nề hú lên, rợn óc. Chỉ đếm được tới năm, bom đã chạm đồi. Sườn đồi bị xô lệch. Đất

đá vỡ toạc. Hầm hố, công sự co giật, chồm dựng lên như những chiếc mảng xoáy tròn trong sóng nổ. Mỗi chiếc AD6 tha được từ mười tới hai mươi quả bom nhưng mỗi lần bổ nhào chúng chỉ xài dè sẻn hai quả, thậm chí một. Thỉnh thoảng một chùm bốn trái napan, bọc kín mồm A của đồi 400 trong biển lửa. Khi bọn phi công đã chán chê, bay giãn ra thì lại tới phiên bọn pháo thủ. Khi đại bác chuyển làn thì thiết giáp và bộ binh vào trận. Cứ vậy, ròng rã hơn tháng trời không ngừng nghỉ, tiền pháo hậu xung. Nếu không nã pháo thì chúng dội bom, không dội bom thì chúng nã pháo. Rồi ào ạt xung phong. Từ chân đồi xông lên và từ bên mồm B đối diện vượt yên ngựa tràn sang.

Không phải chỉ một lần trận địa chúng tôi trên mồm A tưởng đã phải mười mươi mất vào tay địch. Bọn lính xung kích, ngực áo phanh rộng, đầu súng gắn lê đã liều chết nhào được xuống chiến hào, những trái u ết của chúng đã lộc cộc lẫn vào hầm chốt. Chỉ bằng vào nỗ lực cuối cùng, vận hết sức bình sinh gồng lên sống mái giáp lá cà tử chiến, chúng tôi mới đẩy lùi được chúng. Hầu như ngày nào sườn đồi cũng la liệt xác địch. Ban đêm, được dọn quang đi một phần, đến chiều hôm sau lại la liệt, chông dống, bốc mùi. Đủ loại sắc lính nguy đã thay thế nhau tấn công trung đội tôi và đã kế nhau nộp xác lại trên dốc đồi 400. Bọn dù thể chân bọn trung đoàn 45, rồi tới lượt bọn biệt động biên phòng, rồi lại bọn dù, và cuối cùng, gần Tết, là những tên lính cao lớn, lăm lẹ, cực kỳ hung hãn mang phù hiệu đầu lâu của trung đoàn 53.

Về đêm, pháo ta pháo địch như là bảo nhau tạm nương tay với đồi 400. Nhận đạn được, cơm nước, đón quân bổ sung, và đưa thương binh tử sĩ xuống “kiềng”, chúng tôi đều làm trong đêm. Trong đêm, chúng tôi đào chiến hào và dựng hầm chốt mới thay cho những cái đã bị bom pháo ban ngày mức khỏi mặt đất. Ở bên kia yên ngựa, bọn nguy cũng suốt đêm thỉnh thoảng đào hầm đào hố, sửa sang công sự và thu nhặt người chết, người bị thương. Giữa đêm tối, tiếng rên la vật vã, tiếng kêu khóc và cả sự giãy chết nữa không ngớt vẳng đến tai chúng tôi nghe như tiếng những hồn ma đang nấc nghẹn. Sườn đồi thành bãi tha ma lộ thiên với dập dờn hình bóng của bọn lao công đào binh. Chúng tôi chỉ ghìm súng canh chừng chứ không bắn vào những tên phu đồn khốn khổ ấy, mặc dù lắm khi chúng mò đến rất gần.

Nhưng sáng ra, những hồn ma bấy nát hồi đêm lại góc đầu dậy. Lại pháo, lại bom, lại những đợt tấn công thí mạng. Bị bắn chết như rạ, tả tơi, xơ xác, tưởng đã phải cạn sức chịu, phải tan tác, quị liệt, bọn lính chiến trung đoàn 53 vẫn tuân lệnh chỉ huy, nghiến răng, ủa lên, hứng đạn. Không còn là chiến trận nữa mà là tự sát hàng loạt. Khủng khiếp đến độ không thể nào tin nổi vào thực cảnh.

Thế mà rồi đột nhiên, cũng khó tin như vậy, đúng vào ngày Ông Táo lên trời, tất cả dừng lại, yên lặng. Chấm hết. Cuộc chiến như bất ngờ hụt bước, rơi lọt vào hư không.

Chiến tuyến nguyên xi. Chúng tôi vẫn mồm A, địch quân vẫn mồm B. Và tuyệt nhiên không có tiếng máy bay cũng tịch không một phát đại bác. Các đám cháy tàn lụi, mặt đất nguội đi mau chóng. Toàn cảnh bãi chiến trường quá đổi thanh bình, êm ả lạ là như trong một bức tranh thuốc nước.

Mấy ngày Tết, ngày nào thời tiết cũng tuyệt diệu. Ngày

nào cũng trong lành, cũng tươi sáng như bao bọc trong hào quang. Hạnh phúc hoà bình ngân dài trong gió, rực sáng dưới nắng, như là một niềm hư ảo có thể ngửi thấy, sờ thấy, có thể chạm tay vào được. Trên cao, bát ngát bầu trời xanh không tưởng, thăm thẳm, không một gợn mây. Dưới đồi, dòng sông Đắc Bờ La mặt nước màu lam nhạt, bình yên trôi chảy, trong vòng mười dặm không ngừng uốn lượn và gấp khúc.

Bên mỏm A, cờ Giải Phóng xanh đỏ sao vàng phấp phất tung bay trên nóc hầm tiền tiêu. Cờ ba que bên đồi đối phương cũng căng phồng lên, nhưng bởi may bằng vải ni lông nên cờ nguy kêu sột soạt.

“ *Này công dân ơi, quốc gia đến hồi nguy biến. Nào đồng lòng đi, đi, đi sát gùi thân sống...* ”

Trong buổi sáng đẹp trời, vạn vật đều như lâng lâng bổng bay, tan hoà vào không gian trong trẻo, ngay cả bản hành khúc kia của những người lính nguy cũng vậy, như tự thoát ra khỏi những lời ca hùng hăng, từ tốn cất lên, không gây cho tôi một cảm giác khó chịu rõ rệt nào. Và cả những tên lính trẻ đang gân cổ lên đồng ca đó, dù gì đi nữa thì chúng cũng không còn hoàn toàn là kẻ thù gớm guốc như trước đây, giờ đây chúng là “ *đối phương* ”.

– Rốt cuộc thì tất cả bọn chúng ta đây đều con Lạc cháu Hồng, tuy đã từng lờ tay giết nhau, nhưng mà từ nay xin thề không bao giờ còn đang tâm bắn vào nhau nữa ! — Thiếu úy Duy chỉ huy toán lính bên mỏm B, đã nhân lúc ngà ngà, bỗng bật phát lời thiện chí như vậy giữa thanh thiên bạch nhật sáng Mồng Một Tết.

Từ sáng đó tới sáng nay thiện chí của quân nguy đã được ba ngày. Chốt ta chốt nguy quân số ngang bằng, tuy là trung đội nhưng chỉ mười lăm người. Tất cả những toán xung kích đông đảo từng áp sát ba mặt đồi đều đã rút đi. Xe tăng cũng đã lùi xa. Sườn đồi đã tan mùi xác chết, ở đôi chỗ cỏ đã kịp mọc lên. Và trên cái yên ngựa trũng xuống giữa hai mỏm cao, nơi mà những ngày trước đây máu người tưởng chừng có thể ngập đến bụng chân, thì từ 29 Tết quân sĩ đôi bên đã cùng nhau cất lên một cái nhà lán mái tranh đơn sơ tre nứa, gọi là nhà hoà hợp. Các chỉ huy cấp tiểu đoàn của mỗi bên đã đến dự khánh thành ngôi nhà lạ lùng ấy. Nó được coi là một bằng chứng cho sự thi hành nghiêm chỉnh lệnh ngừng bắn ở khu vực này.

Những cuộc gặp gỡ tại túp nhà ấy bắt đầu từ đêm trừ tịch. Mỗi bên cất bốn người gác chốt, còn lại xuống yên ngựa đón giao thừa với đối phương. Như thể hai đội bóng đá. Cố nhiên là tuyệt đối không vũ trang. Thoạt đầu lính đôi bên tách thành hai khối, e dè, gượng gạo, nhưng về sau chẳng ai ra lệnh, chẳng ai bảo ai, quây quần lại, trò chuyện, ăn uống. Mâm cỗ chung khá là thịnh soạn. Ngoài bánh chưng, bánh tét, các thứ rau rừng và cá tươi sông Đắc Bờ La, những món khác thì xưa nay bên này nếm được của bên kia chỉ sau khi đã bắn chết nhau.

Ngồi bên nhau, tất cả những người lính đều còn rất trẻ, sáng láng, tươi tắn và còn đầy sức vóc, mạnh mẽ, rắn rỏi, xạm màu nắng gió. Nhưng tất cả cũng đều gầy guộc, hốc hác, hằn nét kham khổ, trĩu nặng cực nhọc. Ngây ngất niềm vui năm mới và hoà bình, râm ran trò chuyện nhưng mà tuyệt nhiên không một lời đụng đến trận mạc. Như tất cả

những kẻ ngày Tết ngày nhất mà phải xa gia đình, binh lính chỉ chuyện quê nhà kể cho nhau. Chẳng ai lên giọng phách lối, chẳng ai đấu khẩu, chẳng ai lý sự. Không ai có thể cứng lòng cho nổi. Tất cả chan hoà trong một bầu không khí tương thân thật lòng, một niềm thông cảm và cả một sự xót thương lẫn nhau nữa rất khó tả. Trước khi chia tay, Thanh, ca sĩ của trung đội tôi cao giọng hát “ *Việt Nam trên đường chúng ta đi* ”. Một tay tốt giọng của bên nguy thì hát “ *Đàn chim Việt* ” và “ *Nối vòng tay lớn* ”. Lính đôi bên hát theo, và có những người hát trong nước mắt. Quả thật cảm thù nên cỗi không nên thất, tôi nghĩ.

Trong lòng tôi sẽ còn mãi nỗi hoài nhớ “ *nền hoà bình Quý Sầu* ”. Suốt đời, tôi không thể nào quên những ngày Tết hão huyền và bi thảm ấy.

Sau đêm giao thừa, thêm vài cuộc tụ họp nữa dưới nhà hoà hợp, tôi đã có thể nhớ mặt biết tên, thậm chí biết đại khái tâm tính của tất cả toán lính trấn giữ bên kia đồi. Song trong số họ chỉ có thiếu úy Duy là người mà mãi mãi về sau chắc chắn tôi vẫn sẽ mừng tượng lại được nét mặt, vóc dáng, giọng nói. Duy hơn tôi ba tuổi, đời lính cũng dài hơn nhưng nom trẻ hơn. Mãi người cao ráo, trắng trẻo, giọng trầm, ít nói, có vẻ một con người kín đáo nhưng giàu tình cảm và dễ gần. Toán lính dưới quyền Duy tên nào tên nấy đều có vẻ rất tôn phục anh ta.

Dù Duy là công giáo, lại dân Bắc di cư, Hà Thành chính hiệu — như anh ta nói, tôi không thấy e dè. Duy thuộc kiểu người mà bình thường ra không trong cảnh đối đầu hai trận tuyến thì tôi đã dễ dàng kết bạn. Còn Duy hình như cũng có lòng cảm mến tôi. Không trò chuyện gì nhiều với nhau nhưng giữa hai chúng tôi như ngầm có một sự tin cậy.

Trầm trầm, nhát gừng, chúng tôi kể về mình và hỏi về nhau. Duy hỏi tôi có rành Hà Nội không. Không. Làng tôi không xa Hà Nội, nhưng cách sống. Thêm nữa, chiến tranh. Mười tám đã nhập ngũ. Nên ít có dịp. Duy thở dài :

– Ông thân tôi đưa gia đình rời Hà Nội năm 54. Dẫu khi đi còn bé tí, nhưng đến giờ tôi vẫn lơ mơ nhớ lại được đôi chút. Hồ Gươm. Tàu điện. Nhà thờ Lớn. Và mấy người anh chị em họ con ông chú. Ngôi nhà của gia đình chúng tôi rất đẹp. Phố Khuông Việt. Bây giờ nhà ấy của chú tôi. Năm 54, ông ấy đành cam lòng sống xa Chúa và xa họ hàng thân thuộc, chứ nhất định không chịu bỏ Hà Nội mà đi.

Tôi bảo như vậy là may vì sau này anh sẽ được nhiều thuận lợi khi ra chơi miền Bắc. Duy cười, phẩy tay, lắc đầu. Khó lắm. Hoà bình rồi nhưng mà mong manh lắm. Và dẫu có giữ bền được thì cũng chẳng biết đến bao giờ mới hai miền qua lại thông thương.

Duy lớn lên ở Hồ Nai, gần Sài Gòn. Xong tú tài thì phải đi sĩ quan Thủ Đức. Liên miên đời lính. Tết nào cũng phải xa nhà. Ngày ngày hơi men, anh ta đưa tôi xem ảnh người yêu. Và bảo :

– Ước gì tới ngày thành hôn của chúng tôi, tôi có thể gửi thiệp mời anh và tất cả các anh em đây vào trong đó chơi.

Mặc dù cố tránh chuyện chiến tranh nhưng do rượu vào nên cũng không thể tránh được có lúc buột miệng nhắc đến E24 của chúng tôi và E53 của Duy đã đụng nhau vô số trận. Trận nào cũng đẫm máu. Riêng tại đồi 400 này trước khi

ngừng bắn, đại đội Duy đã thay ba lượt lính.

— Trung uý Sáng, bạn chí thiết nhất của tôi suốt bao năm qua, bị giết ngay phút chót, giáp giờ ngừng bắn. Chính tại chỗ này ! — Mặt sa sầm Duy trở xuống nền đất túp nhà tranh.

Còn bản thân Duy thì đã có lần, do không kịp rút về sau khi đợt xung phong bị đại liên bẻ gãy, đã phải nín thở nằm bó gối từ trưa đến tối khuya trong một hố pháo cách hầm chốt của chúng tôi chỉ mấy với tay.

— Nếu khi đó tôi còn một trái lựu đạn — Duy nói, nắm tay xiết lại — Thì cái khẩu Côrinốp khốn kiếp của mấy anh đã phải thăng thiên rồi !

Thậm chí Duy còn mượn rượu để ra lời hăm dọa.

— Cái đỉnh đời mấy anh đang giữ là thứ rất gai mắt các ông tướng ông tá bên bọn tôi. Cho nên hoạ đến cấp kỳ khi nào không biết đó nghe.

Nhưng dù vậy tôi vẫn cảm thấy yên tâm khi chỉ huy quân đối phương là một nhân vật như Duy. Thú thực, biết nhau chưa đầy một tuần mà lạ thay, tôi thấy lưu luyến, hơi buồn và cả chút lo ngại nữa khi phải từ giã nhau. Tôi được điều về trình sát tiểu đoàn, còn Duy thì về phép.

Chiều qua, dưới nhà hoà hợp, Duy chia tờ lệnh cho về phép ra khoe.

— Thật là đại hồng phúc đến với tôi. Tôi muốn thở phào. Nói thật là suốt mấy hôm rồi tôi luôn thấp thỏm trong lòng. Tôi tuổi Sửu năm tuổi, lại nơi hôn tên mũi đạn này.

— Nhưng, chẳng phải là đã hoà bình rồi sao — tôi nói.

— Vâng, quả vậy, — Duy thở dài, mắt sụp xuống — nhưng thân phận lính chiến chạy tiền đạo trên bờ vực thảm thì chẳng biết thế nào mà nói chắc thủa anh. Không giấu gì anh, hiện lúc này mà được về phép là đặc biệt hi hữu. Tôi chẳng dám tin là sự thật nữa kia.

Duy mời anh em bên chúng tôi nán lại dự bữa nhậu do lính trung đội anh ta tổ chức chia tay với chỉ huy. Chúng tôi cáo từ, chỉ mỗi người cụng một ly với anh ta để chúc mừng và chia vui.

— Còn bên mấy anh thì sao ? — Duy hỏi — Khi nào thì mấy anh được trở ra ngoài kia theo điều khoản *một đổi một* ?

— Không biết. Sẽ có lúc thôi. Chắc là cũng sắp.

— Thưa anh, tôi mạo muội hỏi vậy bởi vì muốn phiền anh giúp cho một việc hết sức là tối hệ của gia đình tôi, nhưng mà không biết là...

Ngạc nhiên, bối rối, nhưng tôi bảo Duy cứ nói, nếu không ngoài khả năng cho phép thì tôi có thể.

— Như bữa trước đã thưa với anh, gia đình tôi còn một ông chú ở Hà Nội. Hai chục năm qua dẫu không mảy may thư từ tin tức gì cả nhưng đối với ông ấy, ông cụ thân sinh tôi vẫn một lòng thương nhớ khôn nguôi... Nhất là vào dịp lễ Giáng sinh hay khi Tết Nguyên đán này. Bữa trước, khi còn đang phong phanh tin sắp ký hoà ước Balê, ông cụ viết một lá thư rất dài dòng cho tôi. Trong thư ông cụ toàn viết những niềm ước ao hoà bình, thống nhất, nhưng mà đọc buồn lắm. Ông cụ lại nhắc đến ông em trai và ôn những kỷ niệm ngày xưa đất Bắc. Rồi ông già viết rằng ước sao có cách gì thông tin ra

ngoài ấy cho chú ấy để rồi thì chú ấy có thể biên thư vào cho trong này... Thưa, chắc là anh đã hiểu điều tôi toan nhờ cậy. Tôi đã viết một lá thư cho ông chú. Viết vắn thôi, sơ lược tình hình gia đình trong này chứ không viết gì hơn. Dạ, xin anh nhất thiết đọc qua. Nếu mà anh nhận cho thì đây sẽ là một sự mừng vui lớn lao cho ông già tôi chuyển này.

Suy nghĩ thật nhanh, tôi thấy nhờ cậy chuyển thư thế này có phần lạ lùng nhưng từ chối thì thật chẳng nên. Không chỉ Duy mà còn những lính ngự khác đang nhìn vào kia sẽ nghĩ sao về lòng tốt của lính cách mạng.

Trao phong thư cho tôi, Duy xúc động có phần như hơi thái quá, tay run, giọng nghẹn lại nói lời cảm tạ. Anh ta chừng như muốn ôm lấy tôi. Không hiểu sao tôi cứ thấy bản khoăn mãi. Sáng nay, quan sát bên mỏm B thấy họ xếp hàng chào cờ đủ mười lăm người. Tôi tự hỏi không biết có phải là đã có sĩ quan khác về thay hay là Duy chưa rời đơn vị. Rồi tôi lại tự lấy làm lạ là hà cớ gì mà mình phải bản khoăn về điều đó cơ chứ ?

Một mình tôi rời đồi 400. Lối mòn dẫn về tiểu đoàn bộ lượn men bờ Đả Bồ La. Thong thả bước đi, tôi lấy lá thư trong túi áo ra. Phong bì tự xếp lấy bằng giấy trắng mỏng. Đề tên họ ông chú. Địa chỉ : 13 phố Khuông Việt, Thủ đô Hà Nội. Lá thư bên trong mỏng tang bằng giấy pơ luya. Phong bì dán hồ. Tôi toan bóc ra kiểm tra. Nhưng, làm thế làm gì chứ, tôi nghĩ, và bỏ lại phong thư vào túi. Tôi sẽ kèm phong thư của Duy vào phong thư của tôi gửi gia đình. Tôi sẽ nhờ cậu em trai mang đến tận tay người nhận. Mà không biết chừng, tại sao không nhỉ, biết đâu đấy, sắp có chuyện *một đổi một* thật cũng nên. Tiểu đoàn sẽ được chuyển quân ra Bắc. Tôi sẽ được về phép. Và tự tôi sẽ đưa thư đến cho ông chú của Duy. Ông ta sẽ lạ lùng và vui sướng biết bao. Phố Khuông Việt, nghe là lạ. Phố Khuông Việt ở đâu nhỉ ? Tầm mình trong hơi ẩm của cuộc sống đang toả rộng, tôi thả mình vào mộng mơ. Vào bầu trời trong xanh lồng lộng, vào tiếng thì thầm của đất, tiếng rì rào của rừng cây và sông nước thanh bình...

Tôi rời trung đội buổi sáng. Ba giờ chiều, bọn ngự chớp nhoáng ra đón. Mặt trời còn trên cao vót, vậy mà chúng không bị phát hiện. Tất cả các hầm chốt của trung đội tôi bị mất mà không kịp nổ một phát súng. Điều gì đã xảy ra, tổ cảnh giới ngủ gật chẳng, mãi mãi tôi không thể nào biết được. Kể cả Thanh, người duy nhất thoát được cũng không biết gì hết. Đang bị sốt nằm một mình trong hầm, nghe tiếng chân huỳnh huỵch thỉnh thoảng, cậu ta nhìn ra thì quân ngự đã ào lên tràn ngập trận địa.

Gặp lại tôi ở kiềng, Thanh lão đảo bước tôi. Anh úp bộ mặt xây xát, rớm máu vào ngực tôi, khóc nức lên.

Tiểu đoàn trưởng trực tiếp chỉ huy phản kích giành lại cao điểm 400. Phải chịu trách nhiệm nặng nề về việc để mất chốt, tôi bị cách chức B trưởng, giáng từ thượng sĩ xuống binh nhì. Chấp nhận kỷ luật, nhưng tôi quyết không chịu để bị gạt khỏi cuộc phản công.

— Tôi sẽ chuộc tội. Sẽ rửa thù này ! Tôi sẽ...

Tôi gào lên nhưng chỉ thành những tiếng nức nghẹn, những tiếng thì thầm, thổn thức trong đáy họng.

Muốn đoạt lại chốt từ trong tay bọn ngự đang cầm quân đông nghịt trên đồi một cách mau lẹ thì chỉ có thể như chính

bọn nguy đã làm là đánh úp bất ngờ. Nhưng yếu tố bất ngờ bị chúng tước mất rồi, dù đánh ngày hay đánh đêm. Tiểu đoàn trưởng vạch phương án mật tập lúc rạng đông. Không dùng đông quân, chỉ một phân đội nhỏ, trang bị tiểu liên và thủ pháo áp sát đồi. Nửa đêm trườn lên êm trong sương mù trắng yên ngựa. Trời sáng sẽ từ đó bật lên tấn công, và không chỉ giành lại mỏm A mà phải cả mỏm B nữa.

Từ mờ sáng chúng tôi lọt vào yên ngựa kín đặc sương giữa hai mỏm đồi. Cái nhà hoà hợp vẫn còn đó, mái tranh hiện rõ dưới pháo sáng. Bọn nguy chong mắt chờ cuộc phản công ban đêm. Và rồi cuộc, khi đêm đã qua, giống như trung đội của tôi, bọn địch trên cả hai mỏm đồi đã trể nải cảnh giới. Chúng bị tiêu diệt mà hầu như không dấp trở tay. Đợi mặt trời mọc, thậm chí đợi tan sương, hừng nắng, trườn vào thời gian mà những ngày trước trung đội của Duy làm lễ chào cờ, chúng tôi mới tấn công. Từ nhà hoà hợp ào lên, tức là từ tung thâm đánh ra, hoàn toàn xuất kỳ bất ý đối với bọn giặc. Tiểu đoàn trưởng đảm trách phân đội diệt mỏm B, tôi thì tạm thời nhận lại quyền chỉ huy mũi thọc lên mỏm A.

Chúng tôi cầm lặng bật dậy, lao lên. Tim đập mạnh đến nỗi tôi không nghe thấy tiếng chân mình và tiếng chân anh em lao xạo phía sau. Cuộc xung phong như một cơn cuồng phong lặng ngắt như tờ. Chỉ đến sát mép hào rồi mới một tiếng thét : “ Giết...! ”. Lựu đạn quét thành dây. Bọn nguy đang ăn, bất ngờ nổ tung lên cùng với cơm canh, rồi lập tức bị dồn vào cuộc giáp lá cà. Lưỡi lê, súng súng. Huỳnh huych đập phang, đâm, tiếng la hét, tiếng kêu rú. AK thúc hòng vào bụng kẻ địch mà bắn. Thủ pháo và lựu đạn nổ oàng oàng trong các ngách hầm. Không quá mười phút giải quyết xong mỏm B. Bên chúng tôi còn nhanh hơn.

Tôi bước tới bên hầm chỉ huy, kéo giật lá cờ ba que trên nóc xuống. Căn hầm bị tọng thủ pháo, vỡ toác, toang ra như một cái rương bị bật nắp, ở cửa hầm một mâm cơm tanh bành, bánh tét, bia lon, đồ hộp. Ba người trong hầm chết ngổ ngáo vào nhau. Tôi hất cái mũ sắt đang sụp xuống che lấp khuôn mặt một cái xác ngồi dựa vào vách hầm. Giật bắn mình, tôi bước lùi lại. Thiều úy Duy ! Đầu ngoẹo về một bên vai. Mắt mở, máu ứa ra ở mép. Tôi lặng người. Tại sao thế này ? Anh ta bị cắt phép, hay là không hề có chuyện phép tắc nào cả ?

Không hiểu vì sao, trong cái hốc khét lẹt, đầm máu, chật cứng chết chóc này, chiếc bộ đàm PRC25 vẫn sống nhần, mặt máy vẫn sáng xanh, và từ cái cáp tai nghe còn quàng trên cổ người lính truyền tin đã chết gục bên cạnh Duy, mệnh lệnh của quan trên vẫn vượt qua mấy tầng đại bác dội đến, ráo riết phát ra, hồi thúc, nổi nóng, đe dọa, văng tục, khẩn thiết đến độ quên ráo cả mặt ngũ diện đàm.

Tôi gỡ cái tổ hợp ra khỏi những ngón tay co quắp của xác chết, và rồi hoàn toàn bất ngờ với chính mình, tôi hét lên, lạc giọng, vào ống nói :

– Đ. mẹ mày... Mỹ-ỹ-ỹ..!



Từ bấy tới nay, thời gian mất đi đã nhiều năm, nhưng nỗi đau Quí Sửu vẫn mãi còn là một hạt sạn trong ký ức tôi. Những ngày Tết, ban đêm, tôi vẫn thường ngược luồng thời

gian trở về với cao điểm đồi 400, nhìn thấy lại mặt sông Đắc Bờ La lấp lánh ánh phản quang những buổi mai hồng, và dù là trong mơ mà lòng lại nhói đau khi gặp lại anh em đồng đội đã khuất.

Thỉnh thoảng, trong vùng khuất nẻo nhất của những giấc chiêm bao, tôi cũng thoáng thấy Duy. Tôi vẫn luôn nhớ đến anh ta. Năm tháng khiến cho những kỷ niệm của tôi về con người ấy phần nào biến hình đi, không còn lại sự khùng khiếp và lòng căm thù, chỉ còn lại nỗi buồn thương.

Hồi đó, tôi không gửi lá thư của Duy ra Bắc như đã dự tính. Lá thư nằm trong ba lô cho đến hết chiến tranh. Giải ngũ, tôi khoác ba lô về nhà. Phong thư còn đấy, chôn dưới đáy ba lô, lẫn với nhiều vật linh tinh khác.

Cũng chẳng để làm gì cả, nhưng lần đầu tiên tôi bóc thư ra. Không ngờ, có hai lá thư trong một phong bì. Thư gửi ông chú với những lời hỏi thăm và những lời vắn tắt kể về tình hình những người thân trong Nam. Đề mừng Ba Tết Quí Sửu. Ký tên Duy. Số hiệu của hòm thư KBC. Thư kia rất ngắn, đề gửi chung các anh bộ đội. Và cuối thư Duy không ký tên. Thư viết :

“ Thưa các anh bộ đội. Tôi may mắn được về phép nhưng lòng canh cánh sợ cho mọi người còn lại ở chốn này. Cấp trên của bên chúng tôi đã ra lệnh phải chiếm đoạt cho bằng được toàn bộ quả đồi này. Tức là phải tiêu diệt mấy anh. Có thể chỉ trong tuần này hoặc tuần sau là sẽ xảy ra thôi vì hiện bên chúng tôi đang có sự chuẩn bị gấp gáp. Quân số bí mật dồn về đông lắm. Tôi không muốn nhưng không làm gì được. Xin hãy cẩn trọng và xin hãy hiểu cho lòng tôi một người anh em ”.

Về sau, đôi lần vào qua Hà Nội tôi có đi tìm phố Khuông Việt nhưng không tìm thấy. Hỏi thăm chẳng ai biết. Có người đoán đó là tên cũ thời Tây của một phố nhỏ nào đấy. Thành ra tôi cứ còn giữ mãi thư của Duy cho đến tận bây giờ. Lá thư từ Quí Sửu.

Bảo Ninh

(Thanh Niên, số Xuân Đinh Sửu 1997)

DIỄN ĐÀN forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ ♦ Imprimé par nos soins
Dépôt Légal : 178/91 ♦ Commission Paritaire : AS 7 324 ♦ Prix : 25 F.

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, 92340 BOURG-LA-REINE (Pháp)

Fax : từ Pháp : 01 45 88 54 58 ; quốc tế : 33 1 45 88 54 58

Địa chỉ điện tử (E-Mail) :

diendan_forum@compuserve.com

Đại diện ở các nước :

Đức : TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG

Ba Lan : ANNA LE DUC, 03-914 WARSZAWA, ul. Saska 44/19

Thẻ lệ mua báo : xin coi trang 3

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font ThinArt) hay PC (font VNI, PDT...) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet)